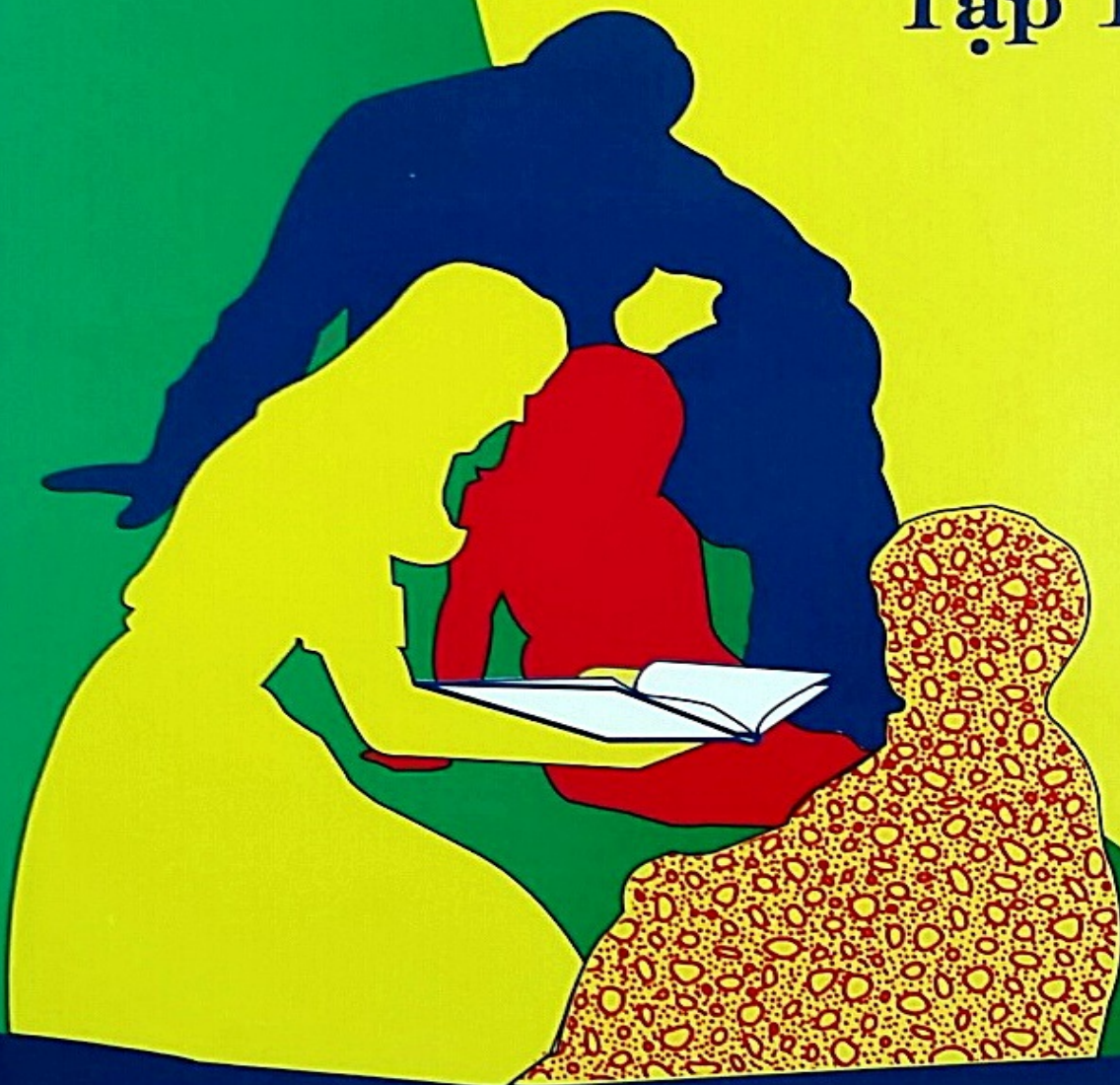


Raymond Thứ, CMC  
(Ly Bá)

# Truyện

## CÁC THÁNH

Tập 1



Hiệu Sách Regina

# **Truyện Các Thánh**

**Tập 1**

**Lm Raymond Thu, CMC**

**LY BÁ**



Sách này được gửi miễn phí đến các độc giả từ:

<http://ebooks-tscongiao.blogspot.com>

Xin đừng sao chép rồi bán lại dưới mọi hình thức.

## NỘI DUNG

[Lời Đầu](#) 2

[Bông Huệ Thành Rôma: Thánh Anê \(21/1\)](#) 3

[Con Bò Câm: Thánh Tôma Aquinas \(28/1\)](#) 5

[Người Bạn Của Thiếu Nhi: Gioan Don Bosco \(31/1\)](#) 8

[Đóa Sen Tắm Máu Đào: Thánh Agata \(5/2\)](#) 10

[Anh Em Sinh Đôi: Thánh Scôlastica và Thánh Bênêđictô](#) 11

[Thánh Valentinô \(Saint Valentine's Day\)](#) 13

[Bên Bụi Hồng: Thánh Bênêđetta \(18/2\)](#) 14

[Người Điên Trên Hè Phố: Thánh Gioan Thiên Chúa \(8/3\)](#) 17

[Bạn Của Người Nghèo: Thánh Phanxica Thành Rôma \(9/3\)](#) 19

[Người Nô Lệ: Thánh Patrick \(17/3\)](#) 21

[Nhà Giảng Thuyết Lùng Danh: Thánh Vinh Sơn Fêriê \(5/4\)](#) 23

[Nhà Giáo Dục Đại Tài: Thánh Gioan Lasan \(7/4\)](#) 25

[Nụ Cười Của Chúa: Thánh Catarin Thành Siê-na \(29/4\)](#) 26

[Bác Canh Điền: Thánh Isidôro \(15/5\)](#) 31

[Đau Khổ Nhưng Đừng Chết: Thánh Mai Đê Liên \(25/5\)](#) 32

[Kẻ Ngã Ngựa: Thánh Nôbertô \(6/6\)](#) 34

[Ông Thánh Hay Làm Phép Lạ: Thánh Antôn Pađuá \(13/6\)](#) 35

[Một Công Tử: Thánh Lu-y \(21/6\)](#) 37

[Bông Huệ Nhuộm Máu: Thánh Maria Goretti \(6/7\) 39](#)

[Tôi Tố Các Bệnh Nhân: Thánh Camillô \(14/7\) 43](#)

[Bỏ Giàu Sang, Chọn Nghèo Khó: Thánh Clara Assisi \(11/8\) 45](#)

[Vị Thánh Của Trẻ Thơ: Thánh Giáo Hoàng Piô X \(21/8\) 46](#)

[Bà Mẹ Kiên Nhẫn: Thánh Monica \(27/8\) 49](#)

[Cứu Đời: Thánh Vinh Sơn de Paul \(27/9\) 51](#)

[Người Anh Em Hèn Mọn: Thánh Phanxicô Assisi \(4/10\) 52](#)

[Phượng Hoàng Avila: Thánh Têrêsa Avila \(15/10\) 56](#)

[Chàng Lính Thương Người: Thánh Mạc-Tin Thành Turinô, GM \(11/11\) 57](#)

[Hoàng Hậu Tô Cách Lan: Thánh Margaret \(16/11\) 60](#)

[Ông Già Noel: Thánh Nicholas \(6/12\) 62](#)

[Bước Qua Thân Cơ: Thánh Gioanna đê Chantal \(12/12\) 64](#)



## Lời Đầu

Bạn thân mến,

Các thánh là ai?

Các ngài là những người như bạn và tôi. Cũng mang một thân xác yếu hèn, các ngài phải lệ thuộc nơi không gian và thời gian. Cũng có một linh hồn với những yếu đuối riêng tư, các ngài có thể phạm tội như bạn và tôi. Cũng mang những tâm tư và xúc cảm nhân loại, các ngài có thể hướng tìm chân, thiện, mỹ, hay theo đuổi những phù hoa tạm bợ.

Các thánh là ai nữa?

Các ngài là những người khác với bạn và tôi. Người xưa thường nói: “*Thánh nhân dị chúng nhân*”. Các thánh có những khía cạnh cuộc sống khác biệt với cuộc sống của bạn và tôi. Các ngài có những nhân đức siêu việt bạn và tôi không có, hay các ngài không có những nét xấu, đam mê bạn và tôi mắc phải. Đôi khi các thánh có thái độ, lời nói, cách cư xử thật lập dị với người đời. Lúc bình sinh, rất nhiều vị thánh đã bị người đời gán cho là điên là khùng. Thế nhưng cái điên cái khùng của các ngài lại khôn ngoan gấp ngàn vạn lần sự khôn ngoan của bạn và tôi. Chính ở những điểm này, các thánh khác biệt với chúng ta.

Nhưng bạn hỏi: “*Chúng ta có thể nên thánh được không?*”

Tôi quả quyết với bạn: Nhờ ơn Chúa phù giúp, mỗi người chúng ta có thể nên thánh. Đã có hàng ngàn hàng vạn người được Giáo Hội phong thánh. Chỉ riêng dân tộc Việt Nam nhỏ bé của chúng ta đã có 117 vị Tử Đạo được Giáo Hội tôn phong Á Thánh. Nếu tính những vị thánh trên nước trời nhưng không được Giáo Hội tuyên phong ở trần thế, chúng ta không thể đếm xuể. Các thánh đã sống một bậc sống như bạn và tôi. Sống trên đời, các ngài có thể đã làm Giáo Hoàng như thánh Piô X hay Giám Mục như thánh Nicôla. Các ngài có thể là linh mục như thánh Tôma Aquinas, Antôn, Vinh Sơn Fêrriê, hoặc tu sĩ như thánh Lu-y Gông-gia-ga, hay nữ tu như thánh Têrêxa Avila, Mađalêna đệ Pazzi, Clara. Các ngài có thể là những đấng sáng lập dòng như thánh Bênêdictô, Phanxicô, Gioan Boscô, Gioanna đệ Chantal; hay các ngài chỉ là

những giáo dân gia nhập hội dòng ba như thánh Catarina Sienna. Các ngài có thể là trinh nữ như thánh Agata, hay sống đời làm vợ, làm mẹ như thánh Monica, Phanxica Rôma. Có những thánh trẻ như Anê, Maria Goretti tử đạo để bảo toàn Đức Trinh Khiết khi mới 12, 13 tuổi; nhưng cũng có những thánh sống cao tuổi đời như Vinh Sơn đệ Phaolô qua đời lúc 79 tuổi. Các ngài có thể là vua như thánh Lu-y nước Pháp, là hoàng hậu như thánh Margaret nước Tô Cách Lan, làm quan như thánh Nôbertô, đi lính như thánh Mạc-Tin thành Tours, là nông dân như thánh Isidôrô, làm nô lệ như thánh Patxiô. Bạn thấy chưa? Mọi bậc người có thể nên thánh. Bạn và tôi có thể nói như thánh Augustinô: *“Ông nọ bà kia làm thánh được, sao tôi không làm được!”*

Điều đáng chú ý hơn nữa là chính Chúa Kitô và Giáo Hội đòi buộc mọi người chúng ta nên thánh. Chúa phán: “Các con hãy nên trọn lành như Cha các con trên trời là Đấng trọn lành” (*Mátthêu 5:48*). Nên trọn lành là gì nếu không phải là nên thánh? Thiên Chúa muốn mọi người nên thánh. Thánh Phaolô dạy: “Thiên Chúa muốn anh em được thánh hóa” (*1 Thes 4:3*). Thánh Ý của Thiên Chúa và của Giáo Hội đã rõ ràng: Bạn cũng như tôi, chúng ta phải nên thánh.

Gương lành cuộc sống của các thánh, những người đi trước chúng ta, sẽ phấn khích bạn và tôi mau mắn đáp lại lời kêu mời và đòi buộc nên thánh của Chúa và Giáo Hội. Chính vì mục đích đó, TRUYỆN CÁC THÁNH Tập 1 được trao tới bạn. Đây là mẫu truyện cuộc đời của 30 vị thánh đã được lần lượt đăng trên Nguyệt San Trái Tim Đức Mẹ từ năm 1981 tới năm 1984 dưới bút hiệu LY BÁ. Tác giả hy vọng tập TRUYỆN CÁC THÁNH này sẽ giúp bạn hăng say và vững bước tiến về Quê Trời, quê hương được tiền định cho các bậc thánh nhân.

*Raymond Thu, CMC*



## **Bông Huệ Thành Rôma: Thánh Anê (21/1)**

Một ngày đẹp trời tháng giêng 304, Anê, cô gái 13 tuổi, trong chiếc áo trắng đơn sơ, đưa mắt nhìn bầu trời Rôma, nàng đang thả hồn về dĩ vãng. Mắt nàng chiếu sáng như vì sao trên trời tối. Nàng lặp đi lặp lại lời hứa trong thánh lễ sáng nay:

– Con xin khẩn giữ mình đồng trinh. Con xin dâng mình con cho Chúa Giêsu Kitô, đáng con sẽ phụng sự bây giờ và cho đến muôn đời.

Anê hiểu rõ ý nghĩa lời nàng hứa. Nàng biết rằng giữ đạo Chúa Kitô trong quê hương nàng lúc này có thể dẫn đến cái chết. Nhưng tim nàng phùng phùng tình yêu Chúa. Nàng cũng ý thức rõ cuộc sống gia đình: Một người chồng tốt, một mái ấm hạnh phúc. . . . Nhưng nàng đã am tường việc hiến dâng thân xác và linh hồn cho Chúa Kitô vượt xa mọi vui thú trần gian.

Tuy nhiên, Anê không để ý rằng sắc đẹp duyên dáng, đức hạnh và sự giàu sang của nàng đã làm nhiều chàng trai quý phái mê mẩn, trong đó có con trai quan trấn Rôma. Nhiều chàng đã dám hỏi cha mẹ nàng để xin cưới nàng làm vợ, nhưng lần nào các chàng cũng được trả lời: "Tôi đã hứa hôn với người khác". Dầu thế, con trai vị quan trấn không quá dễ dàng nhụt chí. Chàng là người ngoại đạo. Một chiều nọ, đờn khi Anê đi dạo một mình trong vườn, chàng đột ngột xuất hiện cản lối Anê, hỏi cho bằng được nàng đã hứa hôn với ai? Biết rằng nếu không trả lời chàng trai này sẽ không tha nàng, nên Anê đáp:

– Tôi đã hứa hôn với người mà tôi yêu trọn con tim.

Chàng hạch lại:

– Người đó là ai mà cô sợ không dám nói tên hẳn?

Anê chột nghĩ rằng đây là cơ hội tốt để nàng tuyên xưng Đức tin của mình.

– Tôi không sợ! Tôi đã trao dâng thân xác và linh hồn tôi cho Đức Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa.

– À, thế ra cô là Kitô hữu! Cô không biết rằng tôi có thể tố cáo xử tử cô hay

sao?

Anê im lặng. Chàng dụ dỗ, rồi hứa sẽ giữ kín điều đó nếu nàng ưng thuận làm vợ chàng. Nhưng vô hiệu. Cuối cùng, thấy không thể thay đổi lòng nàng, chàng bực tức, nghiến răng, nắm tay gơ lên trước mặt Anê:

– Đồ Kitô giáo! Rồi cô biết tay tôi!

Chàng lủi thủi rút lui.

Chẳng mấy chốc, tin "cô Anê diễm lệ là một Kitô hữu" đã loan truyền khắp thành Rôma. Nàng không chút ngỡ ngàng khi nhận được lệnh phải ra hầu tòa. Nàng mặc quần áo rất đẹp, như đi dự tiệc, bước khoan thai giữa hai người lính đến bắt nàng.

Sự thù mị đáng yêu của nàng làm mềm lòng cả vị quan tòa. Ông mỉm cười nói với nàng:

– Anê, cô là một cô gái đẹp. Tôi nghe rằng cô thông minh, giàu có, và nhiều chàng trai quý phái đã hỏi cô làm vợ. Có đúng cô đã từ chối không lấy con trai quan trấn Rôma không?

Anê bình thản, hiên ngang trả lời quan tòa:

– Tôi đã kết hôn với Đức Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa.

Một cảm giác bình an sâu xa tỏa lan khắp cơ thể nàng.

– Thế ra, tin đồn cô là một Kitô hữu là đúng. Cô không biết cô có thể bị xử tử hay sao?

Anê thềm xin Chúa tăng sức mạnh cho nàng, nàng gật đầu đáp:

– Tôi sẵn sàng chết, chứ không lấy chồng. Thân xác và linh hồn tôi thuộc về Thiên Chúa.

Đột nhiên, một ánh nhìn gian manh hiện trên nét mặt vị quan tòa. Ông nói:

– Được rồi, cô không sợ chết. Nhưng để xem cô có nhượng bộ trước cái giá

quá cao đó không!

Anê rùng mình. Nàng đáp:

– Đức Kitô là Thiên Chúa toàn năng Ngài sẽ bảo vệ tôi!

Không bao lâu, Anê đã đứng trước cửa một căn nhà. Ánh sáng lờ mờ. Nàng nghe tiếng cười nói vọng ra từ bên trong. Biết rằng đây là một lầu xanh, nơi vui chơi trác táng của các chàng sở khanh, nàng thâm thĩ than thở:

– Ôi Giêsu, Bạn Trăm Năm của con, xin bảo vệ con! Con thuộc về Chúa.

Tên lính đập cánh cửa mở toang, rồi trao tờ giấy cho mục tử bà trang phục diêm dúa. Với giọng êm ái, mục tử nói với Anê:

– Ôi, cô bé đáng thương, cô làm sao vậy? Cô hãy vào trong nhà đi, đừng sợ chi cả! Chúng tôi sẽ chăm sóc cô.

Nói rồi mục tử liếc nhìn các gã sở khanh đang ngồi tại chiếc bàn lớn, mục neho mày. Bầu khí ồn ào trong nhà bỗng im bật. Đồng loạt vất ly xuống bàn, các chàng sở khanh trừng trừng nhìn Anê. Rồi một anh chàng kêu lên:

– Cô bé đẹp quá! Nàng là ai vậy?

Bọn họ nhảy ra khỏi bàn, nhào tới tranh giành Anê. Bỗng nhiên bọn họ khựng lại, mắt trắng tráo nhìn Anê sợ hãi. Mọi người ngậy ra, không nhúc nhích.

Một chàng sở khanh la to:

– Đồ chúng bay hèn nhát!

Chàng giơ vòng tay định ôm choàng lấy Anê. Bỗng chàng rú lên, lão đảo, rồi té xuống nền nhà:

– Tao bị mù! Cứu tao với! Tao bị mù! Chúng mày có nghe thấy gì không?

Bọn sở khanh sợ hãi lùi lại, e rằng có điều chẳng lành sẽ xảy ra cho mình. Im lặng, Anê tiến lại phía chàng sở khanh đang lăn lộn trên nền, nàng cầu

nguyện cho hắn. Mấy giây sau, hắn dụi mắt, rồi đứng lên.

– Bây giờ tao thấy đường rồi!

Hắn đưa mắt nhìn quanh phòng cách ngây dại, rồi nhập bọn với những chàng sở khanh khác đang lăm lũi trong góc nhà. Bọn họ đưa mắt tìm mục tử bà đang đứng chắn cửa. Họ thét lên:

– Xin bà hãy đưa nàng ra khỏi nhà. Chúng tôi không liên quan gì tới nàng cả. Nàng là một mục phù thủy!

Một lần nữa, Anê lại đứng trước mặt quan tòa. Vị quan tòa mặt tím bầm giận dữ:

– Đây là cơ hội cuối cùng dành cho cô. Một là chối bỏ Giêsu Kitô, dâng hương cho các thần, ta sẽ cho cô về nhà. Hai là cô sẽ bị chém đầu!

Nở nụ cười thiên thần, Anê làm dấu Thánh Giá.

– A! Cô còn nhỏ mà dám khinh thường ta sao?

Giọng vị quan tòa vang như sấm, dội khắp gian phòng.

– Nếu vậy thì cô phải chết!

Tim Anê tràn ngập phấn khởi mừng vui. Nàng đáp:

– Tôi đã sẵn sàng để chết. Chúa Kitô sẽ giúp tôi chịu đau khổ.

Một tên lính lệ làng còng cổ tay Anê với chiếc còng sắt nặng nề, nhưng nàng nhẹ lắc chiếc còng rơi xuống đất. Cổ tay nàng quá nhỏ so với chiếc còng. Nàng nói với tên lính:

– Tôi không chạy trốn đâu. Hôm nay là ngày cưới của tôi!

Đến nơi trăm quyết, Anê sửa lại chiếc áo ngay ngắn. Nàng quỳ gối trước tên đao phủ. Trong nháy mắt, linh hồn trinh trong của nàng bay lên trời hiệp hoan với Chúa Kitô, Người Tình muôn thuở của nàng. Hôm đó là ngày 21 tháng 1 năm 304.

## **Con Bò Câm: Thánh Tôma Aquinas (28/1)**

Bé Toma Aquinas năm tuổi, dáng người phục phịch, lặng lẽ ngồi trên lưng ngựa với người đầy tớ. Họ đang chờ đợi giờ khởi hành. Bé thấy nôn nao vì sắp được rời xa tòa lâu đài xám, nơi đó, dù cha bé thống lãnh cả một vùng, nhưng ít khi ông ở nhà; còn mẹ thì chẳng mấy khi bé được gặp; có người chị thân nhất lớn hơn bé một tuổi thì mới bị sét đánh chết ngay trong phòng ngủ cách đây mấy tháng! Tôma rùng mình khi hồi tưởng trận bão ác nghiệt đó. . .

.....

Đoàn ngựa chở Tôma và ba má của bé cùng đoàn tùy tùng chẳng mấy chốc đã vượt qua 6 dặm đường núi, tiến về tu viện Cassinô, một tu viện danh tiếng tại Ý, mà vị Viện Trưởng lại có họ hàng với gia đình bé. Tại đây, sau một nghi lễ vấn tắt, bé được đón nhận và trở thành một học sinh trường Dòng.

Tôma bắt đầu cuộc sống mới nơi đan viện không tiếng ồn ào. Lạ lùng thay, bé chẳng thấy đơn côi, nhưng lại tỏ ra thích thú cuộc sống thình lặng nơi đây. Bé yêu thích trường sở, mộ mến vẻ thân thiện của các đan sĩ, say mê các khúc hát trầm bổng trong giờ nguyện kinh của các thầy.

Khởi sự làm môn sinh của các thầy từ khi ê-a ba chữ A B C, Tôma ngày càng tỏ ra thông minh sáng trí. Cuộc sống đạo hạnh của bé phát triển không ngừng. Năm 13 tuổi Tôma đã vượt xa các bạn đồng lứa. Cậu có một trí nhớ khác thường, thuộc lòng toàn bộ Phúc Âm và các thư thánh Phaolô. Cậu đã chuyển ngữ nhiều tập sách từ tiếng Latinh sang tiếng Ý. Người ta đồn rằng, Tôma không hề quên bất cứ điều gì cậu đã học!

Cuộc sống trầm lặng nơi đan viện đột nhiên nổi sóng. Hoàng đế Frederick ra lệnh chiếm cư tu viện Cassinô. Các đan sĩ và học sinh bó buộc phải rời bỏ đan viện. Một lần nữa, Tôma bị đặt giữa khúc quanh cuộc đời.

Năm 14 tuổi, ba má cho Tôma nhập Đại Học thành Naples với nguyện vọng là sau cơn sóng gió, chàng có thể về lại đan viện để trở thành một đan sĩ dòng Bê-nê-đi-ctô. Danh tiếng của Tôma nổi như sóng cồn, chàng không những vượt xa chúng bạn mà còn tỏ ra trội vượt hơn các giáo sư cả về kiến thức lẫn cuộc sống thánh thiện, và được gọi là "Thiên thần của học đường". Chàng đã trải qua 5 năm tại Đại Học thành Naples.

Trong khoảng thời gian đó, thánh Đaminh lập Dòng mới có tên là dòng Giảng Thuyết. Các thầy thuộc dòng này chuyên giảng trong các đại học và giảng thuyết bất cứ nơi nào cần đến. Không như dòng Bênêđiô, các thầy Đaminh thời đó tự đi xin ăn và đón nhận của bố thí. Mọi người đều nghe nói đến sự thánh thiện và kiến thức sâu rộng của các thầy. Bị thu hút mãnh liệt bởi gương lành các tu sĩ dòng Đaminh, Tôma đã gõ cửa tu viện xin nhập dòng. Các thầy khuyên chàng hãy chờ đợi và cầu nguyện. Chàng nghe theo lời khuyên của các thầy, đồng thời làm bạn với nhiều tu sĩ trong dòng. Năm 20 tuổi, Tôma tốt nghiệp đại học, một lần nữa chàng xin nhập dòng Đaminh. Lần này chàng đã được nhận lời. Lập tức chàng nhắn tin cho mẹ hay. Cha chàng đã qua đời một năm trước đó.

Được tin con vào dòng Đaminh, bà Thêôđôra, mẹ chàng nổi cơn lôi đình, bà nói:

– Đây là điều bất hạnh cho dòng họ Aquinas! Hãy tưởng tượng xem một người con trai vương giả lại đi ăn xin và giảng thuyết khắp đường phố như người điên! Hãy đem ngựa cho tao! Nội đêm nay tao sẽ lôi cổ nó ra khỏi tu viện!

Người ta báo cho Tôma biết cơn giận và âm mưu của mẹ chàng, chàng vội vã chuyển đến một tu viện khác tại Rôma. Nhưng bà Thêôđôra phóng ngựa đuổi theo. Bất chấp những gì xảy đến, Tôma phải vâng lời bà! Bà quên rằng Thánh Ý Chúa còn vượt trên ý định của bà. Gõ cửa tu viện ở Rôma, bà ra lệnh phải đem Tôma ra ngoài! Nhưng thầy giữ cửa cho biết Tôma đã rời khỏi tu viện sáng nay cùng với một số thầy. Lập tức bà sai người đưa tin cho các anh của Tôma đang đi lính đóng tại làng gần đó, phải tìm mọi cách bắt Tôma đưa về nhà.

Khoảng giữa trưa, Tôma cùng với nhóm các thầy đang ngồi nghỉ bên bờ giếng, thành linh một toán kỵ mã do các anh của Tôma dẫn đầu xông vào bắt chàng, rồi lôi chàng lên lưng ngựa và đem về lâu đài của gia đình. Tại đây, mẹ chàng đã giam chàng trong một pháo đài, cửa sẽ khóa kín cho tới khi chàng hứa vâng lời bà. Bà không thèm để ý đến Thánh Ý Chúa và tuổi tác của con bà.

Tôma nhìn quanh khu pháo đài bằng đá văng lạnh đang giam hãm chàng: góc bên này là chiếc giường ngủ, bên kia là một chiếc bàn và chiếc ghế ọp ọp.

Quang cảnh thật trống vắng! Nhưng chàng lại thích bầu khí thinh lặng! Chàng biết rằng chàng không đơn côi một mình, nhưng có Chúa hằng ở bên chàng. Không có việc gì làm, chàng bắt đầu truyện vãn với Chúa bằng những lời cầu nguyện . . . .

Người duy nhất được phép đến thăm tôma là Marotta, em của chàng, một cô gái mang nặng đầu óc trần tục. Nàng cố gắng dùng mọi lý lẽ thuyết phục Tôma phải vâng lời mẹ. Để cho cô em thuyết chán, Tôma mới bắt đầu nói cho nàng nghe về tình thương bao la của Chúa đối với nàng. Chàng khéo nói đến nỗi chỉ sau đó ít ngày, Marotta đã đi đến quyết định chính nàng cũng sẽ dâng đời mình phụng sự Chúa. Thế rồi nàng tìm cách giúp đỡ Tôma những gì có thể, và lén lút đem cho chàng sách vở cùng những vật dụng chàng cần đến.

Thế là Tôma chia thời giờ ra để học hành, viết sách, và cầu nguyện. Ý chí của chàng còn sắt đá hơn cả ý muốn của mẹ chàng, tưởng chừng chàng có thể vĩnh viễn sống cuộc đời giam hãm tại pháo đài, nếu Ý Chúa muốn như thế. Mẹ và các anh của chàng dùng đủ mọi mánh khéo để chàng bỏ ý định tu dòng Đaminh. Một đêm, họ dẫn vào cho Tôma một cô gái trẻ đẹp, với mục đích dùng nàng để quyến rũ Tôma phạm tội. Không chút lưỡng lự, chàng liền rút que củi cháy đỏ trong lò sưởi, xua đuổi người con gái ra ngoài.

Đằng đằng hai năm dài, Tôma bị giam hãm trong pháo đài. Đã đến lúc Giáo Hội phải can thiệp. Bà Thêôđôra được biết bà sẽ bị dứt phép thông công với Giáo Hội nếu bà không trả tự do cho con bà. . . . Thế rồi, một buổi sáng, Tôma thấy cửa pháo đài bỏ ngõ, chàng lẹ chân trốn khỏi pháo đài trở về tu viện. Chàng và mọi người quen biết lòng phấn khởi mừng vui. Từ nay chàng được tự do phụng sự Chúa trong dòng Đaminh. Mọi người đều tỏ lòng kính yêu Tôma, một thầy dòng trẻ mập mạp, ít nói, nhưng chiếu tỏa sự thánh thiện.

Thầy được cử đi học Đại Học Paris dưới sự chỉ giáo của vị giáo sư danh tiếng, sau này trở thành thánh Anbêô Cả. Không một giáo sư hay sinh viên nào trong trường này quen biết Tôma khi người sinh viên mới, với dáng người nặng nề, trầm lặng này bước chân vào lớp. Sau vài ngày, họ tự hỏi nhau tại sao thảo và tranh luận sôi nổi của họ. Một sinh viên lên tiếng hỏi:

– Anh chàng đó là ai vậy?



Một người nhanh nhẩu trả lời:

– Một con bò câm!

Mọi người phá lên cười. Tuy nhiên, Giáo sư Anbêto sớm khám phá ra sự khôn ngoan, thông sáng của "Con Bò Câm". Một hôm bị giáo sư công khai sát hạch Tôma giữa lớp, Tôma trả lời cách hết sức thông minh, đến nỗi giáo sư Anbêto phải lưu ý cả lớp:

– Các bạn gọi thầy Tôma là "Con Bò Câm", nhưng các bạn lên nhớ tiếng rống của "Con Bò Câm" này sẽ vang dội khắp thế giới!

Trước những sự kiện đó, Tôma chỉ mỉm cười. Thầy không màng để ý đến cái tên riêng họ đặt cho thầy.

Chẳng bao lâu, Tôma được thụ phong Linh Mục. Cha tăng gấp đôi giờ cầu nguyện trước Chúa Giêsu Thánh Thể. Cha giảng thuyết, dạy học và viết sách. Trong cố gắng trả lời câu nghi vấn đã ám ảnh Tôma từ hồi thơ ấu "Thiên Chúa là gì?", Cha đã viết hết pho sách này đến pho sách khác. Và từ đó, cha trở thành một nhà tư tưởng trứ danh của mọi thời đại. Mỗi lần Tôma không thỏa mãn với những điều cha viết, hoặc phải giải quyết những vấn nạn "học búa", cha đều đến với Chúa Giêsu Thánh Thể và cầu nguyện lâu giờ.

Một lần đang khi cha Tôma quỳ cầu nguyện trước bàn thờ, thành linh ngài nghe tiếng Chúa phán từ tượng chịu nạn:

– Tôma, con đã viết rất khéo về Cha! Con muốn Cha thưởng gì cho con?

Lập tức cha Tôma trả lời:

– Lạy Chúa, ngoài Chúa ra, con chẳng muốn điều gì khác!

Thế rồi, một ngày kia Tôma đột nhiên ngừng viết, mặc dầu ngài chưa hoàn tất tác phẩm nổi tiếng của ngài. Khi được hỏi lý do, cha Tôma trả lời:

– Mọi điều tôi viết chỉ là không, so với những gì đã được mạc khải cho tôi!

Cha Tôma qua đời năm 1274, khi Ngài mới được 49 tuổi. Không đầy 50 năm sau, Ngài được tôn vinh trên bàn thờ. Do các tác phẩm nổi tiếng của ngài,

thánh Tôma được trao tặng danh hiệu "Tiến Sĩ Hội Thánh". Do sự trinh trong của ngài, thánh Tôma được gọi là "Tiến Sĩ Thiên Thần". Do các giáo thuyết của Ngài, thánh Tôma được tôn phong là "Thánh Sư các Trường Công Giáo". Tiếng rống của "Con Bò Câm" đã thực sự vang dội khắp thế giới. Hàng năm, Giáo Hội mừng kính Ngài vào ngày 28 tháng Giêng.

## **Người Bạn Của Thiếu Nhi: Gioan Don Bosco (31/1)**

Gioan Don Bosco sinh trưởng tại miền quê nước Ý, gần thành Turin. Là con một gia đình nông dân nghèo khó, Don Bosco lại mồ côi cha từ lúc hai tuổi. Mẹ cậu phải cực nhọc vất vả để nuôi dưỡng đoàn con. Phần cậu, để giúp mẹ, cậu cũng phải gian nan vất vả, bị thất học nhiều năm. Tuy nhiên, cậu có trí thông minh kèm theo một tâm hồn đạo hạnh. Cậu có nhiều phương cách để ngăn cản bạn bè làm điều mất lòng Chúa. Với một số tài khéo sẵn có, cậu lôi kéo sự chú ý của chúng, rồi hướng dẫn tâm hồn chúng về điều ngay lẽ phải.

Một đêm, trong giấc mơ, Don Bosco thấy mình đứng giữa bọn trẻ đang đánh nhau và chửi thề. Cậu cố gắng hết sức khuyên can chúng, nhưng chúng chẳng nghe. Đột nhiên cậu thấy một người vận y phục trắng tinh tiến về phía cậu. Người ấy mỉm cười và nói với cậu:

– Bằng tình yêu, em sẽ biến chúng nên bạn hữu của em. Em sẽ chỉ cho chúng biết sống ngoan hiền.

– Nhưng thưa ông, cháu chỉ là một đứa trẻ nghèo hèn và dốt nát!

– Qua sự vâng lời và chăm chỉ học hành, em có thể làm được việc đó.

– Thưa, ông là ai ạ?

– Ta là Con của Đức Trinh Nữ mà má em đã dạy em phải cầu nguyện với Người hằng ngày. Em hãy xin Mẹ Ta giúp đỡ.

Và ô kìa, Đức Mẹ xuất hiện! Với vẻ dịu hiền, Mẹ nói với Don Bosco:

– Con hãy nhìn xem!

Don Bosco nhìn theo tay Mẹ chỉ thấy một đoàn thú dữ. Đức Mẹ phán tiếp:

– Như Mẹ xử với các giống thú rừng này thế nào, con hãy theo đó mà xử với các trẻ em như vậy.

Và tự nhiên bầy thú trở nên đàn chiên ngoan hiền, sẵn sàng chờ chủ chiên dẫn ra đồng cỏ xanh tươi! Từ giấc chiêm bao đó, Don Bosco hiểu sứ mệnh

của đời cậu là phục vụ thiếu nhi.

Ngày kia, Don Bosco được mẹ dẫn đi xem xiếc. Cậu chăm chú ngắm nhìn người làm xiếc. Một tư tưởng đẹp đến với cậu! Khi về nhà, cậu chẳng sợi giây thừng giữa hai thân cây rồi tập đi trên sợi giây căng. Té lên té xuống! Em cậu đứng cười khúc khích! Nhưng cậu nhất định không nản chí. Sau mỗi lần té nhào, cậu lại đọc một kinh Kính Mừng rồi leo lên sợi giây tập tễnh bước đi. Thế mà chẳng bao lâu cậu có thể bước đi trên sợi giây cách dễ dàng.

Tập xong tài nghệ này, cậu lại tập sang tài nghệ khác của người làm xiếc. Cuối cùng, vào một tối Chúa Nhật, cậu mời một số người đến xem trình diễn. Họ ngạc nhiên thích thú và vỗ tay tán thưởng liên hồi. Nhưng ẩn sau cuộc giải trí lành mạnh đó Don Bosco còn có một động lực khác thúc đẩy. Xen kẽ các tiết mục trình diễn tài nghệ, cậu hát các bài thánh ca mừng kính Đức Mẹ. Mọi người hiện diện đều hợp giọng thánh thót dâng lên trời cao. Thế rồi cậu hô hào mọi người:

– Nào, xin quý vị vui lòng đọc kinh Mân Côi trong khi cháu trình diễn, nếu không cháu sẽ té nhào xuống đất, bể đầu mất!

Họ nghe theo lời cậu và bắt đầu cầu nguyện. Cuối cuộc trình diễn, Don Bosco nhắc lại bài giảng của cha xứ trong thánh lễ sáng hôm đó. Mọi người ra về trong hân hoan cả tinh thần lẫn thể chất.

Một đêm khác, người ta dự trù cuộc vui chơi tràn tục khiêu vũ công cộng. Cuộc vui chơi tràn tục này có thể đưa đến tội lỗi. Don Bosco lúc đó mới 12 tuổi đầu, cậu suy tư, loay hoay tìm cách ngăn cản dân chúng khỏi cuộc vui chơi đó. Cuối cùng, cậu đã tìm được giải pháp. Chúa ban cho cậu có giọng hát thật hay, do đó cậu đứng giữa phố chợ bắt đầu hát. Giọng hát du dương trầm bổng của cậu đã thu hút được đám đông quần chúng. Cậu từ từ dẫn họ về phía nhà thờ, để rồi mọi người cùng với cậu vào trong nhà thờ hát kinh tối và nghe cha giảng thuyết.

Từ nhỏ, Don Bosco đã nuôi mộng trở thành linh mục. Nhưng tự biết phận mình con nhà nghèo nếu xin đi học, mẹ cậu sẽ phải vất vả và tốn tiền rất nhiều. Cậu không muốn mẹ phải hy sinh như thế. Nhưng mẹ cậu thực là người tốt lành, hiểu ý con. Bà nói với con đừng băn khoăn lo lắng về bà, nhưng hãy lo thực hiện điều Chúa muốn nơi cậu:

– Mẹ sinh ra nghèo khó, mẹ hiện sống túng nghèo, mẹ muốn chết trong nghèo hèn.

Kết quả, Don Bosco được nhập tiêu chủng viện lúc 16 tuổi.

Trong đời chủng sinh, bất kỳ lúc nào có giờ rảnh là Don Bosco tụ họp bọn trẻ mồ côi, rách rưới, rồi dẫn chúng ra ngoài đồi cỏ vui đùa với chúng và dạy giáo lý cho chúng.

Sau khi lãnh Chức Linh Mục, Cha Don Bosco trở về làng dâng lễ mở tay. Cả làng, già trẻ lớn bé vui mừng hơn hờ đến dự lễ và mừng cho cha mới. Mẹ Don Bosco nước mắt trào tràn đôi mi, lăn dài trên gò má. Còn niềm vui sướng nào sánh bằng niềm vui mẹ thấy con bước lên bàn thánh tế lễ Chúa Tình Yêu!

Mấy tháng sau, đang khi dọn mình dâng lễ tại buồng áo, Cha Don Bosco chứng kiến cảnh ông từ la mắng một chú nhỏ không biết cách giúp lễ. Động lòng trắc ẩn, vị Linh Mục tới gần cậu bé can thiệp:

– Con có muốn Cha dạy con cách giúp lễ không?

Với lòng biết ơn, chú bé gật đầu lia lịa! Sau khi dạy cho cậu nhỏ biết cách giúp lễ, Cha Don Bosco xin cậu ngày hôm sau đem bạn bè của cậu đến gặp Cha.

Thế là chẳng bao lâu Cha Don Bosco đã có rất nhiều môn sinh, toàn những trẻ mồ côi, vất vưởng đầu đường xó chợ, không nhà cửa nương thân! Chúa Nhật và các ngày lễ, chúng quây quần tụ họp bên Cha để dâng lễ rồi xưng tội. Buổi chiều Cha dạy giáo lý cho chúng, rồi cùng với chúng hát những bài thánh ca. Càng ngày càng đông trẻ nhỏ kéo đến bên cha, khiến cha phải lưu tâm tìm kiếm nơi có thể dung nạp bọn trẻ. Chính mẹ Don Bosco cũng đến tiếp tay với Cha chăm sóc cho đoàn chiên nhỏ.

Một buổi tối, khi Cha Don Bosco đang đi bách bộ một mình, đột nhiên bốn gã to con đồ giở trò ám hại Cha. Một con chó lạ xuất hiện từ bóng tối nhảy vào tấn công một tên con đồ. Ba tên kia sợ hãi bỏ chạy! Cha Don Bosco phải gọi con chó buông tha cho nạn nhân, rồi con chó lạ lùng cùng Cha Don Bosco sánh bước về nhà. Nhưng đang khi đi, bỗng nhiên con chó biến mất

trong bóng đêm. Về sau, nhiều lần gặp nguy hiểm trong đời, chính con chó lạ này lại đến cứu mạng Cha Don Bosco. Nhưng tuyệt nhiên người ta không rõ nó từ đâu tới!

Ít năm sau, Cha Don Bosco thấy cần phải có một dòng tu chuyên lo giáo dục cho bọn trẻ đáng thương, không những trong thành phố mình, mà còn cho lũ trẻ khắp thế giới. Cha bắt đầu lập dòng Sa-lê-giêng. Chủ trương của Cha là giáo dục thiếu nhi bằng cuộc sống dịu hiền và đời tận tụy hy sinh. Cha khích lệ các em tiếp xúc thân mật với Chúa qua lời cầu nguyện và siêng năng lãnh nhận các bí tích. Công việc vĩ đại Cha lan rộng khắp nơi. Mọi người đều cảm phục trước vẻ đơn sơ, nhân hậu, và tính vui vẻ của Cha.

Sau những năm dài hy sinh cho đoàn con xấu số, Cha Don Bosco ngã bệnh và qua đời ngày 31 tháng 1 năm 1888, hưởng thọ 73 tuổi. Ngày lễ Phục Sinh năm 1934, Đức Thánh Cha Piô XI phong Cha Don Bosco lên bậc hiển thánh.

## **Đóa Sen Tắm Máu Đào: Thánh Agata (5/2)**

Mặc dầu đảo Sicilia là sào huyệt của Mafia và là trung tâm chuyên vận bạch phiến vào Mỹ, nhưng đó là quê hương của thánh Agata, một trinh nữ tử đạo năm 251 để bảo toàn tiết hạnh và chứng tỏ lòng trung kiên với Đức Tin Kitô Giáo.

Agata thuộc dòng dõi giàu sang. Con nhà quý phái, được giáo dục sống đời đạo hạnh theo Đức Tin chân chính. Chúa lại ban cho nàng một nhan sắc tuyệt vời, dễ làm xiêu lòng người. Đang thời bách hại Kitô Giáo, bạo vương Đêciô ra lệnh cho Quintianô, nơi quan trấn Sicilia, phải triệt hạ tận gốc rễ tàn tích Kitô Giáo tại đây. Vừa đến Catania, nơi sinh trưởng của Agata, Quintianô liền nghe danh nàng. Quan trấn hạ lệnh bắt Agata và điệu nàng vào đối chất với mình. Vừa giáp mặt Agata, nhan sắc của nàng đã làm "*phiêu hồn, lạc phách*" vị quan trấn mang nhiều dục vọng đê hèn, đến nỗi thay vì chất vấn về đạo giáo, Quintianô đã đường mật dụ dỗ nàng phạm tội không chút thẹn thùng! Nhưng ẩn sau vẻ đẹp của thân xác, Agata còn trang điểm đức trinh trong thiên thân, nàng thà chết còn hơn phạm tội mất lòng Chúa. Thấy chiêu bài dụ dỗ không kết quả, Quintianô liền đổi giọng đe loai hăm dọa. Nhưng Agata vẫn chai lì gan dạ, nhất định không chiều ý kẻ cuồng si. Đổi yêu thành ghét, Quintianô ra lệnh quăng nàng vào "lầu xanh", nơi đây mụ tú bà Aphrôdisia cùng với mấy người con gái của bà chuyên nghề mãi dâm, ngày đêm thuyết phục nàng bằng lời nói cũng như hành động để đi theo con đường tội lỗi của họ.

Suốt 30 ngày dài, Agata phải miễn cưỡng sống giữa căn nhà tội lỗi. Đây là một thử thách lớn lao đối với nàng! Mạnh tâm của Quintianô là lợi dụng môi trường lầu xanh để phá hủy đức Khiết Trinh của Agata và dẫn nàng tới chỗ chối bỏ Đức tin. Nhưng ông lầm! Người trinh nữ được trang bị bằng sự Chúa hiện diện ở mọi nơi, bằng lời cầu nguyện và bằng chay tịnh đã anh dũng chống lại mọi mưu chước kẻ dữ. Chúa đã ban cho nàng sức mạnh chiến thắng kẻ thù.

Sau 30 ngày kiên quyết không lay chuyển, Agata bị điệu tới trước mặt quan trấn, ông nói với nàng:

– Cô là dòng dõi sang trọng mà không xấu hổ khi hạ mình sống đời đê hèn



của Kitô hữu ư?

Agata nhanh nhẹn trả lời:

– Sự khiêm hèn và đê tiện của người Kitô hữu còn đáng giá hơn sự giàu sang, niềm kiêu hãnh và tính tự phụ của các bậc quân vương!

Những lời đánh thép đó đã khêu cơn giận của Quintianô, ông hạ lệnh vả mặt nàng. Những cái tát, những cú đấm "thôi sơn" của bọn lính khiến máu hồng trào ra nơi miệng và lỗ mũi. Dòng máu trinh trong của người trinh nữ khởi sự làm chứng nhân cho bạn Tình Giêsu. Sau đó Agata bị tống giam trong ngục với lời đe dọa nếu không chối bỏ Đức Tin, nàng sẽ phải đương đầu với mọi tra tấn cực hình.

Lời đe dọa đó ứng nghiệm ngay ngày hôm sau. Quintianô ra lệnh căng dây nàng. Toàn thân bị hành hình bằng những thanh sắt nung đỏ. Ngực nàng bị những móc sắt xé rách tan tành. Trước cực hình dã man đó, Agata can đảm nói với Quintianô:

– Hỡi quan độc ác, ông đã bú sữa từ ngực thân mẫu, ông không xấu hổ khi xé rách cặp ngực của người trinh nữ không một chút xót thương ư?

Nhưng Quintianô chẳng thẹn thuồng mà cũng chẳng xót thương. Ông ra lệnh đưa nàng về ngục rồi bỏ nàng chết đói tại đó.

Đêm ấy, thánh Phêrô Tông Đồ hiện ra trong ngục và chữa lành các vết thương trên thân xác liễu yếu của Agata. Thánh Tông Đồ khen nàng đã can đảm chịu khó vì Chúa Kitô. Nhưng cực hình khác đang chờ đón nàng. Agata cảm thấy niềm an ủi vô bờ tràn ngập tâm can, nàng lớn tiếng chúc tụng và cảm tạ Thiên Chúa, nàng hiến thân chịu mọi cực hình vì yêu Ngài.

Bốn hôm sau, Agata bị điệu ra trước mặt quan trấn, ông này vô cùng ngỡ ngàng khi thấy mọi vết thương trên thân xác nàng đã được chữa lành. Agata nói với ông:

– Ông hãy xem và hãy nhìn nhận sự toàn năng của Thiên Chúa, Đáng tôi thờ kính! Ngài hồi phục bộ ngực tôi! Tại sao ông lại muốn tôi chối bỏ ngài? Cho dù sự tra tấn dữ tợn nhất, cho dù cái chết cay cực nhất cũng không thể phân

lìa tôi ra khỏi ngài.

Nhưng lòng dạ Quintianô đã ra chai đá, những lời của Agata càng khiêu khích cơn giận của ông, ông liền ra lệnh rắc đồ than hồng và mảnh sành nhọn trên mặt đất, rồi quân lính lăn tròn thân xác trần trụi của nàng trên đó. Toàn thân Agata bị cháy xém và rách nát, nhưng tâm hồn nàng can đảm lạ thường! Các người hiện diện cúi lòng trước gương can trường của người trinh nữ liều yếu đào tơ.

Trước tội ác và sự cứng lòng của Quintianô, Chúa để xảy ra một cơn động đất rung chuyển cả thành phố. Hai người bạn thân nhất của quan tổng trấn bị đè bẹp dưới đồng gạch đổ nát. Dân cư trong thành hoang mang sợ hãi, họ cho rằng đây chính là hình phạt nhãn tiền do sự độc ác của Quintianô kéo xuống trên họ. Vì sợ dân chúng nổi loạn, quan tổng trấn truyền đem Agata về ngục. Vừa tới ngục, nàng quỳ gối rồi giang tay, ngược mắt lên trời cầu nguyện:

– Lạy Chúa, Ngài bảo vệ con từ tuổi ấu thơ, Ngài cất khỏi con tình yêu thế tục và ban ân sủng để con chịu đựng mọi cực hình, xin lắng nghe lời van xin của tó nữ trung kiên Ngài, và xin hãy đón nhận linh hồn con.

Với những lời nguyện cầu đó, thân xác người trinh nữ ngã gục và linh hồn nàng bay về trời.

Sau khi chết, thánh Agata đã làm nhiều phép lạ. Phép lạ vĩ đại nhất là che chở thành Catania khỏi hiểm họa núi lửa Etna. Dân thành tôn nhận Người làm thánh Bồn Mạ. Mỗi lần núi lửa, dân thành Catania lại cầu khẩn và cậy trông vào sự cầu bầu của thánh nữ. Đang khi giòng phun thạch chảy nóng tiến dần về phía thành, người ta long trọng cung nghinh tấm khăn đã che phủ xác thánh người, rồi giơ cao hướng về giòng phun thạch. . . Lạ thay, chẳng những nó không tiến gần thêm, mà trái lại từ từ chảy ngược về phía núi trước con mắt ngỡ ngàng của mọi người. Chúa đã làm những phép lạ như thế để tôn vinh tó nữ của ngài. Tên của thánh nữ được nhắc đến trong Kinh Nguyện Thánh Thể I. Hàng năm Giáo Hội mừng kính Người vào ngày mùng 5 tháng 2.

## **Anh Em Sinh Đôi: Thánh Scôlastica và Thánh Bê-nê-đictô**

Đọc sách Khởi Nguyên trong bộ Thánh Kinh Cựu Ước, ít ra người ta thấy hai trường hợp anh em sinh đôi được diễn tả thật rõ ràng: Ngay từ thai nhi, hai anh em đã "lục ục" tranh giành với nhau.

Trường hợp hai đứa con sinh đôi của bà Thamar: cậu anh vừa đưa tay ra ngoài và được bà đỡ cột sợi chỉ điều vào tay để đánh dấu đứa nào ra trước, liền bị thằng em "*sinh sự*" giằng co trong dạ mẹ; cậu anh đành phải rút tay vào, "*đi chỗ khác chơi*" có trật tự, "*nhường lối*" cho em ra ngắm ánh mặt trời trước! Tình cảnh đó có lẽ không khỏi gây đau lòng cho bà Thamar. Thật là "*grom con*" thâu "*lòng mẹ*"!

Trường hợp Esau và Giacóp mới "*lũng củng*" hơn nữa! Hai anh em thường xuyên "*chí chóc*" với nhau trong bụng mẹ, đến nỗi mặc dầu hiem con, bà Rêbecca cũng phải than rên đau khổ và xin Đấng Gia-vê can thiệp! Tới khi Esau vừa lọt lòng mẹ thì bị cậu em Giacóp nắm chặt gót chân. Cũng may mà Esau đã được nhìn ánh mặt trời trước! Nhưng chưa hết, về sau, Esau phải bán quyền trưởng nam cho Giacóp chỉ vì một bát cháo đậu; rồi bị Giacóp cướp mất chúc lành của cha. Sự kiện đã khiến Esau nổi cơn lôi đình, quyết tìm dịp giết em. Trong khi đó, Giacóp phải cao bay xa chạy để trốn mặt anh. Trước tình cảnh đó, bà Rebecca phải đau lòng xiết bao! Hai anh em sinh đôi Esau-Giacóp đã trở nên "*grom hai lười*" đậm thâu lòng bà Rêbecca!

Thế nhưng, lịch sử cho thấy có những trường hợp trái ngược: Hai anh em thương nhau "*ra rít*" như bóng với hình, thậm chí còn có cùng một ý hướng, một mong ước, cùng dìu dắt nhau tiến tới trên đường thánh đức. Hai anh em thánh Bê-nê-đictô và Scôlastica là một thí dụ điển hình.

Bê-nê-đictô là anh, còn Scôlastica là em gái. Hai anh em sinh đôi năm 480 trong một gia đình đạo hạnh và giàu sang tại thành Nursia, nước Ý. Ngay từ nhỏ cô cậu đã được hưởng một nền giáo dục đạo đời thật chu đáo. Tình huynh đệ giữa hai anh em ngày càng phát triển sâu xa. Họ thương nhau tha thiết, đồng thời biết thúc giục và giúp đỡ nhau tập tành các nhân đức Công Giáo. Tuổi hoa niên của Bê-nê-đictô và Scôlastica nơi gia đình trôi êm như một giấc mộng đẹp.

Về sau, Bê-nê-dictô được gửi học tại Rô-ma. Trí thức cũng như nhân đức của chàng tiến không ngừng. Trong khi đó Scô-lastica nhan sắc và đức hạnh lưu lại gia đình, đành tạm rời xa anh một thời gian. Nàng chuyên chăm các việc trong nhà, thích thú cầu nguyện, và ưa đời trầm lặng, mặc dầu nàng sẵn có tâm hồn tươi vui và hoạt bát.

Danh tiếng nhân đức và nhan sắc của Scô-lastica được loan truyền mau lẹ tới các miền lân cận. Nhiều chàng công tử giàu sang đã ngấp nghé muốn hỏi nàng làm vợ. Nhưng Scô-lastica đã quyết dâng hiến đời mình cho Chúa. Trong khi đó, Bê-nê-dictô chuyên chăm việc học tại Rô-ma. Chàng nghe thấy tiếng Chúa âm thầm gọi chàng cách mau nhiệm. . . Cuối cùng chàng đã đáp lại tiếng Ngài, bằng cách trốn vào hoang địa Subiacô cách Rô-ma khoảng 40 dặm để sống đời tịch liêu thân mật với Thiên Chúa.

Sau nhiều năm sống khổ hạnh nơi hang Subiacô, tiếng thơm nhân đức của Bê-nê-dictô truyền tụng khắp nơi. Nhiều người tuôn đến xin làm môn đệ. Bê-nê-dictô giảng dạy, làm phép lạ và lập nhiều tu viện. Tu viện chính được xây cất tại núi Cassinô, cách Rô-ma 80 dặm.

Trước tấm gương xa lìa vinh hoa phú quý để theo Chúa sống đời khổ hạnh của anh. Scô-lastica ước ao mãnh liệt được theo gương anh. Nàng phân chia của cải cho người nghèo, rồi cùng với một tở nữ tiến về núi Cassinô để xin Bê-nê-dictô hướng dẫn trên đường nhân đức. Bê-nê-dictô rất hài lòng về dự tính của em, và xây cho nàng một tu phòng không xa tu viện Cassinô là bao, đồng thời tự tay soạn luật cho em.

Tiếng tăm nhân đức của Scô-lastica ngày càng lan rộng. Nhiều trinh nữ già từ xa hoa trần thế, tụ họp quanh nàng để xin cùng chung lý tưởng hiến dâng cuộc đời phụng sự Chúa. Để dung nạp những tâm hồn thiện chí này, Bê-nê-dictô đã khởi công xây dựng một đan viện cho các chị dòng Biển Đức tương lai.

Scô-lastica đương nhiên được coi như vị sáng lập, và là nữ đan viện trưởng đầu tiên của chị em Biển Đức; trong khi Bê-nê-dictô vị sáng lập và là tu viện trưởng đầu tiên của dòng anh em Biển Đức. Hai anh em sinh đôi đã có cùng một ước mơ, một chí hướng, và một lý tưởng phụng sự Chúa trong đời tu trì trầm lặng và khổ hạnh.

Kể từ đó, hai anh em mỗi năm chỉ gặp nhau có một lần tại căn nhà ngoài nội vi tu viện, trước sự chứng kiến của các thầy đồng hành với Bê-nê-đictô. Thực ra, những lần gặp gỡ này là chỉ để đàm thoại về Chúa và những sự siêu nhiên.

Lần cuối cùng hai anh em được gặp nhau xảy ra ba ngày trước khi Scôlastica già từ cõi thế. Hôm đó, sau khi đã đàm thoại lâu giờ, Scôlastica nói với anh:

– Em xin anh ở lại với em đêm nay, để chúng ta cùng tiếp tục đàm đạo về hạnh phúc trên trời.

Bê-nê-đictô lập tức chối từ, vì luật dòng không cho phép ở ngoài tu viện ban đêm. Trước sự khước từ mạnh mẽ của anh, Scôlastica lặng lẽ khoanh tay trên bàn, rồi cúi đầu cầu nguyện với Chúa. Lạ thay, bầu trời đang quang đãng bỗng nổi cơn bão tố, sấm sét ngang dọc, mưa đổ như trút! Thế là Bê-nê-đictô và các thầy buộc lòng phải ở lại, và Scôlastica lòng tràn ngập vui sướng vì được đàm đạo với anh suốt đêm về những sự trên trời. Trước tình cảnh đó, Bê-nê-đictô nói với em:

– Xin Chúa tha cho em! Em làm cái gì kỳ vậy?

Scôlastica trả lời:

– Anh xem, em xin anh một đặc ân mà anh nỡ từ chối! Em chạy đến xin Chúa, Ngài ban ngay cho em!

Anh em già biệt nhau được ba ngày thì Scôlastica từ trần, hưởng thọ 60 tuổi. Lúc đó, đang cầu nguyện trong phòng, Bê-nê-đictô trông thấy linh hồn em xinh đẹp như chim bồ câu nhẹ nhàng bay về thiên quốc. Sau khi dâng lời ca tụng Chúa, Bê-nê-đictô liền sai các thầy rước xác Scôlastica về tu viện Cassinô và táng trong chính ngôi mộ Bê-nê-đictô đã chuẩn bị cho mình.

Sau cái chết của em, Bê-nê-đictô còn sống thêm 7 năm trong chay tịnh, hy sinh và hãm mình. . . Sáu ngày trước khi chết, Ngài ra lệnh mở sẵn cửa mồ. Ngày cuối đời, sau khi lãnh nhận Mình Máu Thánh Chúa như của ăn đàng, Bê-nê-đictô được các thầy giúp đứng dậy, Ngài giơ cao đôi tay lên trời cầu nguyện. Và trong tư thế đó, Ngài thở hơi cuối cùng. Ngày hôm ấy hai tu sĩ Biển Đức, Một ở cùng tu viện với ngài, một đang ở xa, được thị kiến cùng một điềm lạ như nhau: họ trông thấy một đường sáng thật huy hoàng trải dài

từ tu viện lên bầu trời về phía đông. Bên cạnh con đường sáng đó có một người dáng vẻ đạo mạo, y phục lộng lẫy. Người này hỏi hai thầy rằng họ đang chiêm ngắm con đường của ai đó. Sau khi họ thú thật không biết, người lạ trả lời:

– Đó là con đường mà Bê-nê-đictô, bạn yêu quý của Chúa, đã lên trời.

Bê-nê-đictô qua đời năm 547, hưởng thọ 67 tuổi.

Hai đứa con sinh đôi của bà Thamar đã khởi sự tranh giành nhau từ trong lòng mẹ. Hai anh em sinh đôi Esau và Giacóp không những "*chí chóc*" với nhau trong bụng mẹ, lại còn "*kèn cựa*" hiềm thù nhau nhiều năm trời! Nhưng trái lại, hai anh em sinh đôi Bê-nê-đictô và Scôlastica thương nhau từ tuổi ấu thơ, cùng điu nhau về thiên quốc. Chẳng những mang cùng một tâm tư, thân xác họ còn được chôn trong cùng một tấm mồ. Tình huynh đệ thắm thiết từ khi lọt lòng mẹ, trải qua suốt cuộc sống, kéo dài tới lúc chết, và còn tồn tại mãi mãi trên trời.

Hằng năm Giáo Hội mừng kính thánh Scôlastica vào ngày mồng 10 tháng 2, và thánh Bê-nê-đictô vào ngày 11 tháng 7.

## **Thánh Valentinô (Saint Valentine's Day)**

Ngày nay, có nhiều ý kiến về nguồn gốc của Ngày Valentinô. Có người nói rằng nó bắt nguồn từ Thánh Valentinô, một người Kitô Hữu Rôma tử đạo vì không chịu chối bỏ đức tin. Ngài chết vào ngày 14 tháng 2 năm 269 A. D.

Một truyền thuyết khác kể rằng, vào thời Hoàng đế Claudiô II, đế quốc Rôma đã đặt mình vào những trận chiến thật vô lý nhưng lại đổ rất nhiều máu. Chính vì vậy lòng chiến sĩ rất chán nản, lòng dân căm phẫn, và các thanh thiếu niên không chịu nhập ngũ. Claudiô thì lại nghĩ lý do khiến họ không chịu đi lính là vì họ không muốn xa vợ con. Thế là ông hoàng đế gian ác này đã hủy bỏ mọi hôn ước trong thành Rôma. Lúc đó Valentinô là một Linh mục ở thành Rôma. Bất chấp lệnh của hoàng đế, Ngài đã bí mật làm phép cưới cho nhiều đôi bạn. Thế rồi một ngày nọ, Ngài bị bắt quả tang đang khi làm phép cưới, và đã bị tống ngục. Trong thời gian bị giam, nhiều người trẻ đã đến thăm ngài, trong số đó có người con gái của viên cai tù. Cô an ủi Ngài và khen ngợi Ngài vì lòng can đảm của Ngài. Trước ngày chết, Ngài đã để lại một bức thư giả từ cho cô, và lá thư đó kết bằng câu: "Love, From Your Valentine".

Đức Thánh Cha Gelasiô đã chỉ định ngày 14 tháng 2 để kính Thánh Valentinô.

Và bắt đầu từ đó, ngày 14 tháng 2 trở thành ngày để trao đổi những thư tình, và Thánh Valentinô trở thành Thánh Bồn Mạg của các cặp tình nhân.



## **Bên Bụi Hồng: Thánh Bênadétta (18/2)**

Chiều Lộ Đức mùa đông lạnh giá. Cánh cửa mở toang. Một luồng gió buốt thổi qua căn phòng trống trải đơn nghèo. Bênadétta thân hình mảnh mong. Năm nay nàng 14 tuổi. Rời khỏi bàn, nàng ra đóng cửa lại rồi gài then thật chắc. Tiếng Maria, cô em 11 tuổi của nàng lạnh lạnh thốt lên:

– Nhà mình không bằng nhà tù má ạ! Nhưng người tù còn có nhà ấm hơn nhà mình!

– Suyt! Maria, con phải biết gia đình mình có nhà để che thân là đã phải tạ ơn Chúa lắm rồi! Má chỉ mong trời đừng lạnh quá thôi! Má cần thêm ít củi để sưởi đêm nay.

Maria quay sang thì thầm với Gioanna, bạn học của cô mới từ trường ghé qua, rồi cô thưa mẹ:

– Má ạ, con và Gionna đi lượm củi đây.

Bênadétta xen vào:

– Chị đi với! Ba người thì tốt hơn là hai.

– Không được! Con không nhớ con đang bị suyễn sao? Con không được khỏe như Maria.

– Nhưng thưa má, con đi vớ dây và quàng khăn thì đâu có việc gì!

– Thì được! Nhưng chong chóng lên rồi về. Chỉ lượm đủ củi sưởi đêm nay thôi.

Ba cô gái lượm từng nhánh củi dọc theo bờ sông. Bất chợt Maria kêu lên:

– Ô kia! Ở bờ bên kia có nhiều cành gãy quá! Chúng mình lội qua đi!

Nói xong, Maria và Gioanna tụt giầy liền. Bênadétta năn nỉ:

– Làm ơn khiêng chị sang với! Nếu chân chị ướt, chị sẽ đau.

Bênadétta còn nhỏ hơn cả Gioanna và Maria nữa!

Giọng Gioanna xia xói:

– Thôi đi bà! Bà không lợi được thì bà ở yên đó!

Bênadétta chăm chú nhìn em nàng và Gioanna băng qua dòng nước cạn rồi mất hút sau những lùm cây. Nàng ngồi xuống, cởi vớ ra. Thành linh, nàng giật mình nghe tiếng gió thổi mạnh như bão. Đứng phắt dậy, nàng ngơ ngác nhìn chung quanh.

Tim nàng như ngừng đập. Thân mình run rẩy. Tại một góc hang, ngay phía trên bụi hồng đại, một Phụ Nữ trẻ, đẹp tuyệt vời đang nhìn nàng. Bà đi chân không. Áo và khăn trùm đầu màu trắng tinh phủ tới hai bàn chân, chiếu sáng như mặt trời. Cánh tay phải của Bà quàng một tràng chuỗi, những hạt trắng nối nhau bằng những mắt xích vàng. Trên mỗi bàn chân nhỏ nhắn của người Phụ Nữ có điểm một bông hồng vàng. Thân hình Bà xem chừng cũng không lớn hơn Bênadétta. Bà mỉm cười rồi ra hiệu cho nàng tới gần.

Bênadétta tiến tới. Tưởng mình đang mơ, nàng dụi mắt, nhắm nghiền lại, rồi mở choàng ra. Người Phụ Nữ vẫn còn đó. Lập tức mọi lo sợ đều tan biến. Nàng thò tay vào túi, lấy ra một xâu chuỗi, rồi quỳ xuống. Nàng thấy Bà đẹp cũng cầm tràng hạt. Bà làm dấu Thánh Giá. Bênadétta bắt đầu lần chuỗi. Bà Đẹp cũng lần theo, nhưng bà không đọc gì cả, ngoài trừ cuối mỗi chục kinh, Bà cùng đọc kinh Sáng Danh với nàng. Rồi Bà Đẹp biến mất.

Maria và Gioanna trở lại chỗ cũ. Thấy Bênadétta đang quỳ bất động, Gioanna nói mĩa:

– Coi kìa! cô nàng đang cầu nguyện sốt sắng như một bà thánh, thế mà cô nàng không sao trả lời các sơ Chúa Ba Ngôi có nghĩa là có Ba Ngôi trong một Thiên Chúa!

Rồi cả hai cùng phá lên cười? Hai cô bé hỏi Bênadétta:

– Bà có về không hay là ở đây luôn?

Lời nói chọc không một chút phiền lòng Bênadétta. Nàng gật đầu, rồi chỗi

dậy cùng hai cô bé lượm thêm ít củi.

Trên đường về nhà, Bênađétta buột miệng hỏi:

– Lúc nãy, các em có thấy gì ở hang không?

Cùng một lúc, hai cô bé lên tiếng cách tò mò:

– Không! mà cái gì vậy?

Bênađétta trầm giọng tư lự:

– Chị chỉ hỏi vậy thôi.

Nhưng khi chỉ còn một mình Maria, Bênađétta kể lại cho em nàng mọi sự đã xảy ra, rồi nàng khẩn khoản xin em:

– Em nhớ giữ kín điều này nhé!

Maria làm thinh không trả lời.

Giờ kinh tối hôm đó, Bênađétta tự nhiên bật tiếng khóc. Mẹ nàng hỏi:

– Cái gì vậy?

Trước khi Bênađétta cảm được xúc động, em nàng đã thao thao kể lại với mẹ mọi điều bí mật.

– Nhưng thưa má, con thực sự đã thấy Bà. Trời ơi! Bà đẹp lắm! Đẹp vô cùng!

Hai dòng nước mắt lại tuôn trào trên má.

Mẹ nàng gắng dỗ nàng nín khóc, rồi bà nói:

– Con đi ngủ đi. Con đang yếu. Đó là điều do trí tưởng tượng của con. Con cần phải ngủ nghỉ nhiều hơn.

Rồi trao cho nàng một ly nước nóng, bà nhẹ nhàng bảo con:

– Đi ngủ đi, và nhớ không bao giờ được tới hang nữa.

Bênadétta trằn trọc suốt đêm, nàng không sao ngủ được. Sáng hôm sau, nàng năn nỉ mẹ cho phép ra hang. Lúc đầu bà không để ý, nhưng rồi thấy Bênadétta năn nỉ hoài, bà nổi nóng:

– Tao đã bảo không. Nếu Bà đó không phải do mây tưởng tượng thì chỉ là ma qui! Mày phải quên nó đi!

Bênadétta giật mình, ma qui ư? Có thể mẹ mình có lý. Nhưng ma qui đâu có đọc kinh Sáng Danh. Nàng quay sang năn nỉ ra hang. Hai cô bé đến nói với mẹ:

– Thưa má, nếu bà ta là qui chúng con sẽ vẩy nước phép để xua hẳn đi. Xin má cho Bênadétta ra hang, chúng con cùng đi với chị.

Cuối cùng, mẹ nàng phải nhượng bộ. Thế là, ba cô bé hí hửng ra hang. Maria đem theo bình nước phép. Đọc đường, thêm mấy cô bạn nữa nhập bon? vì đã được nghe Maria và Gioanna kể câu chuyện.

Bênadétta tới hang trước tiên. Nàng quỳ xuống. Lập tức, nàng quay lại gọi chúng bạn:

– Bà Đẹp kia kia!

Bọn con gái đưa bình nước phép cho Bênadétta và bảo nàng:

– Vẩy nước phép đi!

Nàng làm theo lời họ. Nhưng rồi nàng kêu lên:

– Bà ấy cười! Xem chừng Bà còn thích là khác.

Rồi đột nhiên, nàng ngất trí. Quỳ ngay đơ như một pho tượng. Mắt nàng dính chặt vào điều chi vô hình mà bọn con gái không nhìn thấy. Không một tiếng động, ngoại trừ tiếng gió lay cành lá và tiếng sóng nước vỗ bên bờ đá. Bọn con gái cảm thấy dờn dợn, họ xích lại gần nhau. Nhưng Gioanna tinh nghịch, lén nhặt một hòn đá lớn ném xuống chân đồi. Hòn đá văng xuống nước, gây tiếng động giật mình. Bọn con gái la hét chạy tứ phía. Sự nhộn khiến hai phụ

nữ nhà gần đó đến hang. Trong khi đó, Bênadétta vẫn quỳ bất động. Họ nhã nhặn dẫn nàng về nhà.

Ngày 18 tháng 2 năm 1858, hai người đàn bà tai mắt trong thành cùng ra hang với bênadétta. Họ đem theo nến phép và giấy viết. Bỗng nhiên nàng la lên:

– Bà ấy kia!

Rồi nàng ngất trí. Trong cơn ngất trí nàng khàn khoản:

– Nếu Chúa sai Bà đến, làm ơn cho biết Bà muốn gì; bằng không, xin bà đừng tới nữa!

Bà đẹp mím cười rồi nói:

– Không cần phải ghi chép những điều Ta nói. Con có bằng lòng tới đây hằng ngày trong vòng hai tuần lễ không?

Bênadétta trả lời:

– Có, Con hứa sẽ đến.

Bà Đẹp nói tiếp:

– Ta không hứa cho con hạnh phúc đời này, nhưng là hạnh phúc đời sau.

Rồi Bà biến mất.

Hai người đàn bà trở về thuật lại mọi điều với mẹ Bênadétta. Họ nói:

– Thực sự có thần thiêng hiện diện ở hang. Bà nên cho phép con bà tiếp tục tới hang.

Những lần ra hang tiếp sau, lần nào mẹ và bà dì của Bênadétta cũng đi với nàng. Lần hiện ra thứ 5, Bà Đẹp dạy nàng cầu nguyện. Bà cũng bảo nàng đem theo nến phép mỗi lần ra hang. Lần hiện ra thứ 6, Bà Đẹp nói:

– Hãy cầu cho các tội nhân.

Chẳng mấy chốc, tin đồn Đức Mẹ hiện ra đã loan truyền khắp miền Lộ Đức. Lần hiện ra thứ 9, có hơn 1000 người đứng trên 2 bờ sông. Lần hiện ra này, Bà Đẹp nói với Bênadétta:

– Hãy uống và tắm trong mạch nước này.

Nàng liền hướng về phía sông. Nhưng Bà chỉ một vũng nước bùn đọng gần đó. Nàng lưỡng lự thò tay xuống, nhưng không đủ nước để uống. Nàng bới đất. Thành linh một dòng nước tuôn trào. Nàng vạm hai bàn tay lấy nước rồi uống.

Mấy người gần đó kêu lên:

– Cô ta điên rồi! Hãy nhìn bộ mặt bản thủ cô ấy kia!

Nhưng chẳng mấy chốc, mạch nước đã biến thành một dòng suối, chảy xối vào sông.

Lần hiện ra thứ 11, Bà Đẹp bảo Bênadétta nói với Linh Mục rằng Bà muốn có một nhà nguyện và các cuộc rước tại đây. Để thử Bênadétta, vị Linh Mục bảo nàng:

– Con hãy nói với Bà Đẹp cho biết Bà là ai, rồi sẽ có nhà nguyện như ý Bà muốn.

Ngày 25 tháng 3 Bênadétta hỏi Bà Đẹp:

– Xin bà cho con biết Bà là ai?

Bà mỉm cười cách nhân từ, nhìn lên trời và nói:

– Ta là Đấng Đầu Thai Vô Nhiễm.

Khi được kể lại điều này, vị Linh Mục đệ trình lên Đức Giám Mục. Việc tra xét bắt đầu. Một số phép lạ xảy ra. Một em nhỏ đã chết được hồi sinh nhờ tắm trong nước Lộ Đức. Một người mù được sáng mắt. Cánh tay một đàn bà được chữa lành. Đức Giám Mục biết rằng Đức Mẹ đã hiện ra với Bênadétta. Ngài bắt đầu cho xây nhà nguyện và tổ chức các cuộc rước.

Mỗi ngày hàng đoàn người kéo tới thăm Bênađetta, họ gọi nàng là vị thánh. Để tránh sự ồn ào thế tục, nàng đã từ giã gia đình, ẩn mình trong tu viện, sống với các chị Dòng Nữ Tử Bác Ái ba năm. Sau đó, nàng trở thành một nữ tu mang tên Maria Bêna. Bảy năm sau, nàng tắt thở êm ái sau khi nhớ lại lời Đức Mẹ đã phán với nàng:

*"Ta không hứa cho con hạnh phúc đời này, nhưng là hạnh phúc đời sau".*

## **Người Diên Trên Hè Phố: Thánh Gioan Thiên Chúa (8/3)**

Gioan sinh năm 1495 tại Monte major, Bồ Đào Nha. Là con trai duy nhất một gia đình trung lưu, cậu trở thành kho tàng quý báu cho cha mẹ. Tuy nhiên, chẳng bao lâu, kho tàng quý giá này đã vượt khỏi tầm tay của ông bà thân sinh. Năm lên tám Gioan đột nhiên mất tích. Không rõ bị ai bắt cóc hay biết rằng sau một thời gian ngắn, Gioan thấy mình trở thành một đứa trẻ bơ vơ lạc loài tại Tây Ban Nha, hàng ngày lang thang đầu đường xó chợ. Không nhà cửa nương thân, cậu tìm đến vùng quê chần chiên mướn, sống độ thân qua ngày.

Người mục tử vui sống với đàn chiên, tung tăng bên đồng cỏ mãi tới năm 22 tuổi. Ông chủ muốn gả con gái cho Gioan, nhưng chàng chối từ và xin nhập quân đội viễn chinh. Mười tám năm trời trong quân ngũ, Gioan hăng say với binh nghiệp, nhưng Đức Tin và lòng đạo đức thời thơ ấu của chàng đã hầu biến mất. Chàng ngụp lặn trong những cuộc phóng túng, truy hoan. Chúa cho xảy ra một vài biến cố để lay tỉnh tâm hồn chàng. Một lần, Gioan ngã ngựa, vết thương trầm trọng, nằm bất tỉnh suốt hai giờ đồng hồ, đã hầu rơi vào tay quân địch. Khi hồi tỉnh lại, bất chợt môi chàng lẩm bẩm lời khấn cầu Đức Mẹ chàng được học từ tấm bé. Gioan tha thiết nài xin Đức Mẹ cứu mình. Kết quả, chàng được hồi phục cách lạ lùng. Lần khác chàng được trao công tác canh giữ một số chiến lợi phẩm quý giá, nhưng ló ngó thế nào, những đồ quý tự nhiên biến mất! Chàng bị kết án tử hình. May thay, có vị sĩ quan thương tình can thiệp xin tha mạng cho chàng. Gioan bắt đầu chán ngán đời binh nghiệp, chàng tới quân ngũ và dần hồi tâm tỉnh ngộ.

Từ Tây Ban Nha, Gioan trở về sinh quán tại Bồ Đào Nha với ước mơ tìm gặp lại cha mẹ. Nhưng than ôi, chàng được tin nát lòng mẹ chàng quá đau khổ vì mất con đã nhắm mắt ngàn thu sau vài năm chàng biến hút khỏi gia đình; sau cái chết của thân mẫu, cha chàng xin vào dòng Phanxicô rồi qua đời tại đó. Gioan xúc động tột cùng, chàng tự cảm chính chàng là nguyên nhân gây cái chết của cha mẹ. Chàng quyết tâm sống quãng đời còn lại trong thống hối đền tội, và nếu cần, chàng sẽ đổ máu đào làm chứng nhân chúa Kitô.

Thời đó, Gioan nghe nói các Kitô hữu bị quân Hồi Giáo bắt làm nô lệ tại Phi Châu, chàng dự tính một trong hai giải pháp: Chàng sẽ tới Phi Châu, kiếm tiền chuộc mạng những người xấu số đó; nếu không có tiền, chàng sẽ thế



mạng cho một người trong bọn họ. Với dự tính đó, Gioan tới thành phố Ceuta nằm trên bờ biển Phi Châu. Trong cuộc hành trình, chàng gặp gia đình một viên chức người đồng hương bị lưu đày. Chẳng may, khi tới Ceuta cả gia đình lâm trọng bệnh, họ nài nỉ xin chàng tạm hoãn cuộc hành trình để cứu giúp họ qua cơn bĩ cực. Gioan tự tình đi làm kiếm tiền giúp đỡ gia đình người đồng hương bất hạnh.

Tại Ceuta, Gioan gặp một Linh Mục, ngài thấu hiểu cuộc đời chàng, và theo ngài, Phi Châu không phải là nơi xứng hợp cho chàng. Trong khi cựu viên chức được may mắn hồi phục chức quyền và đang chuẩn bị hồi hương, thì Gioan vâng lời vị Linh Mục trở lại Tây Ban Nha thi hành ơn gọi Chúa đã tiên định cho chàng.

Về tới Tây Ban Nha, trước hết chàng vui nghề bán sách rong. Lang thang từ làng này sang làng khác, Gioan phổ biến các sách và tranh ảnh đạo cùng đồ dùng phượng tự. Đang trên đường hướng về thành phố Granada, chàng gặp một em bé ốm yếu đứng run lẩy bẩy. Động lòng chác ản, chàng bế bé trên tay. Nhưng lạ lùng thay, chú bé cứ mỗi lúc một tăng nặng hơn, khiến cảm thấy như phải bế một chiếc cối đá. Gioan đặt chú bé bên đường để nghỉ. Đột nhiên, chú bé biến hình thành Chúa Kitô đang vác thánh Giá. Ngài phán với chàng:

– Gioan của Thiên Chúa, con sẽ tìm gặp Thánh giá của con tại Granada. Và lập tức Chúa biến mất.

Tới Granada, Gioan tiếp tục nghề cũ. Một hôm nghe cha Gioan thành Avila giảng khuyên mọi người hãy trở nên điên dại vì Chúa Kitô, chàng liền lập tức thi hành. Đi ngoài đường phố, chàng kêu la thảm thiết, giật tóc, vả mặt, đâm mình thịch trên mình rồi lăn vào bùn nhơ. Từ phố này sang phố khác, chàng nên trò cười cho thiên hạ. Bọn trẻ con bu quanh chàng chế nhạo. Cuối cùng người ta giam giữ chàng trong nhà thương điên với một kỷ luật khắt khe. Hằng ngày chàng bị đem ra đánh đòn. Nhưng càng bị đánh, chàng càng giả vờ điên. Mãi tới một hôm, cha Gioan Avila nghe biết câu truyện đích thân đến với chàng, ngài ra lệnh cho chàng phải ngưng ngay sự giả vờ đó và thực hiện thánh Ý Chúa bằng cách giúp đỡ những người nghèo đói bệnh tật. Chàng vâng lời.

Ra khỏi nhà thương điên, chàng thuê một căn nhà làm nơi nương thân cho

những kẻ bị bỏ rơi và người đau yếu bệnh tật. Chàng đi khắp phố lung kiếm những người đói khổ, ốm đau, tàn tật rồi đem về nhà để chăm sóc. Một mình chàng vừa là y tá, vừa là đầy tớ phục vụ mọi người. Chàng lau lốt bệnh nhân, băng bó vết thương, tìm cách làm vui lòng họ rồi khuyên răn họ cầu nguyện hoặc đi xưng tội. Lúc đầu, dân thành phản đối công việc của chàng, nhưng dần dà họ để chàng yên thân thực hiện công việc bác ái. Để duy trì "bệnh viện" tồi tàn của chàng, Gioan nói với dân chúng:

– Xin các ông bà hãy làm ơn cho chính mình

Vì theo chàng, của bố thì làm ích cho người cho hơn là người nhận. Công việc bác ái của chàng đến tai giáo quyền. Đức Giám Mục cũng là thị trưởng thành phố Granada cho gọi chàng đến. Ngài hỏi tên chàng. Chàng liền kể lại câu truyện "Chú bé nặng như cối đá" đã gọi chàng là "Gioan của Thiên Chúa". Đức Cha liền nói:

– Vậy Gioan Thiên Chúa sẽ mãi mãi là tên con.

Đức Cha cũng xin chàng mặc tu phục riêng. Thái độ này cho chàng hay, giáo quyền đã công nhận công việc từ thiện của chàng, đồng thời muốn chàng thành lập một hội dòng chuyên lo chăm sóc các bệnh nhân. Dân thành hiến tặng chàng một khu nhà thương. Gioan trở thành người điều hành, và nhiều nhân viên tình nguyện làm việc dưới sự hướng dẫn của chàng.

Suốt 15 năm dài, kể từ ngày rời bỏ quân ngũ, Gioan sống trong hãm mình đền tội, làm việc bác ái. Chàng trao hiến tất cả, không giữ điều chi lại cho mình. Chàng thường yếu bệnh, nhưng chàng đã không nghĩ tới bệnh hoạn riêng mình, một nghĩ đến những khổ đau của người khác và tìm cách phục vụ họ. Một hôm, đi dọc theo bờ sông, Gioan thấy một người đang chơi với dưới giòng nước, đã hầu chết đuối, chàng liền nhảy xuống sông cứu người đó. Chiều về nhà, chàng lên cơn sốt. Chính căn bệnh này đã đưa chàng về cõi đời sau.

Những phút cuối đời, Gioan sốt sáng lãnh nhận các bí tích sau hết do tay Đức Giám Mục thành Granada. Mọi người trong bệnh viện bu quanh giường chàng. Nhưng chàng xin mọi người ra khỏi phòng một lát. Sống đời đơn cô, chàng cũng muốn chết một mình. Sau khi mọi người ra khỏi phòng, Gioan chỗi dậy, khỏi giường, đến quỳ trước tượng Chịu Nạn, chàng hôn tượng rồi

nói:

– Lạy Chúa Giêsu, con phó linh hồn con trong tay Chúa.

Nghe những lời này, một số y tá chạy vào phòng, thấy chàng còn đang quỳ dưới đất, mặt gục vào chân tượng Chuộc Tội, nhưng linh hồn chàng đã lìa khỏi xác. Gioan qua đời ngày mùng 8 tháng 3 năm 1550. Xác chàng quì nguyên như vậy trong vòng 6 giờ và tỏa hương thơm ngào ngạt.

## **Bạn Của Người Nghèo: Thánh Phanxica Thành Rôma (9/3)**

Phanxica mở mắt chào đời năm 1384 tại kinh thành Rôma. Thuộc giai cấp quý phái nhưng đạo đức. Nhu mì, trầm lặng và thương người đã là đức tính nổi bật của Phanxica ngay từ thiếu thời. Bé rất thích đọc truyện các thánh, đặc biệt truyện các thánh ẩn tu tại vùng sa mạc Ai Cập. Bé bắt chước các ngài sống đời hy sinh hãm mình. Nhưng cha giải tội thường bảo bé:

– Hãy dâng mọi việc con làm cho Chúa, dù việc đó nhỏ bé tới đâu. Hãy nhắc lại việc hiến dâng đó. Một ngày kia con sẽ dâng Chúa Hy sinh lớn lao. Con sẽ phải hy sinh Ý riêng của con.

Bé thường suy tư về những lời đó mà chẳng hiểu chi. Khi lên 11 tuổi, Phanxica ước mong dâng hiến cuộc đời cho Chúa. Đêm Sinh Nhật năm ấy, trước Thánh Lễ nửa đêm, cô dâng mình làm lễ vật hầu ngăn ngừa sự dữ đang làm hại Giáo hội thời đó. Sau Thánh lễ trở về nhà, cô chìm ngập trong nguyện cầu suốt đêm ấy. Một ngày nắng đẹp mùa xuân năm sau, đang khi ba má nghỉ ngơi ngoài vườn, Phanxica mạnh dạn thưa với các ngài:

– Thưa ba má, xin ba má cho phép con đi tu dòng.

Sau một phút ngỡ ngàng, ba Phanxica háng giặng rồi trả lời:

– Không được, Phanxica ạ, ba má không cho phép con làm như vậy. Thực sự, ba đã hứa gả con cho Laurenxô, con thứ hai của ông Anrê Ponziani rồi!

Trước lời chối từ đường đô? của ba, Phanxica đứng ngây người chẳng biết nói sao. Trước khi xin phép, cô tin tưởng thế nào cũng được chấp thuận, ngờ đâu lúc này lại bị từ chối phũ phàng như thế! Cô lẩm bẩm lời kiêu từ, rồi đi gặp cha giải tội.

Trên đường đi, Phanxica bắt đầu lý luận:

– Có phải đây là hy sinh lớn lao về ý riêng Chúa đòi hỏi nơi tôi không? Chắc là không, vì điều đó làm tôi xa lìa Chúa. . . . Nhưng giả như đây là Thánh Ý Chúa, tôi có phải vâng lời không?

Bối rối trăm chiều, Phanxica tỏ bày câu truyện cho cha giải tội. Ngài âu yếm

lắng nghe rồi trả lời cô:

– Đó là Thánh Ý Chúa muốn con kết bạn. Con vẫn còn có thể phụng sự Chúa trong đời đời bạn. Vai trò của con trong cuộc sống sẽ là đau khổ và vâng lời.

Thế là Phanxica chấp nhận Thánh Ý Chúa qua cha giải tội. Nàng tự nghĩ: Anh hùng biết bao vai trò làm vợ và làm mẹ trong gia đình. Người ta phụng sự Chúa qua chồng, qua con. Người ta đi tìm Chúa trong khi làm các việc trong nhà.

Laurenxô thuộc gia đình giàu có. Đám cưới diễn ra trong tung bừng náo nhiệt. Chàng hơn nàng vài tuổi. Quang cảnh gia đình chồng thật hạnh phúc. Cha mẹ, vợ chồng con cái, cùng đầy tớ sống chung đề huề trong một biệt thự rộng rãi. Cha mẹ chồng rất tử tế đối với Phanxica. Cả Phaolô, anh của chồng nàng cũng vậy. Vợ anh Phaolô là Vanessa cũng là một phụ nữ đạo đức thánh thiện. Vừa gặp Vanessa là Phanxica mến ngay. Chính chị Vanessa chỉ cho nàng cách thức ăn chay, hãm mình, và cầu nguyện mà không sợ những con mắt tò mò dòm ngó. Giữa những sinh hoạt xã hội, không ai ngờ rằng Vanessa và Phanxica mang xiềng và áo nhặm lẩn dưới những bộ đồ duyên dáng.

Phanxica tỏ ra rất từ tốn thương giúp người nghèo. Hằng ngày nàng đi thăm nhà thương, chăm sóc các bệnh nhân. Chẳng bao lâu, những người lân cận đã nhận biết lòng đại độ của nàng. Mỗi lần phạm một tội lỗi nhỏ nàng đều cảm biết sự hiện diện của thiên thần bản mệnh. Đôi khi thiên thần đứng bên nàng tỏ vẻ buồn rầu. Lúc khác nàng cảm thấy thiên thần vờ nhẹ má nàng. Sự kiện đó dậy nàng hay Chúa không muốn những kẻ Chúa yêu phạm lỗi, dù lỗi nhỏ mọn cũng không.

Laurenxô và Phanxica ước nguyện có con, nhưng cả ba đứa đầu đều chết ngay sau khi sinh. Đôi vợ chồng buồn rầu không tả! Rồi đứa con thứ tư chào đời. Đây là một bé trai kháu khỉnh, họ đặt tên cho bé là Baptist. Tính tình Baptist Giống hệt Laurenxô. Bé trai kế, họ đặt tên là Evangelist, tính tình trầm lặng giống hệt Phanxica. Tiếp theo là Anê, em gái của Evangelist. Phanxica hết dạ thương yêu, giáo dục các con. Nàng dậy con chuyên chăm lánh lữ làm lành.

Một lần, thành Rôma bị trận lụt quái ác tàn phá. Nhà cửa hư hại. Bệnh dịch hoành hành. Đói kém tràn phủ khắp thành. Trong nhà ngoài phố người chết la

liệt. Phanxica và Vanessa tình nguyện đi cứu giúp những người đau khổ. từ căn chòi bẩn thỉu này sang căn nhà đồ nát khác, họ đem thực phẩm và thuốc men cứu chữa người nghèo. Kho thóc lúa của nhà chồng căng mấy chóc đã cạn. Người nghèo đói tiếp tục ngã gục trước nhà. Trước hoàn cảnh đáng thương đó, Phanxica chạy vào kho đã trống rỗng, cắm đầu trong nguyện cầu. Trong nháy mắt, kho lúa lại đầy ắp lúc nào không hay. Phanxica lại tiếp tục thực thi lòng bác ái.

Thánh giá và đau thương thường rải khắp cuộc đời người Chúa yêu. chiến tranh giữa các giai cấp quý tộc đột nhiên bùng nổ trong cảnh nghèo đói và chết chóc vì bệnh dịch. Laurenxô buộc lòng phải ra trận chống quân thù. Chẳng bao lâu, chàng đã lê lét tẩm thân thương tích về nhà. Phanxica ngày đêm chăm sóc cho chồng mau hồi phục sức khỏe. Nhưng tiếng kêu cứu của người nghèo khó quanh vùng ngày một thảm thiết, nên Laurenxô đã phải nói với vợ:

– Người nghèo khổ đang cần tới em, em hãy đi cứu giúp họ. Anh có thể tự chăm sóc thân anh được rồi.

Thế là Phanxica lại được dịp tiếp tay với chị Vanessa cứu độ chúng sinh. Hai người đi quyên góp quần áo và thực phẩm cho người nghèo, chữa trị kẻ yếu đau, chôn táng người chết. Ngoài ra họ cũng dạy Giáo Lý cho trẻ em, lũ trẻ đáng thương giữa cảnh chiến tranh và bệnh dịch không có nơi học Giáo lý. Thành linh, Phaolô, chồng của Vanessa bị quân thù bắt cóc, kèm theo lời đe dọa:

– Hãy nộp đứa con trai của Laurenxô làm con tin. Nếu không, phaolô sẽ bị giết!

Phanxica tan nát cõi lòng. Nàng muốn cứu anh Phaolô. Nhưng làm sao có thể đành lòng trao nộp đứa con thân yêu cho quân thù. Nàng cầu nguyện và khóc lóc suốt đêm. Ngày hôm sau, nàng trao nộp Baptist cho quân thù. Nhưng lạ thay, bọn địch thay nhau đặt Baptist trên lưng hết con ngựa này đến con ngựa khác, nhưng chẳng một con nào chịu di chuyển. Cuối cùng bọn chúng buộc lòng phải trả Baptist lại cho Phanxica.

Tính mạng của Laurenxô bị quân thù đe dọa, nên một số bạn hữu đã giúp chàng trốn khỏi Rôma. Ít ngày sau đó, một đoàn kỵ binh xồng xộc kéo đến

trước nhà. Phanxica liền giục Vanessa và các con đi trốn. Riêng bé Baptist không chịu rời bỏ mẹ. Hai mẹ con nắm chặt tay nhau xuất hiện trước quân thù. Bọn lính lục soát khắp nơi lùng bắt Laurenxô. Tìm không thấy, chúng vô cùng tức giận đập phá đồ đạc rồi nổi lửa đốt nhà. Chúng giằng Baptist khỏi tay Phanxica rồi lôi đi. May thay những người bạn quý của gia đình đã giải thoát Baptist và đem bé đi trốn. Khổ đau tiếp tục đến với Phanxica. Evangelist, con trai nàng, bị nhiễm bệnh dịch rồi chết. Lời sau cùng của bé:

– Con thấy các thiên thần đến đón con về trời.

Mấy tháng sau, bé Anê cũng chết như anh. Giữa những đau khổ tột cùng đó, Phanxica và Vanessa vẫn ngày ngày kéo xe thu nhặt xác chết trên đường phố rồi đem đi chôn. Hai chị em an ủi người hấp hối, khuyên họ thống hối lỗi lầm, chăm sóc người bệnh tật. Từ nhà này sang nhà khác, hai chị em xin com bánh nuôi người nghèo.

Bảy năm sau, hòa bình trở lại. Laurenxô và Baptist về nhà. Phaolô cũng được trả tự do. Mọi người trong gia đình cùng hợp lực xây dựng lại cơ đồ. Phanxica tiếp tục công việc từ thiện. Hoàn cảnh đã khả quan hơn, nhưng lúc nào cũng có người nghèo và bệnh tật. Về sau nàng lập một tu hội đời mang tên thánh Biển Đức (Benedictine Oblates), hợp bởi các phụ nữ và các bà góa. Anh Phaolô, chị Vanessa, và Laurenxô lần lượt già từ cõi thế, bỏ Phanxica một thân cô cút. Nàng khóc thương những người thân yêu, nhưng ngập tràn hy vọng, nàng tin tưởng họ đang hưởng hạnh phúc quê trời, và rồi cuộc hội ngộ sẽ tới một ngày không xa.

Những năm cuối đời, Phanxica kiên li khước từ mình trong cuộc sống tu hội do chính nàng lập. Năm 56 tuổi nàng lìa trần. Môi mấp máy cùng một lời Evangelist con trai nàng nói trước khi tắt thở:

– Tầng trời mở ra, và các thiên thần đang đến đón tôi.

Nàng được tôn phong hiển thánh năm 1608. Hằng năm Giáo hội mừng kính thánh nữ Phanxica thành Rôma vào ngày 9 tháng 3.

## **Người Nô Lệ: Thánh Patrick (17/3)**

Bờ biển Anh Quốc xâm tới. Đàn muỗi đói vo ve đuổi người. Patrick cùng các bạn đang dạo bước. Xa xa, vài đóm sáng ngoằn ngoèo rồi vụt tắt. Một người trong bọn nói:

– Có lẽ bọn chúng đang đổ bộ lên bờ. Ba tao nói, tại chính nơi này bọn chúng thường bắt người đem đi làm nô lệ!

Patrick cười gằn. Chàng tự phụ với thân hình vạm vỡ 16 tuổi đời của chàng.

– Hãy coi tao đây! Sức tao như trâu thê này mà không bảo vệ được chúng mày hay sao? Tụi mày có theo tao hay không?

Lưỡng lự dôn ái ngại, tụi bạn của Patrick lẻo đẻo theo sau chàng. . . Thành linh, một tiếng kêu ú ớ đằng sau khiến chàng giật mình quay lại. Một cảnh chớp bắt người rùng rợn khiến Patrick tự động co giò chạy lẹ! Nhưng đã quá muộn. Chàng bị một bọn chuyên nghề săn người tóm lại. Miệng chàng bị tọng đầy giẻ. Hai tay bị trói giắt cánh khi. Hai chân bị còng lại. Bọn họ hò hục khiêng chàng đi một quãng, rồi quẳng chàng lên một chiếc thuyền cũ. Nơi đây, các bạn của Patrick đã cùng chung số phận.

Nằm co quắp trên sàn thuyền, suốt đêm Patrick lắng nghe tiếng gió gào, tiếng sóng vỗ. Chiếc thuyền cũ ảm mùi cá ươn suốt đêm chồi lên hụp xuống khiến chàng chóng mặt và non mửa. Cuối cùng, khi trời vừa sáng, chàng nghe tiếng thuyền chạm bờ cát. Họ tháo xiềng chân Patrick rồi kéo chàng lên bờ. Tại đây, chàng đối diện với một lũ người lạ, họ banh miệng, vén mắt xem xét, mặc cả chàng như một con vật! Lắng nghe những lời đàm thoại của họ, chàng hiểu rằng hiện chành là nô lệ của bọn người vô đạo tại Ái Nhĩ Lan.

Ông chủ của Patrick không đến nỗi tệ. Sau khi trả tiền, ông ta đem Patrick về làng gần đó, cho chàng ăn uống và nghỉ ngơi. Gần trưa, Patrick được lệnh đi theo chủ băng qua một khu rừng tiến kên sườn núi. Xế chiều, họ tới một căn chòi, chàng trên đỉnh núi. Chính nơi đây Patrick sẽ sống và chăm nom đàn vật của chủ. Bây giờ là năm 403. Biết rằng cố gắng trốn thoát lúc này là nguy đến tính mạng. Lính gác đầy bờ biển. Nằm trong chòi, chàng cố dỗ mình vào giấc ngủ, nhưng tiếng ngáy rung chòi của ông chủ khiến chàng không sao



ngủ được. Chàng gượng gạo đưa tâm trí cầu nguyện. Nhưng cũng chẳng xong! Đã lâu, chàng bỏ ngoài tai những lời khuyên nhủ của các cha, chẳng thèm để ý chi đến cuộc sống đạo. Chàng nghĩ thầm:

– Có lẽ Chúa phạt mình! Chắc mình phải sống trên đất vô đạo này đến mãi đời!

Ngày hôm sau, Patrick lừa đàn vật xuống sườn đồi rồi để mặc chúng dựa lưng vào gốc cây, chàng hết ngắm nhìn đoàn vật đang gặm cỏ, rồi lại nhìn bầu trời xanh. Những sợi mây mềm mại vắt vẻo lưng chừng đồi khiến tâm thần chàng dịu lại. Có sức thúc đẩy bên trong giục chàng cầu nguyện. Chàng nhớ lại các kinh lạ cha chàng nghĩ:

– Chúa là Cha mình! Chúa sẽ giúp mình! Rồi liên tưởng đến Mẹ Maria, chàng buột miệng cầu nguyện với người.

Trải qua nhiều ngày, Patrick chỉ luẩn quẩn với kinh lạ cha. Ngày này qua ngày khác, Thiên Chúa đã trở nên người bạn đường độc nhất của chàng. Mỗi ngày chàng nâng hồn lên với ngài trên 100 lần. Chàng lập đi lập lại những lời nguyện chân thành. Nhiều đêm chàng ngủ luôn tại sườn đồi, để rồi trước khi bình minh ló dạng chàng có thể chỗi dậy cầu nguyện, mặc dầu sương lạnh, mặc cho tuyết phủ, mặc kệ mưa rơi! Sức ấm của tình yêu Chúa đã làm chàng quên cả giá lạnh.

Sáu năm dài chặn đoàn vật cho chủ. Rồi một đêm nằm ngủ dưới vòm sao, những tiếng nói từ trên cao đến với chàng trong giấc ngủ, thúc giục chàng hãy can đảm mà vượt thoát, và như vậy chàng có thể trở lại chốn sinh thành. Với lời cầu xin ơn phù trợ, chàng chỗi dậy thực hiện lời nhủ khuyên. Sợ rằng đi theo đường cũ sẽ bị phát giác, nên chuyển hướng ngược lại chàng băng rừng vượt suối trèo non, hết tuần này sang tuần khác. Sau hơn 200 dặm đường, chàng tới bờ biển và hỏi xin một chỗ thối trên tàu. Nhưng đời nào lại có chỗ thối cho chàng! Bọn thủy thủ nhìn chàng cười chế diễu. Một lát cầu nguyện trong thinh lặng, chàng quay gót ra đi. Nhưng được một quãng, một thủy thủ gọi giật chàng lại:

– Ê! trở lại đây. May ra mà giúp chúng tao được việc chăng.

Những ngày ở trên tàu, Patrick nói chuyện với thủy thủ đoàn về uy quyền và

tình yêu của Thiên Chúa. Bọn họ lắng nghe lời chàng cách say mê. Họ chưa bao giờ nghe nói tới Chúa Kitô và Các Kitô hữu.

Sau ba ngày trên biển cả, bọn họ lên bờ rồi bắt đầu một cuộc hành trình vô định kéo dài nhiều tháng băng qua miền đất không dân cư nhà cửa. Họ bắt đầu gặp đói khát! Người thuyền trưởng gọi Patrick tới:

– Mày nói Chúa của mày toàn năng và Chúa mày sẽ giúp đỡ chúng ta lúc này?

Chàng trả lời:

– Nếu các ông tin vào Chúa của tôi, Ngài sẽ ban lương thực cho các ông. Không có sự gì Ngài không làm được.

Chúa đã nghe lời cầu của vị thuyền trưởng. Ngay hôm đó họ gặp một bầy heo rừng. Giết được một sò, họ đem quay rồi ăn uống linh đình như ngày hội. Từ hôm ấy Chúa của Patrick trở nên vĩ đại trước mặt bọn họ.

Cuối đường hành trình, Patrick đã về tới nơi sinh trưởng của chàng. Gia đình và thân quyến đón mừng chàng như một người sống lại từ cõi chết.

Ngày tháng trôi qua, Patrick tiến tới không ngừng trong tình yêu Chúa. Chàng miên man nghĩ tới các linh hồn ngoại đạo bên kia bờ đại dương, nơi chàng đã sáu năm sống trong cảnh nô lệ. Thế rồi một đêm, tiếng nói vô hình lại đến với chàng trong giấc ngủ:

– Hỡi bạn, chúng tôi nài xin bạn hãy trở lại và sống giữa chúng tôi.

Chàng hiểu rằng Chúa muốn chàng dâng hiến đời mình cho phần rỗi các linh hồn tại Ái Nhĩ Lan. Để thực hiện ơn Chúa gọi, trước hết chàng sang pháp thụ huấn trong tu viện, dưới quyền thánh Martin thành tours. Sau khi thánh nhân qua đời, chàng tới một thành phố khác cũng tại nước Pháp. sống với đức Cha Germanus. Đức cha sai chàng trở lại Anh quốc. Chàng được thụ phong linh mục, rồi phục vụ các linh hồn nhiều năm tại đó.

Nhưng Cha Patrick không sao quên được tiếng mời gọi thần linh đã đến với Ngài đêm xưa. Ngài mạnh dạn thưa trình câu truyện với Đức Cha Germanus

và nài xin Đức Cha Germanus giúp mình thực hiện ơn gọi. Đức Cha Germanus không muốn mất Patrick, nhưng cuối cùng cũng đành để Cha đi Rôma gặp Đức Thánh Cha Celestine. Ước vọng của Cha Patrick đã thành sự thật! Đức Thánh Cha truyền chức Giám Mục cho ngài rồi sai Ngài trở về Ái Nhĩ Lan truyền giáo.

Tới Ái Nhĩ Lan, việc đầu tiên Đức Cha Patrick làm là lên đỉnh núi, nơi Ngài đã chặn đoàn vật sáu năm dài cho chủ. Tại đây, theo gương Chúa Kitô, Ngài đã ăn chay cầu nguyện 40 đêm ngày, để chuẩn bị việc truyền giáo.

Thế rồi bắt tay vào việc. Tại Tara, mùa Phục Sinh năm 433, các vua chúa ngoại đạo đang cùng với con dân của họ tôn kính các thần. Theo tục lệ bản xứ, không ai được đốt lửa cho tới khi nhà vua đốt ngọn lửa đầu tiên. Đức Cha Patrick biết điều đó. Ngài hiên ngang leo lên một ngọn đồi rồi đốt một đồng lửa rất lớn. Lập tức Ngài bị bắt điệu đến trước mặt vua, và đây chính là điều Ngài muốn.

Nhà vua bực tức hỏi Ngài:

– Người là ai? Ai sai người tới đây? Tại sao người cả gan bất tuân lệnh ta?

Không một chút sợ hãi, Ngài trả lời:

– Tôi tên là Patrick Giám Mục của Thiên Chúa, Đức Thánh Cha Celestine sai tôi tới nói cho các người về Ba Ngôi trong một Thiên Chúa, một Thiên Chúa nhưng có Ba Ngôi.

Ông vua ngoại giáo lộ vẻ tò mò, rồi bảo Ngài giải nghĩa thêm. Đức Cha Patrick đã lần lượt giảng về Chúa Ba Ngôi, về Ngôi Hai xuống thế làm người, về tình yêu vô hạn của Thiên Chúa. Nhà vua hài lòng khi nghe lời giảng của Đức Cha Patrick. Sau đó vua ban phép cho Ngài được giảng đạo tại Ái Nhĩ Lan.

Ba mươi năm tiếp sau đó, Đức Cha Patrick sống giữa dân chúng và rao giảng Lời Chúa. Chúa bảo vệ Ngài khỏi những cuộc sát hại. Lời Giảng của Ngài làm mềm lòng người nghe. Họ đã lần lượt đón nhận Đức Tin Công Giáo. Đi tới đâu, Ngài liền cho xây nhà thờ, lập trường học. Ngài truyền chức Linh Mục và Giám Mục. Với trí thông minh, Ngài đã cố vấn cho chính quyền Ái

Nhĩ Lan soạn bộ luật quốc gia.

Đức Cha Patrick qua đời ngày 17 tháng 3 năm 493. Thi hài Ngài được chôn táng tại một ngôi làng ở County Down, Ái Nhĩ Lan. Giáo Hội tôn phong Ngài lên bậc hiển thánh. Ngài hiện làm Thánh bổn mạng của toàn thể dân tộc Ái Nhĩ Lan. Sinh trưởng tại Anh Quốc, Patrick bị người Ái Nhĩ Lan bắt làm nô lệ năm 16 tuổi. Từ cảnh nô lệ người đời, Patrick đã được ơn gọi làm Nô Lệ Thiên Chúa, làm Tông Đồ rao giảng Tin Mừng cho dân tộc Ái Nhĩ Lan.

## **Nhà Giảng Thuyết Lùng Danh: Thánh Vinh Sơn Fêrriê (5/4)**

Vinh Sơn Fêrriê sinh năm 1350 tại Valentia, Tây Ban Nha. Ngay từ khi còn là thai nhi, Vinh Sơn đã kêu vang trong bụng mẹ. Đây là điềm báo Vinh Sơn sẽ trở thành nhà giảng thuyết thời danh. Lúc còn nhỏ, Vinh Sơn nhiều lần tụ họp bọn trẻ rồi giảng cho chúng nghe đến nỗi làm nhiều người lớn phải ngạc nhiên.

Năm 18 tuổi, Vinh Sơn xin vào Dòng Đaminh. Thầy có một trí khôn sắc xảo lại chăm chỉ học hành, nên rất thành công trên đường học vấn. Tuy nhiên, thầy quy sự thành công là do sức mạnh của lời cầu nguyện hơn là do cố gắng riêng mình. Thầy thường khuyên sinh viên học sinh chẳng những phải cầu nguyện trước giờ học, lại phải kêu cầu Chúa giúp đỡ đang khi học.

Sau khi thụ phong linh mục, Cha Vinh Sơn được sai đi giảng khắp nơi. Ngài giảng thật hấp dẫn, lôi cuốn dân chúng và đánh động lòng người. Đề tài các bài giảng của ngài là những chân lý Đức Tin, bốn sự sau, và cuộc khổ nạn đau thương của Chúa Kitô. Nhiều lần đang khi giảng Cha Vinh Sơn phải bỏ ngừng lời vì có những người khóc nức nở. Do lời giảng của Ngài, rất nhiều người trở lại với Chúa. Riêng tại Tây Ban Nha, cha Vinh Sơn đã hoán cải được trên 20 ngàn người Do Thái và 18 ngàn người Hồi Giáo. Cha cũng được cử đi giảng tại Pháp, Ý, Đức, Anh, Ái Nhĩ Lan. . . . Điểm đặc biệt là cha Vinh Sơn sống những điều ngài rao giảng.

Kèm theo tài giảng thuyết, Thiên Chúa còn ban cho cha ơn nói tiên tri và làm phép lạ như các thánh tông đồ xưa. Cha đặt tay trên bệnh nhân, họ liền được lành mạnh. Cha trừ quỷ, cho người câm nói được, người mù sáng mắt, người phong hủi lành sạch, kẻ chết sống lại. Có một người đàn bà loạn trí, chồng mời cha Vinh Sơn đến nhà dùng cơm. Trong khi ông chồng vắng nhà, bà giết đứa con một của bà rồi cắt thành nhiều mảnh. Bà lấy một ít thịt con mình chuẩn bị cho bữa ăn. Khi ông chồng về tới nhà phát giác sự khủng khiếp đó, ông kêu la thảm thiết. Người láng giềng đến xem thật đông. Một lát sau, cha Vinh Sơn tới giữa cảnh đau lòng. Ngài an ủi người cha bất hạnh, rồi truyền đem các phần cơ thể của đứa bé đến cho ngài. Cha xếp các phần thứ tự rồi nói:

– Chúa Giêsu, Con Mẹ Maria và là Thiên Chúa thật, Đấng đã tạo dựng Linh

hồn đứa trẻ này từ hư không, Ngài sẽ kết hợp linh hồn đứa bé lại thân xác, để danh Ngài được cả sáng.

Sau đó, Cha Vinh Sơn làm dấu Thánh Giá trên thân xác đã cắt khúc của đứa bé, lập tức đứa trẻ sống lại. Những người hiện diện vô cùng ngỡ ngàng, họ nhau lớn tiếng ca tụng Thiên Chúa.

Mặc dầu được ơn làm phép lạ, nhưng cha Vinh Sơn sống rất khiêm tốn. Ngài từ chối các chức quyền đạo cũng như đời và cho mình thật bất xứng. Theo ngài, cải hóa được một tội nhân ngàn lần đáng giá hơn nắm giữ chức quyền thế gian. Tuy thế, đi tới đâu ngài cũng được người người nghênh đón, hàng giáo sĩ mặc phẩm phục, ngay cả Đức Giám Mục, đôi khi những người trong hoàng gia cũng ra đón ngài. Dân chúng phủ phục xin ngài chúc lành, hoặc hôn tay hay áo ngài.

Trong vòng 40 năm, cha Vinh Sơn ăn chay hằng ngày, ngoại trừ Chúa Nhật. Giường ngủ của ngài là một đệm rom. Mỗi đêm cha đánh tội đến chảy máu và chỉ ngủ lại hai hoặc ba giờ, thời gian còn lại ngài chìm ngập trong nguyện cầu. Ngài sốt sáng dâng lễ vào sáng sớm. Trước và sau lễ, ngài nguyện kinh Nhật tụng. Thế rồi sau đó ngài xả thân với công việc tông đồ như giảng thuyết hoặc giải tội, thăm viếng người ốm đau hoặc bị tù đầy, giải hòa những người kình địch nhau. Các bài giảng của ngài được soạn thảo dưới chân Thập Giá và được chuẩn bị kỹ càng bằng lời cầu nguyện. Ngài sùng kính đặc biệt Chúa Kitô Tử Giá và Mẹ Maria Đồng Trinh.

Đức Trinh trong của cha Vinh Sơn đã theo ngài xuống mồ, cha phải chiến đấu gay go với xác thịt, nhưng lần nào cha cũng chiến thắng vẻ vang. Một hôm, người phụ nữ quý phái thành Valentia giả đờ bị bệnh rồi xin mời cha Vinh Sơn đến xưng tội. Nhưng khi ngài đến, thay vì xưng tội, nàng trở trên rú rê ngài phạm tội. Cha Vinh Sơn quở mắng nàng nặng lời, rồi bỏ ra đi, Người đàn bà vô cùng tức giận liền phao tin vu vạ cho cha Vinh Sơn đã hãm hiếp nàng. Trước sự vụ không đó, cha Vinh Sơn chỉ im lặng và phó dâng đức Khiết Trinh của ngài cho Chúa. Thiên Chúa đã cho phép quỷ dữ nhập vào người phụ nữ và hành hạ nàng đủ cách. Một số linh mục được cử đi để trừ quỷ, nhưng quỷ dữ nói rằng nó chỉ ra khỏi khi có một linh mục ở giữa lửa mà không bị cháy. Lúc đầu không ai hiểu nó có ý nói gì, nhưng khi cha Vinh Sơn bước vào phòng, quỷ dữ liền kêu lên:

– Đây là người ở giữa lửa mà không bị cháy.

Rồi lập tức hấn ra khỏi người đàn bà. Sau đó, người phụ nữ đã thú nhận tội lỗi của nàng và nói lên sự vô tội của cha Vinh Sơn.

Ngài thường bị địch thù làm khổ cách này cách khác, nhưng đối lại, ngài kiên tâm cách quảng đại và luôn xử nhân từ tha thứ cho họ trong lòng lại còn cầu nguyện cho họ nữa.

Sau những năm tháng tận lực phụng sự Chúa và phục vụ các linh hồn, cha Vinh Sơn ngã bệnh. Mặc dầu cuộc đời ngài là sự dọn mình chết liên li, nhưng ngài cố gắng mọi cách trong những ngày cuối đời để chuẩn bị linh hồn ra trước tòa Chúa. Sau khi chịu các bí tích sau hết, ngài chìm đắm trong Chúa. Ngài xin đọc cho ngài nghe cuộc khổ nạn của Chúa Kitô và các ca vịnh thống hối. Trong khi những người chung quang đọc kinh cầu các thánh, ngài ngược mắt và giơ tay lên trời, rồi êm đềm thở hơi cuối cùng, thọ 69 tuổi. Chúa đã làm vô vàn phép lạ sau khi ngài qua đời.

## **Nhà Giáo Dục Đại Tài: Thánh Gioan Lasan (7/4)**

Năm 1950, Đức Thánh Cha Piô XII đã long trọng tôn phong thánh Gioan Lasan làm "*Quan thầy các nhà giáo dục*". Thánh nhân chính là vị sáng lập dòng "*Sư Huynh*". Ngài đã dâng hiến cuộc đời cho việc giáo dục thanh thiếu niên. Ngài lập dòng sư huynh cũng vì mục đích đó. Sau đây là đôi nét cuộc đời Ngài.

Mở mắt chào đời ngày 30 tháng 4 năm 1651, tại thành Rheims nước Pháp, trong một gia đình giàu có và quyền thế. Cha của Gioan Lasan là một vị thẩm phán danh tiếng. Mẹ cậu là một thiếu phụ rất đạo hạnh. Vốn bẩm tính ngoan ngoãn, Gioan Lasan đứng trước một tương lai vô cùng sáng ngời, đầy hứa hẹn nối dõi nghiệp cha, làm rạng danh cho giòng họ.

Nhưng chương trình thánh Ý Thiên Chúa khác với dự tính loài người! Ngay từ 11 tuổi, cậu Gioan Lasan đã dâng mình cho Chúa để tiến tới cuộc sống hiến thân của viện Xuân Bích ở Ba Lê với bằng Tiến Sĩ Thần Học, Gioan Lasan thụ phong Linh Mục năm 27 tuổi.

Mặc dầu được bổ nhiệm làm "*kinh sĩ*" nhà thờ chính tòa thành Rheims, cha Gioan Lasan bị thu hút đặc biệt vào việc phục vụ các trẻ thơ bất hạnh, nghèo khó trong những xóm "*bùn lầy nước đọng*". Tình thương bao dung đã thúc đẩy cha tìm mọi cách để giáo dục những đứa trẻ đáng thương này. Với sự giúp đỡ của một số người hảo tâm, cha bắt đầu mở trường cho trẻ em nghèo. Tại đây, không những cha dạy chúng biết đọc biết viết, mà còn dạy cho chúng biết sống theo gương mẫu cuộc đời Chúa Kitô.

Công việc bác ái, từ tâm của cha Gioan Lasan đã làm có ghen tương cho các giáo chức trong miền. Họ sợ bị mất việc, ảnh hưởng bị lu mờ. Họ kêu ca bàn tán, rồi họ họp nhau tìm đủ cách đả phá cha. Bầu khí ngày một thêm căng thẳng, đến nỗi nhóm giáo chức đã thuê tụi khùng bố, ban đêm đột nhập ngôi trường của cha phá hủy mọi sự

Hôm sau, đứng trước cảnh đổ nát của ngôi trường, cha bình tĩnh nói với 200 học sinh của ngài:

– Thiên Chúa muôn như vậy! Ngài có lý do riêng của Ngài! Nhưng chúng ta



sẽ chuyển tới nơi khác, rồi xây trường mới.

Trước tấm gương hiến thân xả kỷ của cha Gioan Lasan, một số thanh niên đã tình nguyện theo Ngài dâng hiến cuộc đời phục vụ trẻ thơ. Với nhóm thanh niên thiện chí này, cha Gioan Lasan đã dần dần huấn luyện họ thành những "*Sư Huynh*" tiên khởi. Hội dòng các "*Sư Huynh*" bắt đầu từ đây.

Lý tưởng cuộc đời cha Gioan Lasan và mục đích của hội dòng "*Sư Huynh*" đã vạch rõ: giáo dục các thanh thiếu niên, nhất là các trẻ em nghèo. Hội dòng phát triển ngày một nhanh. Phương pháp giáo dục ngày một thành công. Về sau cha phải mở thêm nhiều trường cho cả thanh thiếu niên thuộc những gia đình giàu có. Dầu vậy, cha luôn phải đương đầu với những ghen tương, đố kỵ của loài người, và các thử thách do Thánh Ý Chúa an bài gửi đến. Đứng trước đau khổ, tâm hồn ngài luôn tươi vui bình tĩnh. Vui vẻ, cởi mở và bình dân là những đức tính nổi bật nơi ngài.

Sau khi hội dòng "*Sư Huynh*" thành hình, cha Gioan Lasan muốn có cơ hội hòa mình trong cuộc sống cộng đồng dòng, ngài liền xin từ chức "*kinh sĩ*" nhà thờ chính tòa, trở về sống giữa các sư huynh. Cuộc sống gương mẫu, hoàn toàn phó thác, tin cậy nơi Đấng Quan phòng của cha Gioan Lasan đã nhiều lần làm nên phép lạ. Một lần, hội dòng phải di chuyển từ Ba Lê tới một thành phố khác. Đã tới ngày phải trả lương cho những người giúp di chuyển đồ đạc, thế mà trong túi sư huynh quản lý không còn một đồng! Sư huynh liền chạy đến cha Gioan kể lể sự tình, đồng thời xin ngài cứu nguy tình thế! Cha Gioan trả lời:

- Ô cha cũng chẳng còn một xu nào!
- Vậy phải làm sao, thưa cha?
- Con đừng lo! Hãy cầu nguyện và phó mặc nơi Chúa!

Ngày hôm sau, người ta kéo nhau tới đòi tiền lương! Sư huynh quản lý vô cùng lúng túng, vội chạy đến cha Gioan. Ngài chỉ nở nụ cười tươi và bảo sư huynh hãy tin tưởng nơi Chúa!

Trở về nơi làm việc, sư huynh quản lý đáng điệu bản khoán, tay chân thừa thãi, mân mê ngăn kéo chiếc bàn làm việc cũ kỹ, mà ngày hôm trước sư

huynh đã kéo ra đóng vào hàng trăm lần, để xem còn sót đồng xu nào không! Lạ thay, lần này sư huynh ngỡ ngành bắt gặp số tiền vừa đủ để trả lương thợ, không hơn không kém một xu! Sư huynh hốt hả chạy đến cha Gioan:

– Đây thật là một phép lạ!

– Chúng ta hãy tạ ơn Chúa, cha Gioan trả lời, Ngài không bao giờ bỏ rơi những kẻ tin cậy nơi Ngài!

Cuộc đời cha Gioan Lasan còn nêu cao tấm gương khiêm nhường và hãm mình. Một ngày đẹp trời nọ, cha đang thong thả bên vườn, đồng thời để mắt trông chừng con ngựa của hội dòng đang gặm cỏ gần đó. Nhưng dần dà, ngài ngây ngất thả hồn trong Chúa qua nguyện cầu. Con ngựa thừa cơ lấn lá sang đồng cỏ người hàng xóm lúc nào không hay! Lập tức, ông hàng xóm hăn học xông đến trước mặt cha Gioan:

– Cha tưởng đồng cỏ nào cũng trông cho ngựa của cha ăn sao!

Và trong cơn bực tức, ông hàng xóm giơ tay vả cha Gioan một cái nên thân! Trong khi đó, cha Gioan đáng vẻ điềm tĩnh hiền hòa, ngài khiêm nhường quỳ gối trước mặt ông hàng xóm, xin ông tha lỗi! Trước cảnh đó, người hàng xóm ngùi giận, và vô cùng hổ thẹn về hành động nóng nảy xác xược của mình.

Hôm khác, sư huynh "*đầu bếp*" nổi hứng ra vườn hái về một số rau lạ, để nấu canh cho bữa ăn trưa. Nhưng canh gì mà mùi vị đáng đót kinh khủng! Các sư huynh chỉ húp một muỗng là phải vội vàng bỏ ngay xuống! Họ thà nhịn đói còn hơn ăn thứ canh gở lạ đó!

Nhưng còn cha Gioan thì sao? Ngài bình thản ăn trọn bát canh, không một mảy may khó chịu, không một thái độ nhăn nhó. Ngài ăn ngon lành như ăn một món cao lương mỹ vị nhất! Trước tấm gương hãm mình đó, các sư huynh vô cùng cảm phục, không ai bảo ai, mọi người lặng lẽ ăn hết bát canh theo gương đáng sáng lập Dòng!

Trong năm cuối đời, cha Gioan Lasan đặt người thay thế, rồi sống những ngày còn lại trong mai danh ẩn tích. Ngày thứ Sáu Tuần Thánh mùng 7 tháng 4 năm 1719, ngài lìa bỏ đời này sau một cơn đau liệt giường, hưởng thọ 68 tuổi.

Cha Gioan Lasan được phong thánh ngày 24 tháng 5 năm 1900. Dòng "*Sư Huynh*" do Ngài sáng lập ngày nay đã lan tràn hầu khắp các nước trên thế giới. Hàng năm Giáo Hội mừng kính Ngài vào ngày mùng 7 tháng 4.

## **Nụ Cười Của Chúa: Thánh Catarin Thành Siên-na (29/4)**

Bé Catarin 6 tuổi hoạt bát và tinh khôn. Là nguồn vui của gia đình ông Giacóp cả thầy 25 người, bé được cưng chiều đặc biệt. Mở mắt chào đời tại thành Siên-na nước Ý sau 22 anh chị của bé, Catarin dần lớn lên giữa cảnh bận rộn làm ăn của gia đình. Trong số đó có chị Bonaven hiện ở gần nhà là được Catarin quý mến hơn cả, vì Bonaven thương bé thật nhiều.

Chiều nay, Catarin và Têphan, cậu anh lớn hơn bé một tuổi, được mẹ cho phép sang nhà chị Bonaven chơi. Thời gian trôi thật mau! Hồi chuông đan viện nhắc cho bé và Têphan phải trở về nhà theo lời mẹ dặn. Trên đường về, hai anh em hề nhau chạy đua. Nhưng sức mấy Catarin địch lại Têphan! Chẳng mấy chốc Têphan đã vượt xa Catarin.

Từ lưng chừng đồi nhìn ngang qua thung lũng, Catarin vô cùng ngạc nhiên khi chứng kiến một quang cảnh thần tiên đang diễn ra trên bầu trời: Chúa Kitô ngự trên ngai vàng đang âu yếm nhìn bé, bên cạnh Ngài có Thánh Phêrô, Thánh Phaolô và Thánh Gioan Tông Đồ. Tuyệt diệu hơn nữa, Chúa Kitô mỉm cười với bé, rồi Ngài ban phép lành cho bé ba lần, y như bé đã thấy Đức Giám Mục ban phép lành vậy. Nụ cười và phép lành của Chúa thấu nhập hồn bé, khiến bé vô cùng hạnh phúc. Niềm hạnh phúc lớn lao trào tràn khắp cơ thể nhỏ nhắn, làm bé bất động và quên mọi sự vật chung quanh. . .

Cảm thấy có người đang lay động, bé bàng hoàng trở về thực tại. Bé òa lên khóc! Têphan đang đứng cạnh bé hỏi dồn dập:

– Cái gì mà mày khóc! Mày không biết tao phải vòng lại suốt quãng đường để tìm mày hay sao?

Hai dòng lệ được đà tuôn trào trên hai gò má ửng hồng của Catarin, bé nhỏ nhẹ nói với anh:

– Anh mà được xem quang cảnh em vừa thấy, chắc anh không làm như vậy!

Vừa về tới nhà, Catarin liền vào căn phòng tí hon của bé. Đóng chặt cửa lại, bé ngồi suy nghĩ về quang cảnh tuyệt vời mà bé vừa được chiêm ngắm trên bầu trời. Từ ngày đó, Catarin trở nên nghiêm trang và ít nói. Bé chẳng còn

thích thú với các trò chơi trẻ con, chẳng còn hào hứng chọc ghẹo các anh chị như thuở nào nữa. Nụ cười và phép lành của Chúa Kitô đã biến đổi đời bé. Bé chỉ muốn nghĩ tới mình Ngài thôi.

Sự thay đổi kỳ lạ này đã làm mẹ Catarin bực mình. Bà không sao hiểu nổi con bà! Gắng tạo ra những công việc con con, bà bắt Catarin phải bận rộn để quên đi cái hình ảnh đã in sâu vào tâm trí bé. Nhưng rồi, xong việc là bé lại trốn ngay vào nơi yên tĩnh để suy tư.

Nhiều tháng trôi qua, bé Catarin đã trở nên như một nữ tu đứng tuổi chuyên đời chiêm niệm. Nghe cha giảng về cuộc đời và sự thương khó của Chúa Cứu Thế, bé bắt đầu tự tạo ra những việc hãm mình con con. Nhưng sống giữa cảnh gia đình đông đúc như thế, thật rất là khó lòng để bé làm các việc hãm mình. Gia đình thường bắt gặp bé lấy rất ít đồ ăn, thế là họ bắt ép phải ăn cho no đủ. Các anh chị cảm thấy thật chướng mắt trước cách cư xử khác thường của bé. . . .

Năm Catarin lên 12 tuổi, mẹ của cô thật áy náy về cô. Bà đến nói với Bonaven:

– Màý không làm gì được cho em màý hay sao? Nó luôn nghe lời màý mà! Đây nhá nó chẳng chịu đi liên hoan, không thèm để ý tới bộ tóc óng ả của nó, không thèm trang sức trang điểm gì cả! Thật là bất bình thường đối với một đứa con gái như nó!

Bonaven thưa với mẹ:

– Được rồi. Má để con xem có cách nào không. Nhưng như má thấy đó, tính của Catarin khác hẳn mọi người trong nhà. Con không biết rồi sẽ ra sao?

Để mẹ khỏi trách mắng la rầy, Catarin để cho chị Bonaven săn sóc đến bộ tóc óng ả quyen rũ của mình, đồng thời cũng để cho chị trang điểm đôi chút, cùng theo chị đến dự liên hoan tại giáo xứ. Nhưng chẳng được mấy lần, Catarin cảm thấy ân hận phải nài xin mẹ để mặc Catarin.

Vô cùng bực bội, mẹ Catarin nói với chồng:

– Ông là trưởng gia đình, ông có bổn phận phải bắt Catarin vâng lời ông!

Ông Giacóp chỉ cười, ít khi ông thấy vợ ông bực bội như thế. Nhưng rồi ông cũng gọi Catarin tới và bảo:

– Mày phải nghe lời má mày. Phải ăn mặc, trang điểm như các chị em mày đã làm. Cứ như vậy thì chẳng đũa ma nào nó thêm lấy mày đâu!

Catarin thấy như cả thế giới đang bày mưu hại mình. Cô òa lên khóc, rồi mếu máo thưa với ba:

– Con không muốn lấy chồng! Con không thích lập gia đình đâu!

Vắng đi một thời gian, mọi người trong nhà tạm để Catarin yên thân. Nhưng khi Catarin tròn 16 tuổi, cuộc chiến giữa nàng và mọi người trong nhà sôi sục trở lại. Một hôm nghe rằng ba má đã mời một chàng thanh niên đến dùng bữa, người mà họ định gả Catarin cho. Biết rằng lý luận tay đôi với ba má lúc này là vô ích, nàng rút lui vào một chỗ kín, cầu nguyện lâu giờ xin ơn phù trợ. Cuối cùng nàng chỗi dậy lấy kéo cắt phăng bộ tóc óng ả của mình. Thế rồi, với chiếc khăn trùm đầu, nàng xuất hiện trước bữa ăn.

Thấy con đầu tóc cụt ngắn bum dưới làn khăn, mẹ Catarin nổi cơn lôi đình la mắng. Ngay cả tiếng chuông hồi vang khắp thành Siên-na cũng không át được tiếng chửi mắng của bà. Từ đó, mọi người trong nhà chỉ nhìn hình dạng xấu xí của Catarin bằng nửa con mắt.

Để phạt tội nàng, ba má bắt nàng phải ra khỏi phòng riêng, nơi nàng hằng thích thú cầu nguyện. Từ nay, nàng phải ở chung phòng với Têphan, anh của nàng. Nàng phải làm việc nặng nhọc thay cho những đầy tớ trong nhà. Nàng bị xử đối cách tàn nhẫn. Catarin chấp nhận mọi sự xảy tới cho nàng không một lời than trách. Các anh chị bị ba má cấm không được nói chuyện với nàng. Tuy nhiên, Catarin lại yêu thích bầu khí tĩnh lặng này. Nàng biến tim nàng thành một ngôi nhà nguyện bé nhỏ, nơi đây nàng trò chuyện thân mật với Thiên Chúa. Nàng làm mọi việc cực nhọc trong nhà y như làm những việc đó cho Thánh Gia Nazareth.

Nhiều tháng trôi qua, cha nàng không sao cảm lòng nổi trước cảnh gia đình cư xử tàn nhẫn và phũ phàng trên đũa con gái út của ông. Ông họp cả gia đình lại ra lệnh mọi người phải đối xử tử tế với Catarin trở lại. Nàng được trở về phòng riêng, không phải làm những việc nặng nhọc của bậc đầy tớ nữa.

Catarin không cảm mình nổi trước niềm hạnh phúc tràn ngập đó. Nàng sung sướng trở lại căn phòng nhỏ bé chuyên chăm sóc đời cầu nguyện và hãm mình. Một hôm đang lúc cầu nguyện, bỗng nàng ngất trí, Mẹ Maria yêu thương cầm tay nàng dẫn đến với Chúa Giêsu. Chúa Giêsu âu yếm cầm chiếc nhẫn xỏ vào ngón tay nhỏ bé của nàng. Chiếc nhẫn này vô hình đối với mọi người, nhưng Catarin hiểu rằng nàng đã trở thành bạn Trăm Năm của Chúa Kitô, và nàng phải làm những việc thuộc về Ngài.

Tuy nhiên, Catarin không muốn trở thành nữ tu, nàng chỉ xin gia nhập hội Dòng Ba Đaminh. Hội này chỉ gồm những phụ nữ lớn tuổi hơn nàng, họ sống ở đời, chuyên lo chăm sóc bệnh nhân trong nhà thương. Trải qua nhiều khó khăn, nàng đã được chấp nhận, và được sai tới phục vụ một bệnh nhân phong hủi, mục Tecca, người hiện sống tại một căn nhà bên ngoài cổng bệnh viện.

Với vật dụng và thuốc men trên tay, Catarin vội vã tới căn nhà đã chỉ. Vừa mở cánh cửa toan bước vào trong nhà, nàng bị một luồng khí tanh hôi nồng nặc từ trong nhà xông ra đẩy nàng lùi lại. Nhưng lấy hết can đảm, nàng tiến vào trong nhà ân cần săn sóc bệnh nhân. Mục Tecca đón chào nàng bằng những lời chửi rủa thậm tệ. Nhưng trong thình lặn chịu đựng, Catarin nhẹ nhàng lau lốt và băng bó những vết thương lở loét trên cái thân hình xấu xí của mục. Sau đó nàng quét dọn nhà cửa cho mục. Cứ như thế, ngày này qua ngày khác, Catarin tận tình săn sóc cho mục đàn bà xấu xí. Nhưng đáp lại, nàng đã được mục Tecca trả công bằng những lời nguyện rửa và vu khống! Catarin cảm thấy thật đau lòng. Nhưng cuối cùng, nàng đã thực sự được an ủi khi nghe rằng Tecca đã trở về với Thiên Chúa trước khi mục chết.

Qua công việc chăm sóc bệnh nhân, Catarin đã giúp đỡ đủ mọi hạng người. Đời thánh thiện của nàng chẳng mấy chốc được các vua chúa, hoàng hậu, Giám Mục, Linh Mục biết đến. Hơn nữa nàng đã trở thành người hướng dẫn tinh thần cho nhiều hạng người. Trong khi giao tiếp với các bậc quyền quý, nàng biết rằng Đức Thánh Cha Grêgôri hiện đã rời bỏ Rôma là kinh thành muôn thuở của Giáo Hội Công Giáo sang sống tại A-vi-nhông, nước Pháp. Nàng cũng biết rằng điều đó đã làm Chúa không hài lòng. Bây giờ Catarin mới chẵn 20 tuổi, nhưng nàng hiểu Chúa muốn dùng nàng để thực hiện ý muốn của Ngài. Nàng bắt đầu viết rất nhiều thư tới bất cứ người nào nàng nghĩ có thể giúp nàng một tay. Cuối cùng nàng tự tay viết thư gửi tới Đức Thánh Cha Grêgôri nài xin Ngài thực hiện ý muốn của Chúa. Nhiều phép lạ

Chúa đã làm qua cuộc sống của Catarina để chứng tỏ cho người ta biết Thánh Ý Ngài.

Nhưng một số người không thèm nghe lời nàng. Họ còn xia xói và bày mưu nhục mạ nàng. Nhất là những người Pháp, họ làm tất cả những gì có thể ngăn chặn hoặc phá thối công việc của nàng. Tuy nhiên, không một chút sợ hãi, Catarina đích thân sang Pháp gặp Đức Thánh Cha và thưa chuyện với Ngài. Cuối cùng, nàng đã thành công. Đức Thánh Cha đồng ý trở về Rôma.

Catarina tạ thế năm 1380 khi nàng mới tròn 33 tuổi. Chúa đã làm nhiều phép lạ nhờ lời bầu cử của nàng. Không đầy 50 năm sau khi tạ thế, nàng đã được Giáo Hội tôn vinh trên đài Hiển Thánh. Năm 1970, Đức Thánh Cha Phaolô Đệ Lục đã tuyên phong Thánh Catarina thành Siê-na làm Nữ tiến Sĩ Hội Thánh. Hàng năm Giáo Hội mừng kính ngài vào ngày 29 tháng 4.

### **Thánh Catarina – bí quyết tuân phục**

Ngày 29 tháng Tư là lễ Thánh Catarina Siena (1347–1380), người Ý), Tiến sĩ Giáo Hội. Bà là nhà thần bí, và là người suốt đời cổ vũ việc tuyệt đối vâng lời Thiên Chúa. Bà sống từ hơn 600 năm trước, nhưng linh đạo của bà thâm thúy và đã trở nên di sản của Giáo Hội. Đặc biệt là mối quan hệ của bà với Chúa Cha thông qua việc bà tin vào Đức Kitô chịu đóng đinh, mối quan hệ này giúp chúng ta tái đánh giá thái độ của mình đối với Tình Phụ Tử của Thiên Chúa, sự vâng lời của Đức Kitô và chịu đau khổ vì Chúa.

Trong cuốn “The Dialogues” (Đối Thoại), Thánh chia sẻ với chúng ta về các cuộc đối thoại của bà với Thiên Chúa. Bà đọc cho người khác viết trong khi bà xuất thần, sau đó chính bà chỉnh lại. Đó là cuộc đối thoại dịu dàng nhưng mạnh mẽ mà Chúa Cha trả lời các câu hỏi sâu sắc của bà bằng việc giúp bà thấy viễn cảnh trên thế giới, Giáo Hội và ước muốn của Thiên Chúa đối với nhân loại. Cuối cuốn sách này, Thánh Catarina chia sẻ viễn cảnh của Chúa Cha về bí ẩn của đức vâng lời trong đời sống Kitô hữu.

Cách hiểu thời nay về sự vâng lời, sự đau khổ và tình phụ tử được thử thách qua giáo huấn của bà. Chúng ta được dạy phải tin vào tình phụ tử. Chúng ta mù quáng cho rằng sự vâng lời không còn nữa vì người ta theo chủ nghĩa tự do. Chúng ta có xu hướng nhìn đau khổ là hậu quả của sự vâng lời mà chúng ta phải tránh né bằng mọi giá. Trong các giáo huấn của bà, Chúa



Cha xác nhận sự đối lập trực tiếp.

Theo sự khôn ngoan của Thánh Catarina, như hệ quả của các định kiến, trái tim chúng ta không thể tiếp nhận mã số bí mật để mở Sự Thật mà qua đó chúng ta có thể vào Nước Trời. Không có chìa khóa bí mật này, chúng ta hoàn toàn ngu muội về con tim của chính mình và trái tim của Chúa Cha, kể cả sự vĩ đại mà Ngài tạo cho chúng ta. Không có password (mật mã), sự ích kỷ khiến chúng ta thiếu kiên nhẫn với chính mình, với tha nhân và với cuộc sống. Giáo huấn của Thánh Catarina ít kết án nhưng khuyến khích.

Qua cuốn “The Dialogues”, đặc biệt phần nói về đức vâng lời, nữ tử của Thánh Đaminh đã khám phá cách Chúa Cha không muốn chúng ta mắc bẫy phần nô vì thiếu kiên nhẫn, nhưng Ngài muốn chúng ta tự nguyện yêu thương. Ngài biết sự tự nguyện yêu thương của chúng ta chỉ có thể tìm thấy ở nơi Ngài, và Ngài rất muốn chúng ta tìm ra cách đó. Nếu tình yêu Chúa là ngôi nhà thật của chúng ta, sự tự nguyện yêu thương vì Nước Trời đòi hỏi chúng ta bước qua “cửa sự thật”, và đó là cách duy nhất để mở cửa này là chìa khóa bí ẩn: Đức vâng lời. Thánh Catarina giúp chúng ta nhận biết Chúa Cha là Đấng yêu thương chúng ta mà Ngài sai Con Một Ngài nhập thể làm người, chịu khổ nạn và chịu chết để chúng ta có được chiếc chìa khóa vâng lời đó.

Đối với Thánh Catarina, đức vâng lời Kitô giáo là một thách đố lớn nhưng đẹp lắm, bắt nguồn từ sự thật mà Chúa Cha đã mặc khải qua Đức Kitô. Chúa Cha không làm ngơ trước đau khổ của chúng ta, và Ngài không loại bỏ đau khổ hoặc đẩy lui đau khổ mà chúng ta phải chịu. Theo sự khôn ngoan của Thánh Catarina, Thiên Chúa hoàn toàn biết rõ mỗi chúng ta và biết sự thật về mỗi chúng ta. Ngài biết sự đau khổ mà chúng ta phải đối mặt và hy vọng chúng ta quay về với Ngài, dù chúng ta hèn hạ và làm khổ nhau bằng nhiều cách không thể chấp nhận được.

Chúa Cha quan tâm chúng ta nên đã sai Ngôi Lời nhập thể làm người để trao cho chúng ta chiếc chìa khóa vâng lời, chìa khóa này mở được sự thật, và sự thật đưa chúng ta tới sự sống viên mãn mà Ngài muốn chúng ta nhận biết. Nhờ Chúa Giêsu chết trên Thập Giá, chúng ta mới có thể nhận biết sự thật về đức vâng lời. Thánh Catarina mời gọi chúng ta sống khiêm nhường, yêu thương và tin tưởng.

Chúa Cha muốn chúng ta vâng lời Con Ngài. Điều này đòi hỏi chúng ta phải vâng lời nhau vì Đức Kitô. Đây là sự thật về đức vâng lời trong đời sống tôn giáo, đời sống hôn nhân và gia đình. Khi chúng ta đáp lại nhau bằng sự thiếu kiên nhẫn vì không muốn nên giống Chúa Giêsu, đó là chúng ta thiếu lòng tin vào Thiên Chúa. Có điều khác biệt giữa sự thiếu kiên nhẫn và đức vâng lời Kitô giáo. Nếu thi thoảng chịu đau khổ, sự vâng lời Đức Kitô luôn luôn mở rộng ra đối với tình bằng hữu và sự đoàn kết cứu độ theo những cách kỳ lạ.

Vâng lời là điều bí ẩn của lòng hiếu khách. Dạng lưu tâm này tạo sự khác biệt giữa nơi chúng ta ở với nhau, vì mục đích yêu thương, tìm cách chấp nhận kế hoạch của nhau với ước muốn của nhau và sự thật mà họ sống có thể được nhận biết. Khi lắng nghe và nhận ra nhu cầu của nhau, đức vâng lời Kitô giáo có nghĩa là chúng ta muốn đáp lại cách trọn vẹn theo cách tự nguyện kết hiệp với những gì Đức Kitô đòi hỏi chúng ta – cả điều được nói ra và không được nói ra, kể cả những điều không hiểu được, thậm chí cả những điều khó khăn chỉ có thể chấp nhận bằng sự khiêm nhường và niềm tin vào Đức Kitô.

Khi chúng ta vâng lời nhau như Chúa muốn, Thánh Catarina mời gọi chúng ta rút ra điều bí ẩn chảy ra từ Đức Kitô. Nếu Ngài tha thiết vâng lời Chúa Cha, nguồn mạch vâng lời này là tình yêu của Chúa Con muốn tôn kính Chúa Cha, và Ngài ước muốn cứu độ chúng ta. Ngài biết sự thiện hảo và tình yêu của Chúa Cha. Ngài biết Chúa Cha muốn sự thiện hảo này phải được mặc khải cho nhân loại. Khi Ngài tiếp nhận Trái Tim của Chúa Cha, sự thật mà Chúa Giêsu chiêm ngưỡng đã phản chiếu từ độ sâu của nhân tính nơi Ngài, khiến Ngài tự hiến vì lòng khiêm nhường và yêu thương, bằng mọi giá. Nếu chúng ta bước theo Thầy–Giêsu–chịu–đóng–đinh, chúng ta cũng phải yêu thương không mệt mỏi khi vâng lời và cho phép tình yêu này biến đổi trái tim của chúng ta.

Vì bản chất của chúng ta trái ngược với điều đó, loại vâng lời này không thể đạt được chỉ nhờ nỗ lực, cũng không phải muốn là được. Đó không là vấn đề chỉ thay đổi động thái, mà là thực tế của con tim. Chúng ta không biết lòng mình và khó kiểm chế những thứ trong đó. Vậy làm sao vâng lời theo tinh thần Kitô giáo?

Đối với Thánh Catarina, chính Máu Chúa Giêsu cho phép chúng ta sống theo tình yêu tương tự, sự vâng lời của tình yêu nhạy bén với việc chịu đau khổ vì sáng danh Chúa và để cứu các linh hồn. Máu Chiên Thiên Chúa là lương thực

của sự chiêm ngưỡng – sự chiêm ngưỡng của trái tim cho thấy lòng hiếu khách đối với Thánh Tâm Chúa Giêsu. Nhờ suy niệm về Máu Thánh Ngài, công cuộc cứu độ của Ngài, chúng ta phát hiện sự thật về Chúa Cha qua Chúa Giêsu, sự thật về đức vâng lời và sự thật về tình yêu mà đức vâng lời Kitô giáo “mở mắt” cho chúng ta. Nhận biết sự thật là cửa ngõ bước vào sự sống viên mãn, niềm vui quá lớn mà chúng ta có được. Say mê Máu Thánh Đức Kitô và chịu đau khổ vì sự thật về Chúa Cha, chúng ta sẽ biết ơn về những gì Chúa Giêsu đã làm vì chúng ta, và chúng ta sẽ khả dĩ hiểu sự bí ẩn của đức vâng lời. Đó là chìa khóa mà Chúa Giêsu trao cho chúng ta.

## **Bác Canh Điền: Thánh Isidôro (15/5)**

Bác được xếp vào loại bần cố nông, làm thuê cho một đại điền chủ ở Madrid nước Tây Ban Nha. Cây ruộng là nghề sở trường của bác. Bác có vợ và một đứa con trai. Con bác chết sớm. Vợ bác tên là Maria, sau đã được Giáo Hội phong thánh. Bác cũng làm thánh, một vị thánh được dân Tây Ban Nha tôn kính như Đấng Bảo Trợ quê hương. Tại Hoa Kỳ, đặc biệt các nông gia Công Giáo, người ta mừng kính bác vào ngày 15 tháng 5 hàng năm. Tên bác là Isidoro.

Mở mắt chào đời tại Madrid, ngày nay là thủ đô Tây Ban Nha, cuộc đời thơ ấu của bác thợ cày tương lai đặt dưới sự chăm sóc của đôi cha mẹ nghèo hèn nhưng chăm chỉ và đạo hạnh. Họ sớm dậy cho con biết cầu nguyện. Niềm hãnh diện của họ là thấy con không ngày nào bỏ đọc kinh tối sáng. Lớn hơn chút nữa, Isidôro đi dự lễ hằng ngày với lòng cung kính sâu xa. Từ thửa ngây thơ, bé đã làm quen với công việc đồng áng.

Isidôro thực sự trở thành bác canh điền khi bước vào đời trưởng thành, đến làm thuê cho một đại điền chủ. Ông chủ sai bác đi cày ruộng và trông nom nông trại của ông. Mặc dù công việc nặng nhọc, đầu tắt mặt tối từ sáng đến chiều, nhưng bác luôn tỏ ra vui tươi, yêu đời, và làm việc trong thích thú. Bác nhìn nhận, đây chính là ơn gọi Chúa dành cho đời bác.

Tuy công việc rất vất vả, thời giờ eo hẹp, nhưng sáng nào bác canh điền cũng đi dự lễ trước khi ra đồng làm việc. Cuộc sống "*khác người*" của bác làm chướng mắt bọn canh điền cùng làm việc với bác. Thực ra, đã nhiều lần bác từ chối không về nhà với bọn họ để làm những điều mất lòng Chúa. Bọn canh điền để lòng ghen ghét và bày mưu tổ cáo với chủ về việc bác đi lễ nên đã chẽ lãi công việc. Một hôm chủ đích thân ra đồng xem xét công việc. Quả thật, bác canh điền bắt đầu làm việc muộn hơn những người khác, nhưng ông chủ thật ngỡ khi thấy ngoài cặp bò của bác, còn có thêm hai người trẻ lạ mặt khác với hai cặp bò đi sau bác! Ông chủ tự nghĩ:

– Hay là hẳn thuê người cày giúp để bù vào thời giờ thiếu hụt hẳn đã bỏ đi dự lễ!

Lạ lùng hơn nữa là khi ông chủ tiến gần bác canh điền, đột nhiên những cặp

bò và hai người thợ lạ biến mất. thối mả về sự kiện vừa xảy ra, ông chủ đợc bác canh điền cho biết:

– Tôi không thuê ai làm giúp cả! Tôi cũng chẳng nhìn thấy ai quanh tôi. Chỉ có điều là hằng ngày tôi vẫn xin Chúa giúp đỡ và chúc lành cho công việc tôi làm. Tôi cũng phó dâng chính mình và công việc cho Thiên thần bản mệnh tôi nữa.

Từ sự kiện này, ông chủ nhận biết rằng Isidôrô rất đẹp lòng Chúa, và bác thợ của ông đã không trễ công việc do Thánh Lễ mỗi sáng bác tham dự, vì các thiên thần đã đợc lệnh giúp bác làm việc. Thực ra, việc canh tác của Isidôrô bao giờ cũng kết quả hơn những người khác.

Một hôm, bác đang chăm chú dự lễ, một cậu bé hớt hả đến báo tin cho bác:

– Bác phải về ngay, chó sói đang cắn bò của bác!

Bác bình tĩnh trả lời:

– Cháu hãy về bình an! Thánh ý Chúa sẽ đợc thực hiện!

Lạ thay, sau Thánh Lễ trở về, bác thấy chó sói nằm chết ngay đơ bên cạnh mấy con bò không bị hề hấn gì!

Trong nhiều trường hợp tương tự, Isidôrô cảm nghiệm rõ ràng sự hộ vực của trời cao. Do đó bác đã phó mình vào sự quan phòng của Chúa và tiếp tục chuyên chăm sống đời cầu nguyện. Trong khi làm việc, bác thường nâng hồn lên với Chúa, và năng than thở những lời nguyện tắt có sức tăng bội lòng mến. Những lời chửi thề, những câu tục tằn, những tiếng bóng gió xấu xa thường thấy phát xuất nơi cửa miệng bọn canh điền, nhưng không hề bao giờ lướt qua cặp môi bác! Người ta cũng không thấy bác có mặt nơi tửu quán, sòng bạc hay vũ trường. Bác ghét cay ghét đắng những cuộc truyện trò và những bài hát tình tứ, thiếu trong sạch. Có mặt bác ở đâu là những thứ đó không đợc phép xảy ra!

Về sau, do sự thuyết phục của người điền chủ, Isidôrô đã kết duyên với Maria de la Cabeza, một thiếu nữ ngoan ngùy đạo hạnh. Hai vợ chồng đũa nhau tiến đức. Họ sống hạnh phúc với chúc lành của Chúa. Một bé trai chào đời đem

thêm niềm vui cho họ. Nhưng chẳng may, bé chết khi còn nhỏ tuổi. Sau đó, Isidôro được sự đồng ý của vợ, đã sống trong tu thân khắc kỷ và tự chế.

Hai vợ chồng bác còn nổi bật về lòng thương xót kẻ nghèo đói. Chúa đã làm nhiều phép lạ để hỗ trợ lòng tốt của họ. Một ngày thứ bảy nọ, sau khi đã phân phát tất cả những gì họ có cho người nghèo, một người ăn mày đến muôn cũng chìa tay xin của bố thí. Biết chắc rằng đồ ăn đã hết và thùng gạo đã trống rỗng, nhưng bác bảo vợ:

– Mình đi xem, coi còn có gì để cho người nghèo này không!

Maria, vợ bác đi xem và vô cùng ngạc nhiên khi thấy thùng gạo tự nhiên đầy ắp từ bao giờ. Lần khác bác phân phát lúa gạo cho người nghèo, người ta thật ngỡ ngàng khi thấy lúa gạo nơi lòng bàn tay bác không hề vơi cạn!

Những ngày cuối đời bác canh điền trôi qua trong chay tịnh và nguyện cầu. Bác kiệt sức và lâm bệnh. Chúa tỏ ra cho bác biết ngày chết đã gần. Bác dọn mình thật sốt sắng. Bác hoan hỉ đón nhận Minh Thánh Chúa như của ăn đàng. Mọi người chứng kiến cảm động đến rơi lệ. Thế rồi, từ từ, bác êm đềm bước vào cõi đời đời, bác mãi mãi được kết hợp với Đấng lòng bác hằng yêu mến.

Sinh trưởng và chết Tại Madrid, Isidôro mở mắt nhìn đời năm 1070, để rồi nhắm lại già từ cuộc sống tạm bợ, tiến về quê hương vĩnh cửu ngày 15 tháng 5 năm 1130. Trải qua 60 cái xuân trên dương thế, bác canh điền đã lưu lại cho hậu thế tấm gương kiên trung phụng thờ Thiên Chúa. Cuộc sống của bác là một chứng minh hùng hồn "*mọi người đều có thể nên thánh*". Dù họ là một vị Giáo Hoàng cao sang, hay một tín hữu khiêm hèn. Dù họ là một ông vua tung hoành đất nước, hay chỉ là một tu sĩ giam đời mình nơi đan viện. Dù họ là một giáo sĩ ngang dọc nơi cánh đồng truyền giáo, hay chỉ là một bác canh điền ti tiện nơi vùng thôn quê. "*Các con hãy nên trọn lành như cha các con trên trời là Đấng trọn lành*" (Mt. 5:48). "*Ông nọ bà kia làm thánh được, sao tôi không làm được!*" (Augustinô).

## **Dau Khổ Nhưng Đừng Chết: Thánh Mai Đệ Liên (25/5)**

Catarina là con gái duy nhất của gia đình Pazzi giàu sang quý phái, sinh ngày 2 tháng 4 năm 1566 tại thành Florence nước Ý. Từ tấm bé, Catarina đã chiếu sáng nhân đức Kitô Giáo. Bé Catarina rất thích đi nhà thờ và nghe truyện các thánh. Trước khi biết đọc, bé yêu thích cầu nguyện lâu giờ. Khi được bảy tuổi, Catarina đã hãm mình nhiều cách: bé không ăn trái cây ngon, chỉ ăn mỗi ngày hai bữa trưa và tối; bé không bao giờ tới các rạp hát; bé say mê đọc sách thiêng liêng, nhất là các sách nói về cuộc đời và sự đau khổ của Chúa Cứu Thế. Nhờ đó, tình yêu Chúa Kitô đã ăn rễ sâu trong tâm hồn bé.

Năm lên tám và chín tuổi, Catarina rất ước ao được rước Chúa Giêsu Thánh Thể, bé thềm thường nhìn ngắm người ta lãnh nhận bánh các thiên thần. Bé được phép rước lễ lần đầu lúc mười tuổi. Đó là ngày hạnh phúc nhất đời bé. Bé dâng hiến toàn thân cho Chúa bằng cách khấn giữ đức Khiết Trinh.

Năm mười hai tuổi, Catarina gia tăng các việc hãm mình: cô mặc áo nhặm, nằm ngủ trên sàn, đội vòng gai trên đầu đang khi ngủ. Cô làm mọi cách để nên giống Chúa Kitô. Năm mười bốn tuổi, nàng được gửi học tại Ký Túc Xá do các nữ tu chăm nom. Tại đây, nàng thấy yêu mến đời tu trì. Nhưng một năm sau, cha nàng đem nàng về nhà với dự tính tìm cho nàng người bạn trăm năm giàu có và thế giá. Nàng thưa lại với cha mẹ là nàng đã khấn giữ mình Dòng Trinh. Họ ngỡ ngàng trước sự kiện đó, và đành nhượng bộ để nàng vào dòng kín. Chỉ mười lăm ngày sau, cha mẹ nàng lại đến bắt nàng về nhà, hy vọng rằng nàng sẽ đổi ý. Sau ba tháng thử thách đủ mọi cách, nhưng ý muốn sống đời tu trì của nàng vẫn không lay chuyển. Cuối cùng cha mẹ nàng phải đầu hàng, để nàng tự do đi tu như lòng mong ước.

Catarina thực sự trở thành chị dòng Kín năm mười bảy tuổi và được đổi tên là Mai Đệ Liên. Trong năm Tập, Mai Đệ Liên bị bệnh nặng, đến nổi bề trên phải cho chị tuyên khấn trước thời hạn. Tình yêu Chúa thiêu đốt tâm hồn chị khiến sức nóng tràn ra ngoài thân xác. Nhiều lần chị phải thấm nước lạnh vào ngực và tay chân để giảm bớt sức nóng. Chị thường ôm Thánh giá và kêu lên:

– Ôi Tình Yêu! Hỡi Tình Yêu! Con sẽ yêu Chúa không ngừng!

Chị muốn thét lên cho mọi người thế gian nghe thấy:

– Hãy yêu Chúa! Hãy yêu Chúa!

Không gì khiến chị đau lòng bằng khi nghe nói người ta xúc phạm đến Chúa. Hằng ngày chị dâng lời nguyện và việc hãm mình cho người ngoại đạo và các tội nhân được trở về cùng Chúa. Chị tha thiết với phần rỗi các linh hồn đến nỗi một hôm chị nói:

– Nếu Chúa có hỏi tôi muốn phần thưởng gì do chút việc lành tôi đã làm, tôi sẽ thưa Chúa: Con chẳng muốn chi ngoại trừ phần rỗi các linh hồn.

Chúa thanh luyện và thử thách tứ nữ của Ngài bằng cách để cho Mai Đệ Liên bị cám dỗ suốt 5 năm dài. Ngày đêm chị phải chiến đấu với những tư tưởng dâm ô và phạm thượng. Chị thường ôm ghi ảnh tượng Chúa và Đức Mẹ vào lòng và nài xin ơn giúp đỡ. Trong ba năm cuối đời, chị mang nhiều thứ bệnh tật đau đớn tột cùng, đến nỗi răng của chị rụng hết cái này đến cái khác. Thêm vào đó, cơn sốt như thiêu đốt và chứng nhức đầu ngày đêm hành hạ thân xác chị. Chúa rút các ơn yên ủi khỏi hồn chị. Giường là bàn thờ, trên đó chị hiến tế Thiên Chúa. Chị không thể ra khỏi giường ngoại trừ khi dâng lễ và lúc rước Chúa. Chúa Giêsu Thánh Thể là thần lương tăng sức mạnh để chị chịu đựng khổ đau, nhưng người ta lại muốn chị ít rước lễ. Chị nói với họ nếu không năng rước lễ chị không thể chịu nổi đau khổ. Do đó, từ ngày không thể ra khỏi giường, chị được phép rước lễ hằng ngày.

Lòng kiên nhẫn của Mai Đệ Liên không bút nào tả xiết. Chị thường nói:

– Đau khổ, nhưng đừng chết!

Chị ao ước chịu đau khổ bao lâu có thể vì yêu Chúa Kitô. Một hôm, để yên ủi chị, cha giải tội nói đau khổ của chị một ngày kia sẽ chấm dứt, chị liền kêu lên:

– Không! Thưa cha, con không muốn sự yên ủi đó, nhưng hy vọng được chịu khổ đau tới lúc chết.

Lần khác chị nói:

– Con ước ao được chết trên thánh giá như Chúa Cứu Thế.



Sau ba năm đau đớn từng giây phút, vị y sĩ tuyên bố giờ chết của chị đã gần. Mai Đệ Liên xin được chịu các bí tích sau hết. Chị khiêm nhường xin các chị em tha thứ mọi lỗi lầm. Mười hai ngày sau, chị êm đềm thở hơi cuối cùng vào khoảng 3 giờ chiều ngày thứ Sáu năm 1607.

Ngay sau khi qua đời, Chúa đã chứng nhận cuộc đời thánh thiện của chị nữ tu Mai Đệ Liên dòng tộc Pazzi bằng nhiều phép lạ. Xác chị được biến đổi lạ lùng sau khi chết. Mặc dầu chị đã hành hạ xác thịt và chịu đựng bệnh tật lâu ngày, nhưng xác chị bỗng nhiên trở nên đẹp đẽ lạ thường và tỏa ra hương thơm ngào ngạt, khiến mọi người chiêm ngắm phải dâng lời ca tụng Thiên Chúa. Năm 1663, tức 56 năm sau khi qua đời, chính quyền ra lệnh khám nghiệm xác Mai Đệ Liên: xác chị không hề bị hư hại và vẫn tỏa hương thơm như khi mới qua đời. Ngày 28 tháng 4 năm 1669, Đức Lêo IX đã tuyên phong chị nữ tu 41 tuổi này lên bậc hiển thánh. Hằng năm Giáo hội mừng kính thánh nữ vào ngày 25 tháng 5.

## **Kẻ Ngã Ngựa: Thánh Nôbertô (6/6)**

Nôbertô là con một gia đình người Đức thuộc giòng tộc quyền quý sang trọng. Nhờ trí thông minh và sự chăm chỉ sẵn có, chàng sớm thành công trên đường học vấn và được tuyển vào làm việc tại triều đình hoàng đế Henry thứ Năm. Sống trong giàu sang và danh vọng, lại bao vây bởi mọi thứ tiêu khiển tại triều đình, tâm hồn chàng gắn liền với những thú vui trần thế, ngày đêm chỉ mừng tượng lo tưởng đến chức quyền, đến những buổi liên dạ tiệc, thỏa thích mọi giác quan xác thịt.

Nhưng tình thương Thiên Chúa vẫn theo đuổi chàng, Vào một ngày đẹp trời, Nôbertô cùng với đầy tớ đang phóng ngựa về khu làng Freden. Thình lình, bầu trời kéo mây đen, sấm sét nổ vang trời, xé làn mây, rồi giáng xuống ngay khi chân ngựa đang phóng như bay. Con ngựa chồm lên, hất tung Nôbertô xuống đất nằm ngay đơ như chết. Sau gần một giờ bất tỉnh, nhờ sự giúp đỡ của đầy tớ, chàng chỗi dậy quỵ xuống kêu lên như Phaolô xưa:

– Lạy Chúa, Chúa muốn con làm gì?

Bỗng từ trời có tiếng phán:

– Hãy tránh tội và hãy làm lành.

Lập tức Nôbertô quyết định sửa đổi cuộc đời vâng lệnh trời cao. Chàng đến tu viện thánh Siegebert khởi sự đời thống hối. Chàng xưng tội chung với muôn vàn hối hận ăn năn.

Ít năm sau Nôbertô được thụ phong Linh mục. Trước khi dâng lễ mở tay, Cha dọn mình suốt 40 ngày bằng sự cầu nguyện, ăn chay nghiêm ngặt và các việc hãm mình khác. Trước lễ, Cha còn giảng một bài hùng hồn về sự giả trá thế gian khiến mọi người hiện diện đều cảm động. Ba năm sau đó Nôbertô còn kéo dài việc hãm mình đền tội. Ngài phân phát mọi của cải tiền bạc cho người nghèo, rồi đến yết kiến Đức Giáo Hoàng Gelasius II xin được đi rao giảng sự thống hối. Ngài thi hành sứ vụ tông đồ như Gioan Tiền Hô xưa. Chân không giày dép, ngài rảo bước từ nơi này đến nơi khác, mặc dầu giữa mùa đông lạnh giá. Mặc áo da cừ, ngài thắt lưng bằng một giây thùng thô sợi. Ngài ăn rất ít và chỉ ăn những thức ăn thật đơn sơ. Cuộc sống ngài rất ăn

nhip với các lời ngài giảng. Ngài đã cải hóa rất nhiều tội nhân và những người cứng lòng lâu năm sống trong lạc giáo.

Đức Giám Mục thành Lyon tại Pháp cảm phục lời giảng của cha Nôbertô nên yêu cầu cha ở lại địa phận của ngài. Đức Giám Mục cho phép cha chọn bất cứ nơi nào vừa ý để Cha và các môn đệ của Cha làm địa sở. Cha Nôbertô chọn thung lũng Premontre hoang vắng, nơi đó có một nguyện đường gần đổ nát. Đức Cha ban phương tiện trùng tu lại nguyện đường và xây một đan viện nhỏ bên cạnh. Tại đây Cha Nôbertô khởi sự lập dòng với 13 môn đệ tình nguyện sống dưới sự hướng dẫn của ngài. Dòng chuyên lo việc truyền bá Đức Tin, và có tên là Dòng Premontratsian, tức là tên với thung lũng nơi Nhà Dòng tọa lạc. Qua một thị kiến, Cha Nôbertô nhận luật dòng và tu phục do thánh Augustinô. Ít năm sau đó, các chí nguyện sinh xin ngày một đông, đến nỗi Cha Nôbertô phải chia thành 8 đan viện ở 8 nơi khác nhau.

Dân các nơi cũng cử người đến xin Cha Nôbertô lập đan viện tại địa phương của họ. Trong số là thành Antwerp, tại đây Tanchelin đang truyền bá thuyết sai lạc của hắn. Giáo thuyết này không tin Chúa Kitô hiện diện thực sự trong bí tích Thánh Thể. Vừa khi đến Antwerp, Cha Nôbertô liền công khai tranh biện với lạc giáo Tanchelin, và chẳng bao lâu ngài đã đưa dân thành trở về với Giáo Hội. Trong các bài giảng, ngài khuyên dân chúng hãy đặc biệt tôn sùng phép Thánh Thể và hãy năng rước lễ.

Đức Tổng Giám Mục địa phận Magdeburg tại Đức qua đời, Cha Nôbertô được chọn làm người kế vị. Người ta kể, khi ngài về thành nhận chức, ngài mặc quần áo rất nghèo hèn, chân lại không đi giày, nên người gác cửa không cho vào. Nhưng có người nhận biết ngài liền kêu lên:

– Đức tân Giám Mục của chúng ta đó!

Người gác cửa rất nổi ngạc nhiên và hồi hận, xin lỗi rồi rút, ngài trả lời:

– Không sao đâu con! Con xử với cha đúng hơn những người đã đưa cha tới đây.

Trong địa vị Giám Mục, Đức Cha Nôbertô vẫn không thay đổi sự hãm mình nghiêm ngặt, cuộc sống nghèo khó và khiêm nhường. Ngài làm việc cực mệt để thay đổi bộ mặt tinh thần của giáo phận. Nhưng cũng từ đó phát sinh

những kẻ ghen ghét thù hằn. Kẻ thù của ngài dự định kế hoạch hạ sát ngài, chúng thuê một người giả vờ đến tòa Giám Mục xin xưng tội với ngài, nhưng trong bụng củ sẵn một dao găm giết người. Đức Cha Nôbertô được Chúa cho thấy rõ ý đồ của kẻ thù, ngài từ tôn hỏi tên giết muốn muốn gì. Thay vì hạ sát ngài, hắn run rẩy quỳ dưới chân Đức Cha thú tội và xin ngài tha thứ . Ngài vui vẻ tha tội cho hắn ngay.

Đức Cha Nôbertô bị bệnh trầm trọng 4 tháng trước khi qua đời. Ngài già từ cõi thế ngày 6 tháng 6 năm 1134 mới được 49 tuổi.

Người ta thường vẽ hình thánh Nôbertô tay phải cầm mặt nhật, tay trái cầm gậy Giám Mục và ngành ôliu. Mặt nhật tượng trưng bí tích Thánh Thể ngài đã hằng say bệnh vực. Gậy Giám Mục ám chỉ quyền bính Chúa đã cất nhắc ngài lên ngoài ý muốn ngài. Ngành ôliu tượng trưng chiến thắng ngài đạt được trên ba thù, đặc biệt ám chỉ sự kiện sau khi ngài qua đời, một số người đạo đức đã nhìn thấy ngài lên trời tay cầm ngành ôliu.

## **Ông Thánh Hay Làm Phép lạ: Thánh Antôn Padua (13/6)**

Người ta thường gọi thánh Antôn Padua là "ông thánh hay làm phép lạ". Ngài là linh mục tiến sĩ Hội Thánh. Có lẽ, bạn đang đọc những dòng này, đã lần nào đó nhận được ơn lạ ngài ban sau khi khẩn cầu với Ngài. Tuy ngay lúc sinh thời Ngài đã làm rất nhiều phép lạ, nhưng Ngài một mực hạ mình khiêm nhu. Chính sự khiêm nhường cộng với lòng mến Chúa yêu Đức Mẹ say mê và thương người tha thiết của Ngài đã làm nên phép lạ.

Mở mắt chào đời vào năm 1195 tại Lisbon, thủ đô Bồ Đào Nha, Ngài được đặt tên là Phênanđô. Thuộc dòng dõi sang trọng và đạo hạnh, Phênanđô được mẹ ân cần dạy dỗ ngay từ tấm bé. Giêsu Maria là những tiếng Phênanđô bập bẹ đầu tiên trong đời. Ngay từ nhỏ, Phênanđô đã khẩn giữ mình đồng trình theo gương Đức Mẹ. Cậu đặc biệt yêu thương những kẻ khó nghèo. Lên 10 tuổi, Phênanđô được mẹ trao phó cho cha bác huấn luyện chữ nghĩa và đường đạo đức.

Một lần Phênanđô đang sốt sắng quỳ cầu nguyện trước Đức Mẹ thì bị ma quỷ nổi cơn ghen lôi đình, hấn nhảy lên vai và bóp cổ cậu cho chết. Cổ họng bị tắc nghẽn không sao kêu tên Giêsu Maria được. Phênanđô liền dùng ngón tay vẽ hình thánh giá trên bạc đá. Ma quỷ vô cùng khiếp sợ, hấn buông cậu ra, vội biến mất. Chúa đã làm phép lạ khiến đá ra mềm, in sâu hình Thánh Giá cậu vẽ vào bạc đá.

Năm 17 tuổi, Phênanđô từ giã thế gian, vào tu dòng thánh Augustinô tại Lisbon. Sau 2 năm, thầy xin đến một tu viện khác, xa nhà quê để dễ bề tu trì. Bề trên sai thầy tới Cônimbriga. Tại đây thầy học hành rất thông giỏi và nổi tiếng nhân đức. Nhưng thầy luôn xưng mình là vô dụng, và chỉ muốn làm những công việc hèn hạ.

Sau khi khẩn dòng, nhiệm vụ của thầy Phênanđô là coi sóc bệnh nhân. Thầy rất yêu thích nhiệm vụ này vì có dịp hãm mình và tỏ lòng yêu thương anh em. Một lần, nhân dịp Lễ Chúa Giáng Sinh, vì ngăn trở giúp bệnh nhân nên thầy không thể dự lễ chung với nhà dòng. Khi nghe chuông báo hiệu dâng Mình Thánh Chúa, thầy liền quỳ gối quay về phía nhà thờ. Bỗng nhiên bức tường ngăn cách giữa nhà thờ và phòng y tế nứt ra, dành chỗ cho thầy chiêm ngắm Mình Thánh Chúa trên bàn thờ.

Năm 25 tuổi, thầy Phênanđô trở thành một linh mục dòng Augustinô. Nhưng cha lại cảm mến gương lành và cuộc sống thánh thiện của thầy dòng Phanxicô lúc đó mới được thành lập, nhất là vô cùng cảm phục gương 6 thầy Phanxicô mới chết vì đạo. Được ơn trên soi dẫn, cha đến xin bề trên chuyển sang dòng Phanxicô. Bề trên chấp thuận sau khi biết rõ Thánh Ý Chúa. Trong dòng Phanxicô, cha Phênanđô được đổi tên là Antôn.

Thời gian đầu tại dòng Phanxicô, người ta chưa biết tiếng nhân đức và sự thông thái cha Antôn, nên cha được trao cho nhiệm vụ rửa bát đĩa và quét nhà. Nhưng không bao lâu, danh tiếng cha được biết đến. Chính cha thánh Phanxicô sai cha đi giảng đạo khắp miền Bắc Ý rồi qua cả nước Pháp.

Thiên Chúa đã dùng cha Antôn làm nhiều phép lạ để xác nhận những chân lý và mầu nhiệm trong đạo Công Giáo.

Một người giàu có, nhưng sống đời hà tiện, tham lam của cải. Sau khi ông chết, cha Antôn trung lời Chúa Kitô đã phán: "của cải người ở đâu, thì lòng người cũng ở đó", đồng thời sai người đi mở két vàng của người quá cố thì thấy một trái tim bằng thịt đang nằm chình ình trong két! Vàng bạc bạn ở đâu, con tim bạn cũng ở nơi đó!

Một lần cha Antôn giảng về mầu nhiệm Chúa Giêsu nực thật trong Thánh Thể. Có người lạc đạo không tin, đến thưa với Ngài:

– Nếu xem thấy phép lạ, tôi mới tin!

Cha Antôn nói với anh:

– Hãy để con lừa của anh nhịn đói 3 ngày, rồi đem nó tới cửa nhà thờ, anh sẽ thấy phép lạ.

Đúng ngày hẹn, người kia đem con lừa đã nhịn đói ba ngày và thúng đồ ăn đến trước cửa nhà thờ, thấy thúng đồ ăn trước mắt, nó vội vàng chạy tới ăn lấy ăn để. Nhưng vừa lúc đó, cha Antôn kiệu Mình Thánh Chúa tới cửa nhà thờ. Lạ lùng thay, con lừa đột nhiên bỏ ăn, đến trước Thánh Thể Chúa: Nó quỳ gối, cúi đầu lạy ba lần. Người lạc đạo đã tin, và sau đó trở lại Công Giáo.

Lần khác, ngài giảng ngoài bãi biển. Nhiều người rời đạo cũng hiện diện,

nhưng họ lấy tay bịt tai không nghe lời giảng. Cha Antôn liền quay ra biển: "loài người không thềm nghe lời giảng. Vậy các người hãy đến đây mà nghe!"

Lập tức, muôn vàn cá lớn cá bé nhô đầu lên khỏi mặt nước để nghe lời Ngài. Cha Antôn nói với chúng:

– Các người hãy cảm tạ Thiên Chúa đã gìn giữ và nuôi dưỡng các người.

Bầy cá gập đầu tỏ dấu nghe lời Ngài. Sau đó cha ra hiệu cho bầy cá giải tán, chúng lần lượt chìm dần trong làn nước biển.

Một hôm, có người đến xưng tội với Ngài, nhưng vì quá xúc động, ông ta không thể nói lên lời. Cha Antôn bảo ông viết các tội vào giấy rồi đưa cho Ngài xem. Sau khi ban ơn Xá Giải, cha Antôn trao lại tờ giấy cho ông. Về tới nhà, ông đem tờ giấy đã viết tội đi đốt, nhưng lạ lùng thay, khi mở ra, chỉ còn là một tờ giấy trắng bóc! Trở lại gặp cha Antôn, ông thưa Ngài đầu đuôi câu truyện, Ngài nói với ông:

– Chúa đã làm phép lạ để chứng nhận quyền tha tội của các vị linh mục.

Ngày khác, ba của cha Antôn tại Lisbon bị cáo Gian về tội giết người. Dù đang ở xa quê hương, Thiên Chúa đã soi lòng cho cha biết giúp đỡ. Bỗng nhiên cha thấy mình có mặt tại Lisbon. Cha xin quan đem xác người chết tới công đường, rồi Ngài truyền cho xác chết sống lại và hỏi:

– Có phải ba tôi đã giết anh không?

Anh ta trả lời "không phải" rồi lại lặn đùng ra chết! Cùng lúc đó, cha Antôn thấy mình đang ở nhà dòng. Ba của Antôn đã được giải oan.

Có lần, cha Antôn vào trọ tại một gia đình. Giữa đêm, chủ nhà thấy phòng cha tự nhiên rực sáng. Ngó vào trong phòng, ông ngỡ thấy cha đang ẵm bế Chúa Hải Nhi, âu yếm hôn kính và thưa truyện với Ngài.

Năm 1231, cha Antôn thấy mình yếu sức, nên xin về thành Padua dọn mình chết. Ngài lià bỏ đời này cách êm ái ngay năm đó, sau khi đã sốt sắng chịu các Phép và hớn hờ hát bài ca ngợi khen Đức Mẹ. Ngài chết khi mới được 36

tuổi. Người ta lũ lượt tới viếng xác ngài ba ngày ba đêm liên tục. Sau đó ngài được an táng trong nhà thờ thành Pađua.

Chúa đã làm vô vàn phép lạ do công nghiệp và lời bầu cử của cha Antôn, nên chỉ một năm sau khi qua đời, Giáo hội đã phong thánh cho ngài. Chính ngày phong thánh cho cha Antôn, chuông các nhà thờ thành Lisbon tự nhiên đồng loạt kêu vang, mặc dù không có ai kéo. Hai mươi ba năm sau, người ta cải mộ Ngài đưa vào nhà thờ mới. Lúc đó, lưỡi Ngài vẫn còn tươi tốt như khi còn sống, chiếc lưỡi Ngài đã dùng để rao giảng lời Chúa và cứu giúp anh em đồng loại. Hằng năm Giáo Hội mừng kính Ngài vào ngày 13 tháng 6.

Chính lòng khiêm nhường, yêu Chúa, mến Đức Mẹ và thương người của cha Antôn đã biến Ngài thành vị đại thánh, một vị thánh hay làm phép lạ.



## **Một Công Tử: Thánh Lu-y (21/6)**

Lu-y Gông-gia-ga sinh trưởng trong một gia đình vương giả thuộc hoàng tộc. Chào đời tại Catiglione nước Ý năm 1568, là con trai đầu lòng, Lu-y có quyền thừa hưởng cái di sản vật chất cũng như tinh thần của cha ông để lại. Thực ra, đức tính của hiền mẫu đã ảnh hưởng trên Lu-y nhiều hơn là sự hùng dũng, tính nóng nảy và say mê binh nghiệp của thân phụ, vì ba Lu-y là vị chỉ huy quân đội. Trong khi đó, má của Lu-y lại thích sống trầm lặng, say yêu đời cầu nguyện; những sự vui chơi thế gian không nghĩa lý gì đối với bà.

Tuy thế, Lu-y không phải là đứa trẻ nhát gan. Khi Lu-y lên bảy, cậu được theo ba đi thăm đồn lính. Lu-y để mắt chú ý tới nột khẩu ca-nông trong đồn. Cậu đã quá quen cái cảnh những người lính trẻ tung tăng chuẩn bị khai hỏa một phát súng ca-nông, Lu-y tự nghĩ:

– Thú vị biết bao nếu mình được tự tay khai hỏa khẩu súng vĩ đại này!

Nghĩ là làm! Lu-y đã lanh lẹ hành động như một tinh binh thiện xạ! Một tiếng nổ long trời, gây ngạc nhiên cho mọi người trong đồn! Súc dầy giạt lùi của súng đã bắn văng Lu-y lại phía sau. Ba Lu-y và mọi người tưởng chừng cậu đã chết, hay ít ra cũng bị thương trầm trọng, nhưng khi đến gần, Lu-y ngồm bò dậy rồi nhẹ răng cười khi! Qua sự kiện đó, ba Lu-y rất hãnh diện về cậu, vì ông vẫn thầm mong Lu-y sẽ trở thành một dũng sĩ nối nghiệp cha.

Phần má Lu-y thì cẩn thận truyền thụ tinh thần đạo đức cho đứa con cưng của bà. Đời ấu thơ của Lu-y ngày càng nở hoa mến Chúa yêu người. Dịp Rước lễ lần đầu, chính thánh Carollo Bôrômêô, Giám Mục thành Milan trao Mình Thánh cho Lu-y. Sau Rước Lễ, cậu quỳ bất động trong thái độ tôn thờ, và tỏ vẻ với Chúa Giêsu Thánh Thể:

– Lạy Chúa Giêsu, con thuộc về Chúa hoàn toàn, con sẽ mãi mãi thuộc về Chúa!

Cùng lúc đó, Lu-y đã dâng hiến đức Trinh khiết cho Chúa, và nài xin Mẹ Maria bảo vệ cuộc sống trinh trong của cậu.

Chúa Kitô đã chịu bao khổ đau vì yêu loài người. Lu-y cũng muốn chịu đau

khổ để tỏ cho Chúa biết cậu yêu Ngài. Cậu tìm nhiều dịp hãm mình: Kiên nhẫn những món ăn ngon, không mặc quần áo sang trọng, đặt những mẩu gỗ vụn trên giường để thân xác chịu chút đau đớn khi ngủ đêm. . .

Năm 13 tuổi, Lu-y và người em trai được gửi sang Tây Ban Nha sống trong triều vua Philipphê Đệ Nhị để được huấn luyện thành những hiệp sĩ tương lai. Thật đau khổ cho Lu-y phải sống trong cảnh xa hoa, danh vọng và việc tùng. Tuy nhiên, cậu được nhiều người quý mến vì luôn tỏ ra thông minh, lịch sự và sống hòa đồng với mọi người. Dầu vậy, cậu vẫn tránh ăn mặc xa hoa, kiêng thức ăn ngon, âm thầm noi gương khó nghèo của Chúa Kitô.

Trong thời gian này, Lu-y được nghe nói đến Inhaxiô Loyola và Dòng Tên do ngài mới lập. Chàng ước mong trở thành một trong các phần tử của Dòng. Hay tin đó, cha chàng tức điên ruột, lập tức triệu hồi chàng về Ý, rồi lần lượt cử chàng làm người đại diện ông trong nhiều thành phố, với ngầm ý để chàng quên đi cái dự tính muốn gia nhập Dòng Tên. Lu-y còn quá trẻ đối với nhiệm vụ do ba chỉ định, nhưng chàng có đủ khả năng thi hành nhiệm vụ đó. Trong hoàn cảnh mới, Lu-y phải giao thiệp với các vương công mệnh phụ, phải tham dự những buổi dạ vũ và những bữa tiệc kéo dài vô tận. Đó là thâm ý của ba, đặt chàng quên đi ý định tu Dòng. Tuy nhiên, tâm hồn Lu-y vẫn kiên bền trong. Chàng rất ghét khiêu vũ. Một hôm, cuộc dạ tiệc tổ chức mừng em chàng. Người ta mời chàng khiêu vũ, chàng lẳng lặng ra đi không trở lại. Sau cùng, họ tìm thấy chàng đang chăm chú cầu nguyện trong căn phòng yên tĩnh tại một góc lâu đài. . .

Thấy các dự tính của mình đều vô hiệu đối với Lu-y, một hôm ba chàng liền đi thẳng vào vấn đề và cứng rắn hỏi chàng có vâng lời ông bỏ cái ý định điên rồ muốn tu Dòng hay không. Chàng trả lời:

– Thưa ba, con không thể bỏ được!

– Nếu vậy, mày phải xéo khỏi mặt tao, và chỉ được trở lại khi mày đã đổi ý.

Lu-y rời khỏi phòng, nước mắt chan hòa, chàng chạy đến với Chúa trong nguyện cầu:

– Lạy Chúa, con phải làm gì bây giờ!

Chàng vừa cầu nguyện vừa lấy roi đánh mình đến chảy máu. Trước đó chàng đã tự đánh mình nhiều lần như thế, nhưng lần này đã bị người nhà rình mò bắt gặp mà chàng không hay. Người ta vội vã đi báo cáo với cha chàng những việc chàng vừa làm. Cuối cùng, vì thương con, cha chàng đành nhượng bộ. Chàng được tự do gia nhập Dòng Tên. Năm đó, chàng 16 tuổi.

Nhường quyền thừa kế lại cho em, rồi chàng cởi bỏ y phục sang trọng bậc công tử, mặc trên mình bộ áo dòng khiêm hèn. Từ nay chàng thực sự trở nên nghèo hèn như Chúa Kitô.

Lu-y trở thành tập sinh Dòng Tên. Thầy hoan hỷ sống đời cầu nguyện và hãm mình. Nhưng sự hãm mình lớn nhất Chúa đòi hỏi nơi thầy là bỏ ý riêng để khép mình theo ý bề trên và kỷ luật Dòng: Thầy phải vâng lời ăn uống đầy đủ hơn; phải dùng những giờ giải trí như những tu sĩ khác; chỉ được cầu nguyện trong những giờ đã chỉ định? Cũng như các tu sĩ đương thời, thầy trải qua bốn năm Triết học dưới sự hướng dẫn tinh thần của thánh Rôbertô Bellamin.

Năm 1591 bệnh dịch hoành hành khắp thành phố Rôma. Chẳng mấy chốc, các nhà thương đã đầy người. Người ta bắt đầu chết la liệt tại nhà riêng và khắp đường phố. Các cha Dòng tên vội vã mở thêm nhà thương. Thầy Lu-y đi khắp nơi xin quần áo, tiền bạc và đồ ăn xin nơi lâu đài các vị vương công giàu có! Thầy cũng chăm sóc bệnh nhân tại nhà thương: băng bó vết thương, tắm rửa, dọn giường và an ủi các bệnh nhân. Thầy giúp kẻ liệt dọn mình xưng tội, chuẩn bị cho họ chết một cách lành thánh.

Một hôm thầy gặp một bệnh nhân bị mọi người kinh tởm bỏ rơi, thầy nghĩ:

– Đây chính là Chúa Kitô mặc xác phàm bệnh nhân.

Thầy đến gần, bồng bệnh nhân đem về nhà thương, đặt trên giường rồi tự tay chăm sóc. Cùng ngày đó, thầy Lu-y bị nhiễm lây bệnh dịch. Các bạn đồng tu đã làm mọi cách để chữa chạy cho thầy, nhưng thuốc men và những phương tiện y khoa thời đó không đủ để cứu mạng thầy.

Ba tháng dài nằm giường bệnh, cơn sốt triền miên thiêu đốt cơ thể thầy Lu-y. Cùng thời gian đó, một cơn sốt khác đốt cháy tâm hồn vị tu sĩ trẻ: Cơn sốt Tình Yêu Chúa. Thầy tự nhủ:

– Thánh ý Chúa sẽ được thực hiện!

Thầy muốn phụng sự Ngài lâu hơn ở đời này, nhưng trước tiên và trên hết, thầy ước ao thực hiện thánh ý Chúa. Trong suốt thời gian đau đớn này, cầu nguyện là niềm an ủi phần khích thầy.

Thế rồi, ngày 21 tháng 6 năm 1591 thầy Lu-y êm đêm từ giã trái đất, khi vừa hưởng mùa xuân thứ 23 nơi trần thế. Thầy không thích làm vương hầu, công tước nơi dương gian; nhưng thầy đã trở thành một công tử của nước trời. Năm 1726 Đức Thánh Cha Bênêđictô XIII đã phong thánh cho Lu-y Gông-gia-ga, và đặt Ngài làm "Thánh Sư Của Giới Trẻ".

## **Bông Huệ Nhuôm Máu: Thánh Maria Goretti (6/7)**

Maria Goretti sinh ngày 16 tháng 10 năm 1890 tại vùng đồi thơ mộng gần thành phố Corinaldo, nước Ý. Nhưng đến sau vì kế sinh nhai, cả gia đình phải chuyển về miền thôn quê sinh lầy Ferriere di Conca. Là chị cả trong một gia đình sáu anh chị em, Maria luôn chú tâm noi gương đôi cha mẹ đạo hạnh, lương thiện và cần mẫn. Cô luôn vâng lời các ngài cách mau mắn và vui vẻ.

Sống trong cảnh thôn quê nghèo túng, Maria không được đi học, nhưng cô bé có lòng sùng kính đặc biệt với Thánh Tâm Chúa Giêsu và Mẹ Maria Đòng Trinh. Khi nào ngơi tay với công việc trong nhà, Maria liền lần hạt Mân Côi kính Đức Mẹ. Mồ cô ba từ năm lên mười, cô thương nhớ ba vô cùng! Mỗi lần đi ngang qua nghĩa trang, Maria đều dừng bước trước mộ ba rồi quỳ gối âm thầm cầu nguyện cho ba. Ngày nào cô cũng lần một tràng hạt 50 để cầu cho linh hồn ba chóng được giải thoát.

Gia đình Maria Goretti lúc này túng thiếu hơn bao giờ hết! Đôi lần má cô cảm thấy nản lòng trước gánh nặng gia đình, Maria đã đóng vai khích lệ tinh thần:

– Can đảm lên má ơi! Rồi mọi sự sẽ tốt đẹp hơn ! Đã có Chúa nuôi sống gia đình ta!

Ngoài ra, Maria đã xốc vác mọi việc trong nhà, cô đóng vai người mẹ thứ hai đối với các em cô: trông nom săn sóc chúng, dạy chúng cầu nguyện, thúc giục chúng vâng lời và nhã nhặn.

Maria còn nêu gương khiêm nhường, mỗi lần bị la rầy trách móc , cô đều vui vẻ lãnh nhận và hứa sửa mình. Để tiến tới trình độ đáng yêu đó, Maria phải ra công tập tành từ nhỏ, vì cô biết rằng những điều đó làm Chúa hài lòng.

Mỗi lần đi dự lễ. Maria phải cuộc bộ hai giờ đồng hồ. Nhưng điều này không làm cô phiền lòng, trái lại cô luôn là người tới nhà thờ trước hết và là người sau cùng ra khỏi nhà thờ. Trong khi dự lễ, Maria luôn giữ thái độ nghiêm trang và cung kính.

Maria Goretti đặc biệt chiếu sáng nhân đức Khiết Trinh. Cô cẩn thận trong

cách phục sức, đi đứng và nói năng. Cô hết sức tránh mọi cuộc truyện trò nhuốm mùi thô thực. Tâm hồn cô thực là một bông huệ trắng tinh!

Lên mười hai tuổi, Maria mới được Rước Lễ Lần Đầu. Cô vô cùng sung sướng khi đón nhận Chúa Giêsu ngự vào linh hồn sau bao ngày dài mong đợi. Có rất nhiều điều cô phải thân thưa với Chúa. Sau Thánh Lễ, vị linh mục khuyên nhủ các em Rước Lễ Lần Đầu hãy luôn giữ tâm hồn trong sạch. Maria đã hân hoan nhắc lại quyết tâm sống đời trinh trong của mình. Sau dịp trọng đại đó, cô ngày càng say mê sự cầu nguyện và chuyên chăm việc bổn phận hơn.

Từ ngày ba của Maria ngã bệnh rồi chết, để có người giúp đỡ công việc đồng áng và chia sẻ hoa lợi, gia đình Goretti phải mở cửa đón nhận một gia đình khác gồm hai bố con đến chung sống trong một nhà. Tên người con là Alessandro, mười chín tuổi. Đầu óc Alessnadro tràn ngập tư tưởng bản thủ, lòng chàng đầy ấp ước vọng lãng loạn, lý do chính là vì chàng đã đọc các sách báo dâm ô do cha chàng mang về nhà. Chàng đọc cào đọc cấu, đọc ngẫu đọc nghiêng, hầu như không bỏ sót điều tục tằn bản thủ nào! Ngoài ra, chàng còn làm bạn với bọn con trai trác nết. Do đó, không lạ gì khi thấy chàng ném những cái nhìn thèm khát trên thân xác trinh trong và vô tội của Maria, cô bé sống chung một nhà với chàng!

Maria thường phải ở nhà trông nom các em nhỏ trong khi má cô vất vả làm việc ngoài đồng. Một hôm, Alessandro đến cám dỗ cô phạm tội với chàng! Maria vô cùng sợ hãi, một mực từ chối:

– Đừng! Alessandro! Chúa không muốn chúng ta làm điều đó!

Rồi cô trốn xa chàng. Mười ngày sau đó, Alessandro giở trò cũ! Maria khiếp đảm tột cùng, cô nói với chàng:

– Nếu anh làm điều đó, anh sẽ phải xuống hỏa ngục!

Alessandro vội túm lấy cô, nhưng Maria dùng hết sức lực vượt thoát khỏi tay chàng.

Lúc này, Maria sống trong lo sợ. Cô định nói với má, nhưng rồi lại không dám, vì Alessandro đe giết cô nếu cô tiết lộ điều chàng đã làm.

Trưa mùng 5 tháng 7 năm 1902, dưới ánh nắng chói chang, mọi người đang bận rộn thu hoạch mùa đậu. Khoảng 3 giờ chiều, bỗng nhiên Alessandro ngừng tay rồi đi thẳng về nhà. Ngang qua cha chàng đang ghi dưới bóng mát ngoài sân, Alessandro gặp ngay Maria ngồi phía trên cầu thang ngoài trời dẫn lên lầu, cô vừa trông chừng em ngủ vừa vá áo cho Alessandro như má cô yêu cầu.

Alessandro mặt hầm hầm lên thang, đi qua Maria không nói một lời, rồi tông ngay vào phòng lấy ra thanh sắt đã mài nhọn như một dao găm. Chàng lên tiếng gọi:

– Maria, vào đây một lát!

Tim Maria bỗng đông lạnh như đá! Cô ngồi yên không nhúc nhích, cũng chẳng trả lời!

Nhanh như chớp, Alessandro nhào ra nắm lấy tay cô bé kéo vào trong nhà. Maria vùng vẫy như điên dại trong khi Alessandro lôi cô vào trong nhà bếp rồi lấy chân đá cánh cửa đóng xăm lại. Cô bé tán đảm tâm thần, chạy vào một góc bếp. Alessandro xán lại bên cô! Maria biết rõ ước muốn xấu xa của hắn, cô kêu lên:

– Đứng, Alessandro! Điều đó là tội! Chúa không muốn như thế!

Alessandro càng tiến lại gần hơn. Maria la lên:

– Nếu làm điều đó, anh sẽ phải xuống hỏa ngục! Buông tôi ra!

Điên lên vì bị Maria chối từ, Alessandro một tay nắm lấy tay cô, tay kia cầm dao găm đâm túi bụi vào thân hình liễu yếu của cô. Maria gắng gào to kêu cứu, nhưng chẳng ai ở ngoài nghe thấy! Máu chảy thành vòi thấm đẫm tẩm thân, chảy trên sàn nhà. Maria ngã gục trên vũng máu. . .

Tưởng Maria đã chết, Alessandro bỏ mặc cô đẩy dựa đẫm máu, chàng trở về phòng mình. Nhưng Maria còn tỉnh, cô gắng lết tẩm thân nát nừ ra phía cửa, rồi lấy hết sức tàn còn lại mở cửa và kêu cứu với ba của Alessandro đang ở ngoài sân:

– Cứu cháu với! Alessandro giết cháu!

Vừa nghe tiếng Maria, Alessandro bỏ phòng, hồng hộc chạy lại, chàng túm cổ cô bé rồi đâm lia lịa thêm sáu nhát dao chí tử nữa! Cô bé bất hạnh phều phào kêu lên:

– Lạy Chúa tôi!?. Lạy Chúa Tôi? Má ơi! Con Chết mất!

Rồi cô thiếp đi bất tỉnh.

Alessandro về phòng đóng chặt cửa lại trong khi ba chàng và Mariano, em trai của Maria, chạy vào bên cô khi nghe kêu cứu. Thấy sự thể, cậu bé thất kinh, mặt biến sắc chạy đi kêu má.

Khi má của Maria và mấy người hàng xóm vào đến nhà, Maria được đặt trên giường và đã hơi tỉnh lại. Trước hình ảnh đau thương đẫm máu của đứa con gái cung, bà lặng người bất tỉnh trong ít phút. Khi hồi lại, bà hỏi con ai đã làm điều đó. Maria mệt nhọc trả lời:

– Alessandro giết con!

Má cô hỏi lại:

– Nhưng lý do tại sao?

Cô đáp:

– Vì anh ép con phạm tội xấu xa với anh, nhưng con đã chống cự lại!

Trong khi cảnh sát đến bắt Alessandro vào tù, người ta gắng băng bó 14 vết dao đâm chòe choẹt trên cơ thể non yếu của Maria, rồi đặt trên xe đem đi nhà thương ở thành phố Nettuno cách đó sáu bảy dặm đường.

Khoảng 6 giờ chiều, xe mới tới nhà thương. Người ta mời Linh Mục tới cho Maria xưng tội. Sau đó các vị y sĩ đến khâu những vết thương, Maria chẳng kêu than một lời. Gắng hết sức chạy chữa cho cô, nhưng các y sĩ biết rằng họ không thể cứu mạng cô.

Trong những giờ phút đau thương hấp hối, Maria âm thầm cầu nguyện cùng



Thánh Tâm Chúa Giêsu, với Mẹ Maria và Thánh Giuse. Cô sẵn sàng chờ đón giờ chết đến. Được hỏi có sẵn lòng tha thứ cho kẻ giết cô không, Maria trả lời:

– Con đã tha thứ cho chàng, và con tin chắc Chúa cũng sẽ tha cho chàng nữa!

Vị Linh Mục đem Mình Thánh Chúa cho Maria chịu như của ăn đàng. Cô đón rước Chúa với nét mặt hớn hở niềm vui thiên quốc. Ôm ghi ảnh tượng Chúa và Mẹ Thánh Ngài, cô hôn lấy hôn để. Và rồi trong chốc lát, cô thiếp dần trong cơn mê sáng. . .

Những giây phút cuối đời, Maria sống lại cái cảnh kinh hoàng phải đối phó với Alessandro. Cô ú ớ trong hơi thở bị tắc nghẽn:

– Alessandro, anh định làm gì thế? Anh sẽ phải xuống hỏa ngục nếu anh làm điều đó!

Và với cử chỉ vô cùng mệt nhọc, cô gắng chống cự với một người vô hình. Sau cùng, bằng sức tàn mong manh, cô vùng dậy như để trốn thoát, và rồi trong giây lát lại buông mình xuống giường nằm bất động. Linh hồn trinh trong và sinh đẹp của Maria từ từ ra khỏi xác bay về thiên đàng. Lúc đó là chiều Chúa Nhật, mùng 6 tháng 7 năm 1902, một ngày sau khi cô bị đâm 14 nhát dao oan nghiệt.

Maria Goretti đã làm nhiều phép lạ sau khi chết, nhưng phép lạ vĩ đại nhất là hoán cải tâm hồn Alessandro, kẻ đã giết cô, sau khi hiện về với chàng trong tù và trao tặng chàng những bông huệ trắng tinh. Từ đó chàng sống đời khiêm nhường, thống hối tội lỗi mình. Chàng được phóng thích sau 27 năm tù, và suốt đời sống độc thân. Về sau Alessandro xin vào tu viện Capuchin ở miền Bắc Ý và trở thành một phần tử dòng ba, ngày ngày làm những công việc hèn mọn đền tội mình.

Ngày 28 tháng 4 năm 1947 Đức Thánh Cha Piô XII đã phong Chân Phước cho Maria Goretti. Ngày 24 tháng 6 năm 1950 Ngài phong Goretti lên bậc Hiển Thánh, rồi đặt Thánh nữ làm Quan Thầy và Gương Mẫu cho giới trẻ hiện đại. Hiện diện trong buổi lễ phong Thánh có má của Maria Goretti, lúc đó ngoài 80 tuổi, và các anh em của cô. Alessandro không có mặt trong buổi lễ, vì ông tự cho mình bất xứng.

Maria Goretti trở thành vị thánh tử đạo vì bảo vệ đức Trinh Khiết khi mới 12 tuổi đời. Hàng năm Giáo Hội mừng kính Thánh Nữ vào ngày mùng 6 tháng 7.

## **Kẻ Sát Nhân Sám Hối**

Thánh Maria Goretti (sinh ngày 16.10.1890, mất ngày 6.7.1902), vị thánh trẻ nhất của Giáo hội Công giáo.

Thánh Maria Goretti là người Ý, sớm mồ côi cha và sớm phải chăm sóc các em khi mẹ đi làm kiếm sống. Gia cảnh mẹ góa con côi nghèo lắm, nên Goretti phải đi làm mướn cho gia đình bà Sarenelli, mẹ của Alessandro Sarenelli (sinh ngày 2.6.1882, mất ngày 6.5.1970).

Khi Maria Goretti 12 tuổi, lúc đó Alessandro 22 tuổi. Ngày 5.7.1902, khi người nhà đi hết, Alessandro cầm dao tiến đến gần Goretti, dọa sẽ giết cô nếu cô không nghe lời anh ta. Alessandro đã có ý định hãm hiếp cô hai lần mà không được vì Goretti quyết liệt chống trả. Quá tức giận, Alessandro đã đâm chết Goretti với 14 nhát dao. Trước khi tắt thở, Goretti thề thào rằng **cô muốn Alessandro cũng sẽ lên Thiên Đàng với cô.**

Cuộc đời của Maria Goretti ngắn ngủi nhưng là bằng chứng hùng hồn về Tình Yêu Thiên Chúa, về Lòng Chúa Thương Xót, và chính điều đó đã hoán cải kẻ sát nhân Alessandro Sarenelli. Câu chuyện về Alessandro cũng minh chứng sức mạnh của ơn hoán cải, vì thế **không ai được phép tuyệt vọng.**

Alessandro bị án tù 30 năm, và Alessandro cảm thấy thất vọng. Làm sao Alessandro biết mình đã làm gì khi phải sống trong chốn lao tù như vậy? Và rồi điều kỳ diệu đã xảy ra. Maria Goretti đã hiện ra với Alessandro trong khi tay đang cầm bó hoa huệ trắng ngần và trao cho Alessandro từng đóa một. Đó là động thái thể hiện lòng tha thứ của người đã bị Alessandro giết chết, và điều này đã biến đổi Alessandro hoàn toàn. Đó cũng là lần đầu tiên Alessandro thành tâm sám hối. Sau đó, Alessandro cho biết: *“Chính lòng tha thứ của Maria Goretti đã cứu tôi”*.

Khi hết hạn tù, Alessandro bắt đầu sống đời sống sám hối và đền tội. Alessandro đã gặp bà Assunta, mẹ của Maria Goretti, để xin bà tha thứ, rồi cùng bà Sarenelli (mẹ của Alessandro) đi dự lễ Giáng Sinh. Biết tội mình nên

Alessandro xin lỗi Chúa và xin lỗi cộng đồng. Sau đó, Alessandro xin làm hiến sinh trong Dòng Phanxicô, với công việc làm vườn và lao động bình thường. Năm 1970, Alessandro qua đời bình an trong Đức Kitô ở tuổi 88, mọi người biết ông cũng đều thương mến ông.

Sau khi Alessandro qua đời, nhà dòng tìm thấy lá thư ngỏ của Alessandro gửi cho thế giới. Nội dung như sau:

*Tôi gần 80 tuổi rồi. Tôi sắp chết rồi. Nhìn lại quá khứ, tôi thấy rằng thời trai trẻ tôi đã chọn con đường xấu nên tôi tự hủy hoại mình.*

*Cách hành xử của tôi là gương xấu mà đa số giới trẻ vẫn làm theo vì thiếu suy nghĩ. Và tôi cũng đã làm vậy. Tôi đã không thấy lo lắng gì.*

*Có nhiều người đại lượng và thành kính ở xung quanh tôi, nhưng tôi không chú ý tới họ vì sức mạnh bạo lực đã che mắt tôi và đẩy tôi theo cách sống sai trái.*

*Khi tôi mới đôi mươi, tôi đã phạm tội trọng. Bây giờ, kỳ ức đó thật khủng khiếp đối với tôi. Maria Goretti giờ đây đã là thánh, là thiên thần của tôi, đã hướng dẫn và cứu tôi qua sự quan phòng của Thiên Chúa. Tôi vẫn nhớ như in những lời Goretti trách móc và tha thứ cho tôi. Goretti đã cầu thay nguyện giúp cho tôi, dù tôi là kẻ sát nhân. Tôi đã phải đền tội với 30 năm tù. Tôi chấp nhận vì như vậy là đích đáng thôi.*

*Goretti thực sự là ánh sáng cho cuộc đời tôi, là thân hộ mạng của tôi; nhờ Goretti giúp đỡ mà tôi sống tốt trong tù 27 năm, được giảm 3 năm, và cố gắng sống chân thật khi tôi được hòa nhập với cộng đồng. Các tu sĩ Dòng Phanxicô đã tiếp nhận tôi với lòng bác ái, coi tôi như huynh đệ chứ không như tôi tớ. Tôi đã sống trong dòng 24 năm, và giờ đây tôi chờ đợi để được gặp Thiên Chúa, được ôm Đấng mà tôi kính mến, rồi được gặp Thiên thần Bản mệnh của tôi và mẹ của tôi, bà Assunta.*

*Tôi hy vọng lá thư này sẽ cho mọi người biết bài học hạnh phúc là tránh điều ác và luôn đi theo con đường đúng, như các trẻ em vậy. Tôi cảm thấy tôn giáo với các giáo huấn không chỉ là điều chúng ta không thể sống thiếu, mà còn thực sự niềm an ủi, thực sự là sức mạnh trong cuộc sống và là cách an toàn trong mọi hoàn cảnh, ngay cả trong hoàn cảnh đau khổ nhất.*

*Ký tên: Alessandro Serenelli*

## **Tôi Tớ Các Bệnh Nhân: Thánh Camillô (14/7)**

Camillô mở mắt chào đời ngày 25 tháng 5 năm 1550 tại vương quốc Naples, ngày nay thuộc nước Ý. Được sinh thành trong tuổi già của thân mẫu, Camillô là đề tài cho người lân bang kháo náo:

– Rồi đây trẻ này sẽ nên vương tướng gì?

Tuổi ấu thơ của Camillô trôi qua dưới ánh nhìn triu mến và sự chăm sóc tận tình của đôi cha mẹ đạo hạnh. Ba má cậu thêm mong rồi đây đứa con cưng sẽ là vinh dự và niềm vui lúc tuổi già.

Thế nhưng, tuổi niên thiếu của Camillô đã làm hai ông bà thất vọng đến cực lòng. Camillô ngày càng trở nên ngỗ nghịch và bướng bỉnh, không vâng lời cha mẹ. Cậu chỉ làm những điều cậu ưa thích. Mẹ cậu vô cùng buồn đau, suốt lệ tràn tuôn trong nguyện cầu, bà nài xin cho đứa con thân yêu sớm sửa đổi cuộc sống. Tiếc thay, ơn thánh chưa có cơ hội tác động nơi tâm hồn Camillô! Vẫn chứng nào tật ấy. Vẫn thái độ chống cưỡng mẹ cha. Cuối cùng cha cậu đã thẳng thắn tuyên bố:

– Nếu mày tiếp tục cư xử như vậy, mày phải ra khỏi nhà tao!

Thế rồi ông đuổi Camillô ra khỏi nhà.

Chàng thanh niên Camillô vô gia cư lang thang đây đó. Sự ngông cuồng của tuổi trẻ đã cuốn lôi chàng vùi dập trong cờ bạc, rượu chè và trác táng. Nhập bọn với bạn bè xấu nét, Camillô chìm ngập hầu mất hút giữa biển đời trào tràn thú vui giả trá.

Trong cõi vô hình, Thiên Chúa vẫn nhìn xem Camillô. Ngài gửi cho chàng một vết đau nơi bàn chân phải. Vết thương tuy không lớn rộng, nhưng gây đau đớn và phiền hà cho tuổi trẻ ngông cuồng của chàng. Chàng đến nhà thương Thánh Giacôbê tại Rôma để xin chữa trị. Ra khỏi nhà thương, chàng tự hỏi:

– Mình phải đi đâu bây giờ?

Sự cuồng nhiệt của tuổi đôi mươi thúc đẩy chàng gia nhập quân đội. Mặc dầu

cuộc sống bất ổn khi phải chiến đấu nơi tuyến đầu, Camillô vẫn tiếp tục miệt mài trong cuộc sống hoang dại trần thế cho tới khi bị sa thải khỏi quân đội.

Camillô lúc này không còn một đồng dính túi! Chàng phải làm gì để sống: bắt đắc dĩ, chàng đi làm phu xây cát cho một đan viện khổ tu. Chính nơi đây, ơn thánh bắt đầu lay động hồn chàng. Chàng nhận ra sự trống rỗng của tâm hồn do thú vui trần tục gây nên. Tiếng Chúa âm thầm kêu mời chàng:

– Hỡi con, hãy thống hối và trở về với cha!

Tiếng Chúa càng mãnh liệt, vang dội tận tâm can, khiến chàng tìm gặp Cha Angêlô, một tu sĩ thánh thiện của đan viện, để trình bày những uẩn khúc của tâm tư. Sau cuộc đàm thoại, con người Camillô hoàn toàn đổi mới, đến nỗi chàng xin gia nhập đan viện.

Vết đau nơi chân đột nhiên tái phát. Sự kiện này kiến Camillô không thể xứng hợp cho cuộc sống khắc khổ nơi đan viện. Chàng buộc lòng rời bỏ đan viện để chữa trị vết đau. Không những chỉ một lần, mà tới ba lần chàng phải rời đan viện để chữa trị vết đau. Vì lý do sức khỏe. Lần thứ ba, chàng trở lại nhà thương Thánh Giacôbê, vừa để chữa bệnh, vừa để phục dịch các bệnh nhân mà hơn một lần chàng đã cảm thông nỗi cực lòng. Đặc biệt đối với những người không chút hy vọng bình phục, chàng tận tâm chăm sóc và tìm làm mọi cách cho họ được hài lòng. Cũng chính nơi đây chàng nhận ra nhiều nhân viên bệnh viện xử tệ với các bệnh nhân đáng thương cũng là con người có nhân vị như họ. Chàng tự nghĩ:

– Những người phục vụ các bệnh nhân cách tử tế phải là những người hiến thân phục vụ Thiên Chúa. Chúa không muôn tôi trở thành một đan sĩ khổ tu, sao tôi không dâng hiến cuộc đời phụng sự Ngài qua các bệnh nhân?

Biết bao hy sinh, biết bao thánh giá ngả dài trước mặt chàng. Chàng muốn hiến thân cho Chúa, nhưng tìm đâu ra những công sự viên? Có mấy ai đủ quảng đại chấp nhận cuộc sống trái tính tự nhiên, va chạm với bệnh tật tởm gớm, chứng kiến cái chết rợn rùng, hy sinh giấc ngủ quý báu? Đối diện với lưỡng lự suy tư, Camillô cúi mình trước tượng Chúa chịu đóng đinh khấn nài ơn trợ giúp. Thình lình, hai tay Chúa rời khỏi Thánh Giá hướng về phía chàng, Ngài phán:

– Camillô, hãy cứ tiến hành, đừng sợ chi. Đây là việc của Cha chứ không phải của riêng con. Cha sẽ giúp sức cho. Con hãy tiến hành đi!

Thế là hội dòng "Tôi Tớ Các Bệnh Nhân" thành hình. Họ mặc tu phục màu đen có hình thánh Giá đỏ trước ngực. Thủ lãnh của họ lúc này được gọi là "Cha Camillô", vì Camillô đã học thần học và thụ phong linh mục.

Dân làng thật ngỡ ngàng khi thấy cha Camillô trở về bán các tài sản thuộc về cha. Họ hỏi nhau:

– Có phải ông cha này chính là thằng bé ngỗ nghịch trước đây không? Thật khó tin quá!

Trong khi đó cha Camillô bình thản hoàn tất việc chi bán tài sản, rồi phân phát tất cả tiền của cho người nghèo.

Năm 1590 và 1591 một bệnh dịch kinh hoàng tràn phủ khắp thành Rôma. Đường phố ngổn ngang xác chết. Đói kém khắp nơi. Người sống sót di động như những bộ xương biết đi. Thỉnh thoảng một người ngã lăn bên hè phố rồi chết tốt. Không ai thèm đem xác đi chôn, vì có quá nhiều điều họ phải lo lắng. Đau thương và nước mắt tràn lan khắp nơi! Giữa cảnh tang thương đó, bóng hình cha Camillô tung tăng hết nơi này đến nơi khác. Đi tới đâu, cha đem an ủi và dịu êm tới đó. Từ phố này tới phố kia, Camillô và các cộng sự viên của cha trợ giúp các nạn nhân, đem những người hấp hối và bệnh tình trầm trọng về nhà thương hoặc tư gia để chăm sóc và chữa trị, mà không sợ chết hay sợ nhiễm lây bệnh dịch.

Hội dòng "Tôi Tớ Các Bệnh Nhân" dần dần lan rộng khắp nước Ý, tràn sang đảo Sicilia và các nước Âu Châu. Các phần tử của hội dòng chuyên lo chăm sóc các bệnh nhân, ngày cũng như đêm. Tại nhà thương cũng như tại tư gia; Cung cấp những trợ giúp vật chất cũng như tinh thần. Cha Camillô luôn dẫn việc làm gương cho anh em. Cha tận tình săn sóc các bệnh nhân hơn cả tình người mẹ từ ái chăm lo cho đứa con yêu quý đáng thương của bà. Bất cứ gặp người ốm đau nào cha đều an ủi khích lệ. Cha đem thuốc cho họ, dọn giường chiếu, lau quét phòng bệnh, băng bó vết thương, tắm rửa cho bệnh nhân. Tất một lời, cha làm mọi việc cần thiết phải có đối với một bệnh nhân. Không quản ngại tanh hôi và những bệnh tật tởm gớm, cha chăm sóc mọi người như nhau. Cha thường thức trắng đêm, không ăn không ngủ để ở bên các bệnh

nhân giúp đỡ họ phần hồn phần xác. Lửa mến hằng thiêu đốt tim cha từ ngày cha thực tâm trở về cùng Chúa khiến cha không quản ngại một sự dâng hiến nào. Cha ước mong chiếm cho Chúa thực nhiều linh hồn. Do đó, việc trước hết cha lo lắng cho một bệnh nhân là giúp họ giao hòa với Thiên Chúa, xưng thú tội lỗi, và kiên nhẫn chịu đựng bệnh tật.

Cha Camillô phục dịch các bệnh nhân như một tôi tớ thực sự. Một hôm, người bệnh nói với cha:

– Cha ơi, cha có thể sửa lại giường giúp con không? Nằm đau mình quá cha ạ!

Camillô trả lời:

– Ông làm rồi, ông bạn ơi!

Người bệnh hỏi lại:

– Thưa cha, sao vậy?

Camillô đáp:

– Vì ông bạn đã không truyền lệnh mà lại đi năn nỉ với tôi! Ông không thấy rằng tôi là đầy tớ và là nô lệ của ông hay sao?

Một bệnh nhân mang chứng bệnh ung thư tởm gớm, mặt mũi không còn hình tượng, xông mùi hôi thối tha. Tuy thế, cha Camillô tình nguyện săn sóc ông ta. Cha ẵm ông trên tay. Mặt kề mặt, cha nựng ông như một trẻ thơ. Sau khi chăm sóc, cha quỳ xuống bên giường ông và nói:

– Xin chúc tụng Chúa Trời! Con đã được phục vụ chính Thiên Chúa toàn năng!

Cha Camillô ngã bệnh sau nhiều năm tận tâm phục vụ Chúa trong những người anh em đáng thương. Suốt 33 tháng trời bị cơn bệnh đau đớn hành hạ, cha kiên nhẫn chịu đựng cách thánh thiện để rồi chết an lành trong tay Chúa năm 1614, hưởng thọ 64 tuổi. Cha Camillô được phong Thánh năm 1746 và được đặt làm đấng bảo trợ các bệnh viện và người ốm đau. Hằng năm Giáo Hội mừng kính ngài vào ngày 14 tháng 7.



## **Bỏ Giàu Sang, Chọn Nghèo Khó: Thánh Clara Assisi (11/8)**

Clara sinh ngày 16 tháng 7 năm 1194 tại Assisi nước Ý. Là con một gia đình quý phái, tương lai Clara hứa hẹn thật nhiều sung sướng tiện nghi và vinh sang trần đời. Nhưng ngay từ nhỏ, thân mẫu đã lưu tâm dạy dỗ Clara, chẳng những bằng lời nói mà còn bằng gương sáng. Bà dần hun đúc cho đứa con cứng tâm tình cầu nguyện, đức tính từ bỏ và tinh thần nhẫn nhục. Từ năm 16 tuổi Clara xa tránh sự ồn ào của đô thị, nàng thường đến một nhà thờ ở miền quê để cầu nguyện. Chính nơi đây nàng đã gặp thánh Phanxicô nghèo, nghe ngài giảng, và được ngài tận tình giúp đỡ trên đường tu đức. Khi nghe Phanxicô giảng, tim nàng bừng cháy lửa mến và khát khao bắt chước Phanxicô sống đời khiêm nhường nghèo khó như Chúa Kitô.

Một ngày đầu năm 1212, cha nàng cho hay vào lễ Phục Sinh sắp tới, một chàng thanh niên quý phái sẽ tới thăm và ngỏ lời cầu hôn với Clara. Ông cũng cho biết ông đã chấp nhận lời cầu hôn của chàng, vì theo ông, chàng và Clara thật "xứng đôi vừa lứa". Đây không phải là lần đầu tiên Clara được các chàng trai dòm ngó! Nhan sắc và đức hạnh của nàng đã khiến rất nhiều bậc công tử tuấn tú giàu sang tỏ ý xin cưới nàng làm vợ, nhưng nàng đều từ chối và chỉ muốn dâng hiến đời mình cho Chúa. Dù sao thì lần này cha nàng đã nhất quyết nàng phải kết hôn với con người thanh lịch sẽ tới "xem mắt" nàng vào lễ Phục Sinh sắp tới. Nàng phải làm gì bây giờ?

Một dự định trong tâm tư. Clara cảm thấy nàng phải hành động tức khắc. Đêm đó, khi mọi người trong lâu đài đương an giấc điệp, nàng cùng với bà cô bí mật trốn qua cửa sau rồi biến hút vào bóng đêm hoang vắng. Hai người vội vã tới nhà thờ Đức Bà Thiên Thần, tại đây Phanxicô và các anh em "Hèn Mọn" của ngài đang đợi chờ. Bàn thờ trang hoàng lộng lẫy với hoa tươi và nến cháy. Clara tiến lên trước bàn thờ, nàng quỳ gối cầu nguyện và thực hiện lời khấn hứa dâng mình cho Chúa. Bộ tóc óng ả của nàng phản chiếu ánh nến lung linh, giờ đây từ từ rơi xuống trước lưỡi kéo của thánh Phanxicô. Với chiếc lúp thô sơ phủ trên đầu, và tấm áo nhung lụa lượt là, Clara thành nữ tu đầu tiên của hội dòng các chị em "Clara nghèo" hay dòng hai Phanxicô. Sau đó, Phanxicô gửi Clara và cô của nàng tại một nữ đan viện gần đó cho tới khi ngài tìm được khu nhà riêng cho các chị em "Clara Nghèo" khởi lập tu viện.

Hôm sau, cha của Clara giận dữ đến nỗi khùng trước sự ra đi bí mật của

nàng. Ông cho người lùng kiếm khắp nơi, và cuối cùng họ bắt gặp nàng trong đan viện, nhan sắc kiều diễm biến mất trong bộ tu phục đơn nghèo. Cuối cùng ông đành nhượng bộ trước quyết tâm của cô con gái cung, bằng lòng cho nàng ở lại chốn viện tu.

Sau đó, một số bạn bè của Clara cũng đến xin dâng mình cho Chúa theo gương chị, trong số đó có Anê, em ruột của Clara, cũng bỏ nhà đi tu cùng với chị. Đây là điều khổ tâm khiến cha của Clara không thể chịu đựng nổi. Ông cử người cậu dẫn đầu một toán kỵ binh lùng bắt Anê về nhà. Cuộc lùng xét tu viện bắt đầu. Clara vội chạy vào nhà nguyện cầu xin cho em Anê được yên hàn. Toán lính tìm thấy Anê, nàng chống cự khi bị lôi kéo tàn nhẫn. Nhưng đột nhiên thân hình mỏng manh của người thiếu nữ trở nên nặng như sắt đá! Đám lính lực lưỡng cố sức lôi kéo nàng, nhưng dường như chân nàng bị hút chặt vào lòng đất, dù làm thế nào cũng không thể lay chuyển được một tấc. Trước phép lạ tỏ tường, toán lính đành đầu hàng, rút lui có trật tự, để cho Anê an phận tu trì cùng với chị Clara.

Khi Clara được 21 tuổi, thánh Phanxicô đặt chị làm Mẹ Bề Trên tu hội các chị em "Clara Nghèo". Công việc hằng ngày của họ là trồng cây hoa màu, đan dệt, và giúp đỡ những người nghèo. Họ đi chân không, không ăn thịt, sống trong những căn nhà thiếu thốn tiện nghi, và giữ thanh lặng hầu như suốt ngày. Tuy nhiên cuộc sống họ thật hạnh phúc, bởi họ sống kề bên Chúa là nguồn an vui mọi nơi mọi lúc. Càng ngày càng đông thiếu nữ thuộc những gia đình giàu sang tình nguyện khước từ đời sống đầy đủ tiện nghi, bỏ thí của cải cho người nghèo, rồi xin gia nhập đan viện dưới quyền điều khiển của Clara. Họ vui mừng khi được lìa xa những cuộc liên hoan, dạ vũ, và sự bao vây của sang trọng hào hoa thế tục, để được sống trong bình an và hạnh phúc chân thật qua việc chọn Chúa Kitô làm Bạn Trăm Năm và gia nghiệp đời đời.

Năm 1240, quân giặc chiếm phá khắp nơi hướng về phía thành Assisi. Người người hướng về phía thành Assisi. Người người rụng rời khiếp sợ trước sự dã man, hãm hiếp, và bạo ngược của bọn giặc. Tràn qua nơi nào chúng đều gieo họa chết chóc, tàn phá và đổ nát. Để tiến vào thành Assisi quân giặc phải đi ngang qua đan viện các chị em "Clara Nghèo". Bọn chúng quyết định xâm nhập và tàn phá đan viện. Bấy giờ Clara đang bệnh nặng. Trước nguy cơ, mấy nữ tu hồn hên chạy vào bên giường bệnh báo cho Clara biết quân giặc đang tràn tường tràn vào đan viện. Lập tức Clara xuống khỏi giường, lê tấm

thân yếu nhược vào nhà nguyện. Đến trước nhà châu, chị cung kính bē mặt nhật đang chứa đựng Minh Thánh Chúa tiến ra cửa sổ hướng về phía quân giặc. Chị khẩn khoản cầu xin Chúa bảo vệ chị cũng như các chị em trong đan viện đã hy hiến cuộc đời cho Chúa. Bỗng tiếng Chúa từ mặt nhật trả lời chị:

– Cha sẽ luôn luôn bảo vệ các con.

Rồi một luồng sáng chói lọi phát ra từ Thánh Thể. Bọn giặc lão đảo quay cuồng vì chói mắt. Mọi người ngã lăn trên đất lồm ngồm bỏ chạy, để lại đan viện và thành Assisi an toàn vô sự.

Clara trải qua nhiều năm bị bệnh tật giầy vò thân xác, nhưng tâm thần chị luôn an vui. Một lần chị nói:

– Người ta cho rằng chúng ta quá nghèo hèn, nhưng một con tim được chiếm ngự bởi Đấng Vô Biên lại có thể nghèo hèn sao?

Clara an nghỉ trong Chúa năm 1253. Khi chị tắt thở, một nữ tu thuộc tu hội của chị trông thấy Đức Mẹ có các Thánh tháp tùng đến đón linh hồn chị về trời. Clara được phong Thánh năm 1255, chỉ 2 năm sau khi qua đời. Giáo Hội mừng kính Thánh Clara vào ngày 11 tháng 8.

## **Vị Thánh Của Trẻ Thơ: Thánh Giáo Hoàng Piô X (21/8)**

Bé Giuse Sartô 11 tuổi đưa tay rờ trên lớp da nhám của đôi giày mới ba bé vừa cho:

– Thưa ba, con sẽ giữ đôi giày này rất lâu! Con cảm ơn ba thật nhiều!

Ba Sartô dùng tên riêng trả lời bé:

– Ba tin như vậy, Beppô ạ! Con nhớ phải đi giày mới hằng ngày khi con tới trường tại Castlefranco. Ba má không muốn xấu hổ về Beppô của ba má trước mặt chúng bạn. Nào, chúng ta hãy đi ăn cơm!

Gia đình Sartô đứng trong thinh lặng khi ba nguyện kinh trước bữa ăn. Sau đó má đổ món cháo vào từng chiếc bát gỗ rồi đặt đĩa bánh mì và bơ trên bàn.

Sau một lát yên lặng, Têrêxa, đứa em gái của Beppô lên tiếng:

– Nhà mình nghèo phải không ba?

Ba đứa em khác của Beppô ngừng nhai, chúng lắng tai chờ đợi cậu trả lời của ba chúng.

Ba quay nhìn Têrêxa, với một cái chớp mắt ông hỏi:

– Con mấy tuổi rồi, Têrêxa?

Cô bé hãnh diện trả lời:

– Thưa ba con lên bảy!

– Con nghĩ nhà mình phải khổ vì đói và lạnh sao?

Têrêxa thẹn thò nhìn mọi người và thưa:

– Thưa ba không!

– Nhà mình có đủ giường ngủ, có đủ áo mặc không?

Têrêxa mỉm cười trả lời:

– Thừa ba đủ!

– Nếu vậy thì nhà mình đâu có nghèo. Dĩ nhiên nhà mình cũng chẳng giàu. Ba chỉ là một phu trạm, nên ba làm được ít tiền.

Với giọng hiền từ má chêm vào:

– Chúa thương nhà mình lắm, Ngài ban cho nhà mình mọi sự cần dùng.

Beppô gật đầu và nói với các em:

– Má nói đúng đó! Đáng lý vào tuổi anh bây giờ, anh phải làm việc ở ngoài trại. Vậy mà Chúa còn liệu cho anh được đi học tại Castlefranco!

Em trai của Beppô chen vào:

– Anh Beppô thông minh nhất trường đó! Ngay cả cha Louis cũng nói như vậy!

– Cha Louis tử tế quá! Ngài giúp anh học La Văn, nên các bài kiểm thật dễ dàng cho anh.

Ít ngày sau đó, Beppô thức dậy trước khi mặt trời mọc. Bé giúp má dọn dẹp nhà cửa, rồi lót lòng với những thức ăn má dọn cho, và rồi, với đôi giày mới lủng lẳng trên vai, Beppô đi bộ tới trường cách đó 5 dặm, Bé huýt sáo và hát vang dọc đường quê dài bụi bặm. Cho tới khi nhìn thấy những ống khói và mái nhà của ngôi làng, Beppô mới chùi đôi bàn chân bầm đầy bụi trên thềm cỏ còn đọng sương. Bây giờ mới xỏ đôi giày mới vào chân.

Một hôm, một đứa bạn thắc mắc:

– Beppô à, tao không hiểu tại sao từ nhà mày tới trường rõ xa; mà đôi giày mày đi không bị lấm?

Beppô gượng cười trước câu hỏi của bạn và nói:

– Bờ thử đoán xem!

Rồi cúi xuống xem lại đôi giày dường như bé cũng chẳng hiểu tại sao lại như thế. Beppô cười thâm trong bụng.

Ngay buổi học đầu, Beppô đã chiếm được cảm tình của thầy và các bạn. Bé học chăm, chơi khỏe, tính tình tốt lành và thật thà. Đôi khi bé tỏ ra nóng nảy, nhưng bé đã cố gắng rất nhiều để kìm hãm tính nóng của mình. Bé biết rằng điều này đẹp lòng Chúa. Bé đã để ý về mặt này rất nhiều trong thời gian bé dọn mình Rước Lễ Lần Đầu khi bé được 12 tuổi. Thời đó các trẻ em lên 12 tuổi mới được Rước Lễ Lần Đầu.

Trên đường từ trường về nhà, Beppô thường ghé lại nhà cha sở để trò chuyện với ngài. Vào một buổi chiều sau ngày Beppô chịu lễ lần đầu, cậu thưa với cha sở:

– Thưa cha, con muốn làm linh mục, nhưng con biết gia đình cần đến con. Nhà con quá nghèo!

Điều này không lạ gì với cha Titô, cha sở ngôi làng nhỏ bé của Beppô. Đã từ lâu ngài cảm thấy Chúa đang chuẩn bị cho Beppô một sứ mệnh đặc biệt trong chức vị Linh Mục. Nhưng chưa bao giờ ngài tỏ lộ điều đó cho Beppô. Ngài chỉ trả lời:

– Beppô, con hãy tin cậy nơi Chúa. Nếu Chúa chọn con làm linh mục, Ngài sẽ xếp đặt mọi sự. Con hãy cầu xin với Đức Mẹ.

Hai năm trôi qua. Beppô đã mãn trường tại Castlefranco. Cậu đem phiếu điểm về cho cha Titô. Nhìn phiếu điểm, cha Titô kêu lên:

– Ô! Con giỏi quá!

Ngài im lặng một lúc rồi hỏi:

– Beppô, con có còn muốn làm Linh Mục không?

Đôi mắt sáng lên, Beppô đáp:

– Thưa cha, con muốn lắm. Hằng ngày con cầu xin Đức Mẹ ban cho con ơn này. Nhưng chỉ có một điều.

– Cha hiểu. Con nghĩ gia đình cần tới sự giúp đỡ của con. Để cha nói chuyện với ba má con về việc này.

Chiều hôm đó, ngồi trong nhà Beppô, cha Titô nói với ba má Beppô:

– Tôi đến đây để nói chuyện với ông bà về Beppô. Nó muốn trở thành một Linh Mục, nhưng nó biết ông bà cần đến sự giúp đỡ của nó.

Đột nhiên căn phòng trở nên im lặng. Má Beppô liếc nhìn ảnh chuộc tội treo trên tường, môi mấp máy cầu nguyện. Ba Beppô bước chậm rãi về phía cửa sổ, ông nhìn ra cánh đồng nặng trĩu hạt vàng. Rồi ông quay về phía cha sở:

– Thưa cha, cha nghĩ thế nào về Beppô?

Vị Linh Mục chậm rãi trả lời:

– Đã từ lâu tôi nghĩ rằng Chúa đang kêu gọi Beppô phục vụ Ngài trong chức Linh Mục.

– Vậy thì con sẽ theo lời cha. Còn gia đình con, đã có Chúa lo liệu.

Tám năm sau đó, Beppô theo học tại chủng viện ở Padua, một tỉnh lỵ xa xôi. Khi trở về làng, người ta không còn gọi chàng là Beppô nữa, nhưng là cha Sartô.

Cha Sartô đã sớm tỏ lòng tốt của ngài với những người nghèo đói, bệnh tật. Đặc biệt ngài tỏ lòng thương yêu các trẻ nhỏ. Một ngày, sau khi dạy Giáo Lý cho các em chuẩn bị Rước Lễ Lần Đầu, cha cảm thấy một bàn tay níu kéo áo cha. Quay lại, cha thấy một bé trai chừng 6 tuổi dương đôi mắt tròn nhìn cha và hỏi:

– Thưa cha, con có được Rước Lễ Lần Đầu không? Con thuộc hết Giáo Lý rồi!

Cha Sartô xoa đầu em nhỏ:

– Chưa được con ạ, con phải chờ 5 hoặc 6 năm nữa.

Một thoáng buồn hiện trên nét mặt, ngài nói tiếp:

– Cha hy vọng một ngày nào đó, Đức Thánh Cha sẽ ban cho những trẻ nhỏ như con được phép chịu lễ lần đầu.

Ít năm sau đó cha Sartô được chọn làm Giám Mục. Lúc này ngài có thể chọn nhiều việc để giúp những người nghèo khổ bệnh tật, và trẻ nhỏ. Lòng hảo tâm và sự thánh thiện của ngài vang dội khắp các nước. Cuối cùng ngài được trọn làm vị Cha Chung của Giáo Hội, với danh hiệu Piô X.

Trên ngài Giáo Hoàng, ngài gửi thư tới các Đức Giám Mục trên thế giới: "một khi các trẻ em hiểu biết Thánh Thể chính là Chúa Giêsu thật, đồng thời chúng tỏ lộ lòng yêu Ngài, thì chúng được phép rước lễ. Nếu muốn, chúng có thể chịu lễ hằng ngày".

Một hôm, một bé trai đứng cạnh ba má chờ đợi Đức Giáo Hoàng đi qua. Mọi người trong phòng đều im lặng. Nhưng khi Đức Thánh Cha tới gần, chú bé mỉm cười rồi buột miệng:

– Chào Đức Thánh Cha ạ!

Đức Piô X cầm tay chú bé, ngài hỏi:

– Con đã chịu lễ lần đầu chưa?

Chú bé lắc đầu thưa:

– Dạ chưa.

Cha đưa trẻ vội thưa:

– Tâu Đức Thánh Cha, nó mới có 5 tuổi.

Nhìn đứa trẻ, ngài hiền từ hỏi:

– Chịu Lễ là làm sao?

Đứa bé nhanh nhẹn thưa:

– Thưa là rước Chúa Giêsu vào lòng.



Đức Thánh Cha hỏi tiếp:

– Vậy Chúa Giêsu là ai?

Với vẻ hãnh diện chú bé trả lời trôi chảy:

– Thưa, Ngài là Đức Chúa Trời.

Đức Piô X quay về phía cha mẹ đứa trẻ đang tỏ vẻ ngỡ ngàng, ngài nói:

– Sáng mai các con hãy đưa bé đến dự lễ, chính tay cha sẽ cho nó rước lễ lần đầu.

Đức Piô X cũng đổi mới Giáo Hội qua nhiều việc làm kỳ diệu khác. Nhưng đặc biệt, ngài là vị thánh của trẻ nhỏ. Hằng năm Giáo Hội mừng kính Ngài vào ngày 21 tháng 8.

## **Bà Mẹ Kiên Nhẫn: Thánh Monica (27/8)**

Sống trước chúng ta những 16 thế kỷ, nhưng gương kiên nhẫn của bà đáng muôn đời soi chung. Tên bà là Monica, một vị thánh của Giáo Hội Công Giáo, được mừng kính hằng năm vào ngày 27 tháng 8.

Monica sinh năm 332 tại Tagaste, miền Bắc Phi Châu. Vui sống dưới sự chăm sóc của đôi cha mẹ Công Giáo đạo đức, Monica sớm trở thành cô gái ngoan hiền, sốt sắng, yêu cầu nguyện và hãm mình.

Năm 22 tuổi, Monica vâng lời cha mẹ kết hôn với Patricius, một người ngoại đạo dòng dõi quý phái, nhưng tính tình lại ngang tàng độc ác. Tuổi chàng gấp đôi nàng! Với tính hiền lành và kiên nhẫn, Monica đã biến cuộc hôn nhân "khập khễnh" thành êm đềm. Ít năm sau, người ta hỏi nàng làm cách nào có thể "sống chung hòa bình" với một người chồng cộc cằn như thế. Nửa đùa nửa thật, Monica trả lời:

– Tất cả bí quyết là hãy coi sự ràng buộc hôn nhân như một thân phận nô lệ, và khi ông chủ nổi nóng thì đừng có cãi lại!

Thực sự, nàng không bao giờ cãi lý với chồng, nhưng luôn vâng lời chàng cách dễ thương.

Monica sinh được ba người con: Hai cậu trai Tên Augustinô và Navigius, một cô con gái tên Perpetua. Dù làm dâu trong một gia đình ngoại đạo, nhưng Monica đã chu toàn sứ mệnh làm mẹ, biết giáo huấn con cái sống đời mến Chúa yêu người. Nàng tha thiết yêu các con, đặc biệt thương Augustinô. Nhưng oái oăm thay, càng lớn, Augustinô càng tỏ lộ nhiều tính hư tật xấu. Cậy vào trí khôn thông minh, Augustinô đâm ra lười biếng. Được học tiếng La Tinh và Hy Lạp, Augustinô bắt đầu đọc các tác phẩm vô luân viết bằng hai thứ tiếng đó. Cuộc đời Augustinô ngày càng xuống dốc với những lần gian dối, lường gạt cha mẹ, ăn trộm ăn cắp, rồi tiến dần đến say mê lạc thú, ham mê danh vọng. Nhất là từ khi được gửi học ở tỉnh khác, ảnh hưởng ngoại giáo càng đè nặng trên Augustinô, đến nỗi Augustinô đã theo bè rồi Manikê chống lại Đức Tin Công Giáo. Còn gì xé nát con tim Monica hơn khi bà thấy đứa con cưng của mình ngày càng tiến sâu trên đường tội lỗi! Nước mắt thương đau đã chảy quá nhiều! Nhưng đầy niềm cậy trông nơi Tình Thương

Thiên Chúa, Monica gia tăng việc lành và hy sinh hãm mình để cầu nguyện cho chồng cho con.

Hai mươi năm cầu nguyện, nhịn nhục và làm gương sáng cho chồng nay đã đơm hoa kết trái. Patricius khuất phục ơn Chúa, xin học đạo và lãnh nhận Thánh Tẩy. Sau khi xây lại cuộc đời, Patricius sống bình an với Chúa, để rồi một năm sau đó ông chết lành thánh. Monica ngàn lần tạ ơn Thiên Chúa về đặc ân đó.

Lúc này, Augustinô đang theo học tại Carthage (Bắc Phi) và rất nhiệt thành với bè rối Manikê. Nước mắt bà mẹ đáng thương Monica càng chảy nhiều hơn để níu kéo tình thương Chúa hoá cái tấm lòng chai đá Augustinô. Một hôm, qua giấc chiêm bao, một thiên thần nói với bà:

– Con bà sẽ trở lại!

Đây là niềm an ủi cho bà. Bà liền cậy nhờ nhiều vị Giám Mục và những người khôn ngoan thuyết phục Augustinô theo lẽ phải. Họ thường nói với bà:

– Với trí khôn thông minh, chính Augustinô sẽ tự khám phá sự sai lầm của mình.

Nhưng Monica vẫn nài nỉ một vị Giám Mục giúp đỡ, ngài trả lời:

– Đứa con của quá nhiều nước mắt không thể hư đi được!

Khi Augustinô được 29 tuổi, chàng nói với mẹ là sẽ sang Rôma dậy học. Monica tự nghĩ: làm cách nào để giúp đỡ Augustinô khi xa nhà như vậy? Tốt hơn là hấn đừng đi, hay ít ra mình cùng đi với hấn! Nhưng Augustinô không thích như vậy, chàng đã lập mưu đánh lừa mẹ, để rồi một mình xuống tàu vượt biển trước ánh nhìn quặn đau của mẹ.

Tại Rôma, Augustinô nghe nói thánh Ambrôsiô, Giám Mục thành Milăng giảng rất hay, chàng lần mò đến Milăng để xem thực hư ra sao. Từ những bài giảng của Đức Cha Ambrôsiô, chàng dần dà khám phá những chân lý Đức Tin Công Giáo mà chưa một lần chàng được nghe. Chàng bắt đầu đặt lại vấn đề giáo thuyết bè Manikê, rồi quyết định xa lìa bè rối dần dần.

Trong khi đó, bà mẹ kiên nhẫn và đáng thương của Augustinô liều nguy hiểm, vượt biển tới Milăng đoàn tụ cùng con. Thấy ảnh hưởng tốt của Đức Cha Ambrôsiô trên con mình, Monica rất vui mừng và hy vọng sẽ thấy Augustinô trở lại với Chúa trước khi bà nhắm mắt già từ cõi thế. Bà tăng gấp đôi lời cầu.

Được Đức Cha Ambrôsiô giúp đỡ, Augustinô dần dà thấu hiểu Giáo Lý Công Giáo. Cuối cùng, trí khôn chàng đã khuất phục chân lý, nhưng ý chí vẫn bị trôi buộc. Vì trở thành một Kitô hữu nghĩa là phải giữ các giới răn và phải từ bỏ chính mình. Chàng cảm thấy quá sức! Augustinô do dự, phân vân. . . Chàng không muốn bỏ mất Thiên Chúa, Đấng chàng tìm kiếm bao năm, nhưng xác thịt lại quá nặng nề! . . . Giữa cơn đè nén khổ đau, chàng bật lên tiếng khóc van nài Thiên Chúa đừng bỏ rơi chàng! Lập tức, Augustinô nghe tiếng trẻ thơ vô hình nói với chàng:

– Hãy cầm lấy mà đọc!

Gần đó có một cuốn Thư Thánh Phaolô Tông Đồ, chàng vội cầm lấy và đọc. . . Từng đợt sóng bình an tràn ngập tâm hồn Augustinô. Chàng được sức mạnh nhất quyết già từ tội lỗi. Thiên Chúa đã hoàn toàn chiếm đoạt tâm hồn chàng. Nước mắt Monica đã không chảy ra vô ích.

Lễ Chúa Phục Sinh năm 387, Augustinô cùng một số bạn hữu cúi đầu trước giếng rửa tội lãnh nhận Thánh Tẩy. Linh hồn Monica ngập lụt vui mừng! Sau đó ba mẹ con chuẩn bị đáp tàu về Phi Châu. Tại hải cảng Ostia nước Ý, Monica nói với con:

– Giờ đây mẹ không ước mong sự gì nơi trần gian này nữa? Mọi nguyện vọng của mẹ đã được hoàn thành.

Năm ngày sau, Monica ngã bệnh, bà nói với Augustinô và Navigus:

– Các con hãy chôn mẹ tại đây!

Nhưng Navigus không bằng lòng:

– Không được mẹ ơi! Chúng con không thể chôn xác mẹ nơi đất khách quê người!

Thực sự, sinh thời Monica thầm mong được an nghỉ bên cạnh Patricius, chồng bà. Dầu vậy, bà cũng nhìn Navigus cách trìu mến rồi nói:

– Hãy chôn vùi thân xác mẹ bất cứ nơi đâu. Đừng bận tâm về nó! Mẹ chỉ xin các con một điều là nhớ cầu cho mẹ mỗi khi các con dâng Thánh Lễ.

Chín ngày sau đó Monica tắt thở và được chôn cất tại Ostia.

Đám tang mẹ, Augustinô không khóc, vì mẹ chàng đã chết rất thánh thiện. Nhưng khi âm thầm hồi tưởng lại tình yêu hải hà của mẹ đối với chàng và các em, chàng bật khóc nức nở cho người mẹ yêu quý đã khóc quá nhiều vì chàng! Chàng viết trong cuốn Tự Thú:

– Lạy Chúa, sở dĩ con được làm con Chúa, là vì Ngài đã ban cho con một người mẹ như thế đó!

## **Cứu Đời: Thánh Vinh Sơn de Paul (27/9)**

Vào một ngày trong năm 1600, tại ngôi làng nhỏ miền Nam nước Pháp, người người hớn hờ vui mừng. Họ hân hoan, hãnh diện vì một người trong dòng họ De Paul chịu chức linh mục khi mới 19 tuổi. Tên vị Linh Mục trẻ là Vinh Sơn. Họ kháo náo bàn bạc với nhau về tài trí, sức khỏe, tính cương nghị và lòng đạo đức của cha mới. Mọi người đều đồng ý rằng Vinh Sơn sẽ là một vị Linh Mục thánh thiện, tốt lành.

Sau khi thụ phong Linh Mục được 5 năm, cha Vinh Sơn có việc phải đi Marseilles. Khi hoàn tất công việc, Cha đáp tàu trở lại xứ nhà. Nhưng không may, tàu của Cha bị bọn hải tặc Mahommed cướp phá, lấy hết đồ đạc hàng hóa, bắt tất cả hành khách và thủy thủ đoàn làm nô lệ, rồi đem bán tại Phi Châu.

Phố chợ thành Turins thật ồn ào, nóng nực và bần thiêu. Một đầu phố người ta trưng bày mọi thứ xa hoa: nào da thú, nào vải lụa đủ màu, nào đồ vàng bạc, nào hoa cảnh xinh tươi; nhưng tận cuối phố, một cảnh mua bán người cũng không kém phần tấp nập. Người ta xem xét, trả giá, thử người như thử những chiếc máy sồng; họ xem răng, bắt nhẩy thử như những con bò con trâu. . . Cha Vinh Sơn cũng thuộc thành phần nô lệ xấu số đó.

Cuối cùng, một người thuyền chài đã mua được Vinh Sơn. Nhưng ông này thấy Vinh Sơn đẹp trai và tài khéo nên đem bán lại cho một y sĩ với giá gấp đôi! Thế rồi ngay trong năm đó vị y sĩ chết, người nô lệ tên Vinh Sơn lại bị đổi chủ. Ông chủ mới là một Kitô hữu, nhưng như chiêm lạc xa đàn! Cha Vinh Sơn biết điều đó, nên tìm cách chinh phục, và cuối cùng tỏ cho ông biết mình là Linh Mục. Sau đó ít lâu, cả tứ lẩn chủ cùng đi về Pháp, tại đây, ông chủ sồng đời còn lại trong xám hối.

Về tới quê nhà, Cha Vinh Sơn được chỉ định coi sóc một xứ đạo nghèo nàn và tồi tàn cả về vật chất lẫn tinh thần, đến nỗi không một Linh Mục nào muốn đến nhận xứ đó! Tuy nhiên, dưới sự chăm sóc và lòng từ ái, thánh thiện của Cha Vinh Sơn, đàn chiên đáng thương đã dần dần trở về nẻo chính.

Ngoài công việc giáo xứ, Cha Vinh Sơn còn đi thăm bên tàu, nơi đây, các tù nhân phải phục dịch dưới tàu như bọn nô lệ. Điều kiện thể lý của họ cũng

đáng thương như tình trạng tinh thần. Nếu họ yếu bệnh không làm việc được, liền bị đưa lên bờ ném vào tù. Tại đó, họ phải mang xiềng sắt, nằm trong các xà lim tối tăm ẩm thấp, cho tới khi thiên nhiên chữa họ khỏi bệnh, hoặc cái chết tới giải thoát họ! Cha Vinh Sơn thường thăm viếng những người xấu số này, cho họ ăn, và chỉ giáo cho họ. Về sau ngài mua một ngôi nhà rồi biến thành nhà thương, dành riêng để chăm sóc bọn tù đáng thương đó và những người bệnh hoạn khác.

Ngoài ra, Cha Vinh Sơn còn đến tận những ngôi làng xa xôi hẻo lánh, nơi ít khi thấy bóng dáng vị Linh Mục. Tại đây Cha dậy dỗ, rao giảng lời Chúa, chinh phục người ngoại giáo. Thực ra, phải cần rất nhiều Linh Mục làm công việc này, vì *"lúa chín đầy đồng, nhưng thợ gặt lại ít"*. Do đó, năm 1632, được sự chấp thuận của Đức Giáo Hoàng Urbanô III, Cha Vinh Sơn lập Dòng Các Cha Thừa Sai (*thường gọi là các Cha Dòng Vinh Sơn*). Và một năm sau đó, cùng với thánh nữ Louise de Marillac, ngài lập Dòng nữ Tử Bác Ái!. Đây là cộng đoàn các nữ tu chuyên chăm sóc những người nghèo nàn, bệnh tật, tù nhân, và các trẻ mồ côi. Ngài bắt đầu lập thêm nhà, xây thêm bệnh viện. Rồi chẳng bao lâu, số Linh Mục ngày càng cần thiết cấp bách hơn, Cha Vinh Sơn phải thiết lập chủng viện để đào tạo Linh Mục.

Để thực hiện những chương trình cứu đời của ngài, Cha Vinh Sơn cần có nhiều tiền. Rất may, nhiều bậc mệnh phụ chẳng những giàu của lại giàu tình thương, họ thu góp tiền của, tiếp tay với Cha Trong việc giúp đỡ người nghèo và các bệnh nhân đáng thương. Ngoài ra Cha còn xuất bản một tờ tạp chí mang tên *"Tạp Chí Bác Ái"*, do chính tay ngài viết và in lấy. Tiền thu được do tờ tạp chí, Cha Vinh Sơn dùng để tổ chức những trạm phát cháo cho những người nghèo đói nhất thuộc xã hội Pháp.

Như các bậc vĩ nhân xưa nay, Cha Vinh Sơn cũng bị một số người thù ghét, họ bịa chuyện phao tin rằng Cha dùng tiền dâng cúng để phục vụ cho mục đích riêng tư. Tuy nhiên tin đồn nhảm này chẳng mấy chốc đã tan biến. Dân chúng đều nhận thức được đức tính cao thượng và tình yêu thương vô vị lợi của ngài đối với người nghèo.

Chăm sóc những người nghèo khổ, bệnh tật, bị bỏ rơi là trung tâm điểm cuộc sống của Cha Vinh Sơn. Tất cả đều là anh em của ngài trong Chúa Kitô và với Chúa Kitiô, Đấng ngài kết hợp mật thiết qua công việc bận rộn ban ngày cũng như qua những giờ nguyện cầu sốt sắng ban đêm. Một mình ngài làm

việc bằng cả chục người khác, nhưng ngài không hề quên sót việc cầu nguyện và suy ngẫm. Tình yêu Chúa Kitô chính là động lực thúc đẩy ngài xả thân vì đồng loại.

Cha Vinh Sơn luôn khỏe mạnh, hăng say làm việc bác ái cho tới năm 79 tuổi. Thế rồi cơn cảm sốt đến hành hạ cơ thể ngài tới chết. Ngài giã từ cõi thế ngày 27 tháng 9 năm 1660, và được phong thánh năm 1737. Năm 1885 thánh Vinh Sơn được tôn làm Quan Thầy các tổ chức Bác Ái.



## **Người Anh Em Hèn Mọn: Thánh Phanxicô Assisi (4/10)**

Là phu nhân của một thương gia giàu có chuyên nghề bán vải tại thành Assisi, bà Pica đang chờ đợi ngày chào đời của đứa con yêu dấu. Theo truyền thuyết, một người lạ đến nhà bảo bà hãy tới một chuồng bò để hạ sinh đứa trẻ tại đó. Là người giàu có sang trọng, bà Pica giật mình về ý kiến đó, nhưng sau nhớ lại chính Chúa Kitô cũng đã sinh ra nơi chuồng bò, đồng thời có sức nhiệm thúc đẩy bên trong, nên bà đã thực hiện như đề nghị của người lạ. Năm đó là năm 1182. Phanxicô thành Assisi cất tiếng khóc chào đời tại chuồng bò, cùng một cách thức như Con Thiên Chúa đã giáng sinh làm người.

Phanxicô lớn lên giữa sự giàu sang. Chàng luôn tươi vui yêu đời. Ba má rất hài lòng khi thấy chàng rất yêu thích hình ảnh một hiệp sĩ lực lưỡng với khí giới và áo giáp bóng loáng. Do đó, khi được mời tham gia cuộc chiến giữa người Assisi và Perugia, Phanxicô mừng quýnh! Nhưng chẳng may, khi giáp trận, người Assisi bị thua và Phanxicô bị bắt làm tù binh.

Đang khi Phanxicô ở trong tù, chàng chiêm bao, và một tiếng nói vô hình cho chàng biết một ngày kia chàng sẽ nổi danh và yêu mến trên khắp thế giới. Vịn vào giấc chiêm bao đó, Phanxicô cho mình sẽ trở thành một chiến sĩ anh hùng. Sau khi được trả tự do, Phanxicô vẫn còn đẹp trai và nổi tiếng giữa bạn bè. Tuy nhiên chàng có vẻ ít nói và nghiêm trang khác thường.

Trong thời gian đó, Phanxicô ngã bệnh trầm trọng, nhưng chàng kiên tâm chịu đựng. Hình như chàng dần nhận ra cuộc sống con người còn có sự quan trọng hơn các cuộc vui chơi. Tuy chàng vẫn tham dự những buổi liên hoan, dạ vũ, nhưng bạn bè đôi khi thấy chàng rút lui vào một chỗ với dáng vẻ suy tư.

Phanxicô vẫn còn tin tưởng mình sẽ trở thành một tướng lãnh tài ba. Nên khi có cuộc nổi dậy chống lại đế quốc Đức xâm lăng nước Ý, chàng liền xin nhập ngũ. Tuy nhiên, chỉ sau một ngày theo đoàn kỵ binh lên đường, cơn bệnh cũ lại tái phát. Tiếng nói vô hình lại đến với chàng trong giấc mơ, và lần này còn cho chàng hay chàng đã hiểu lầm giấc chiêm bao trước kia, vì chàng đang phục vụ người tớ chứ không phải phục vụ Ông chủ. Tiếng nói thúc chàng trở về nhà và chờ đợi đại cuộc sẽ được chỉ định cho chàng.

Về đến nhà, bạn bè cười nhạo chàng vì nói lảm mà chẳng làm nên cơm cháo gì! Phanxicô chỉ cười trừ. Cuộc sống chàng bắt đầu thay đổi. Tuy nhiên chàng vẫn còn đẹp trai và được quý mến, tuy những cuộc khiêu vũ và liên hoan vẫn còn bao vây chàng, và lại ba chàng thúc giục chàng tham dự vào công cuộc thương doanh, nhưng ơn Chúa vẫn theo đuổi chàng. Chàng dành nhiều giờ vắng lặng suy tư, và thường đến một hang ngoài sườn đồi cầu nguyện và suy gẫm.

Vốn là con người quảng đại, Phanxicô thường mau lẹ giúp đỡ người nghèo khổ. Nhưng lúc này chàng nhận thức rằng đó cũng chưa đủ, chàng phải làm cái gì hơn thế nữa. Chàng cảm thấy cần trao ban chính mình, thời giờ và sức khỏe. Chiếm hữu của cải lúc này đối với chàng là sự phiền toái. Do đó, chàng bán mọi sự mình có rồi phát tiền cho người nghèo khó và bệnh tật. Chàng hay đến cầu nguyện trước tượng Chuộc Tội tại nhà thờ thánh Đamiêng, một ngôi nhà thờ cũ nát. Một hôm, tượng Chuộc Tội từ trên Thánh Giá nói với chàng:

– Phanxicô ơi, nhà Cha đang đổ xuống. Con hãy xây dựng nó lại.

Sung sướng vì được Chúa phán dạy, Phanxicô trao số tiền còn lại cho cha sở nhà thờ thánh Đamiêng trước sự ngỡ ngàng tột độ của ngài. Sau đó chàng vội vàng về tiệm lấy thêm vải của ba đem bán lấy tiền. Ba chàng bắt gặp! Ông nổi khùng vì những hành động điên rồ của chàng: nào ngủ ngoài hang như con vật, nào làm bạn với người nghèo như bọn lê dân, nào bố thí hết tiền của như kẻ bất cần đời??. Ông đem con ra tòa và tuyên bố từ con.

Phanxicô, một trang thanh niên quý phái giàu có, lúc này trở thành vô gia cư, quần áo rách rưới, đi xin ăn từ nhà này sang nhà khác. Tuy nhiên, chưa khi nào chàng được hạnh phúc như lúc này. Cả con người chàng tràn ngập tình yêu. Chàng yêu Chúa Trên hết, rồi đến yêu thương đồng loại. Chàng yêu chim chóc, dã thú, cây cối và hoa cỏ đồng nội. Chàng yêu gió, yêu mưa và ánh sáng vừng dương, vì tất cả là tạo vật của Thiên Chúa và chúng phô bày cho chàng sự tốt lành của Ngài. Ngoài ra, chàng chăm chỉ và tận tụy làm việc.

Sau khi hoàn tất sửa sang nhà thờ thánh Đamiêng, Phanxicô khởi công tu bổ nhà nguyện thánh Phêrô. Sau đó chàng lại tìm thấy một nhà thờ bị bỏ rơi: nhà thờ Đức Bà Thiên Thần. Chàng bắt đầu tự tay kéo đá, trộn hồ tu sửa lại nhà Chúa. Khi Thánh Lễ đầu tiên dâng trong nhà thờ Đức Bà Thiên Thần mới

trùng tu, tiếng nói vô hình lại đến với chàng, và lần này ra lệnh cho chàng hãy đi rao giảng khắp miền thôn quê.

Khi Phanxicô bắt đầu giảng cho dân chúng vùng Assisi, người ta nhạo cười chàng. Vì tò mò, họ đổ xô ra xem và nghe chàng giảng như xem một người điên. Nhưng sau đó họ cảm động về lời chàng giảng, để rồi chẳng bao lâu, một số người tình nguyện xin làm môn đệ chàng. Họ làm chòi gần nhà thờ Đức Bà Thiên Thần. Hàng ngày họ đi làm việc: nhóm thì làm ruộng làm vườn, nhóm thì đổi chác hàng hóa, nhóm đi khát thực, nhóm rao giảng và dạy dỗ dân chúng. Cộng đoàn ngày càng lớn mạnh, Phanxicô viết bản luật dòng thật ngắn gọn để hướng dẫn cuộc sống anh em trong cộng đoàn mà chàng gọi là những "*Anh Em Hèn Mọn*".

Hơn một lần, Thiên Chúa đã làm phép lạ để chứng tỏ Ngài yêu Phanxicô chừng nào. Chẳng hạn, lần kia khi Phanxicô đang giảng cho dân chúng thì đàn chim đậu trên các cây gần đó kêu inh ỏi, lần át cả lời ngài giảng, ngài liền hướng về đàn chim xin các "*chị*" chim đừng làm ồn để dân chúng có thể nghe Lời Chúa. Lập tức đàn chim im lặng. Chờ đến khi Phanxicô giảng xong và dân chúng ra về, đàn chim sà xuống bên Phanxicô, đậu trên vai, trên cánh tay và chung quanh ngài. Trong khi đó Phanxicô giảng cho chúng nghe về tình yêu bao la của Thiên Chúa đối với các tạo vật của Ngài.

Hội dòng Anh Em Hèn Mọn ngày một phát triển và lan rộng. Càng ngày càng đông người xin gia nhập. Các tu sĩ được cử đi truyền giáo tận Phi Châu, Á Châu. Nhiều vị được diễm phúc chết vì đạo. Hàng ngàn số người trở lại. . . Phanxicô không những chỉ sửa chữa những ngôi nhà thờ bằng gạch đá, nhưng ngài đã tu sửa và xây dựng chính Giáo Hội sau những ngày hoang tàn đổ nát.

Năm 1224, Chúa in năm dấu thánh trên tay chân và cạnh sườn Phanxicô. Hai năm sau đó ngài lâm bệnh rồi bị mù cả hai mắt. Trước giờ chết, ngài khuyên anh em trong hội dòng hãy nắm giữ tinh thần Nghèo Khó. Ngài xin anh em để mình nằm chết trên đất, xác phủ bằng một chiếc áo dòng cũ. Ngài trút hơi thở cuối cùng ngày 4 tháng 10 năm 1226.

Chỉ hai năm sau, ngài được phong thánh.

**Thánh Phanxicô và tình yêu Thập Giá**

Người Kitô hữu trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng có thói quen đi đàng Thánh Giá vào các mùa Phụng vụ trong năm, nhất là Mùa Chay, nhằm suy niệm mầu nhiệm khổ nạn của Chúa Giêsu. Qua việc đạo đức bình dân này, người ta muốn thông phần vào các đau khổ mà Chúa Giêsu xưa đã chịu để cứu chuộc muôn người; đồng thời, họ cũng cảm tạ tình yêu bao la của Thiên Chúa đối với con người. Và thập giá là bằng chứng của tình yêu cao cả ấy.

Kinh nghiệm của thánh Phanxicô về tình yêu thập giá Chúa Kitô là một bài học quý giá, giúp chúng ta sống phong phú hơn tâm tình của Mùa Chay thánh và hành trình bước theo Đức Kitô trong cuộc sống lữ hành.

Người ta vẫn thường cho rằng việc sùng kính Thánh Giá qua việc Đi Đàng Thánh Giá bắt nguồn từ thánh Phanxicô Assisi, đã được phong trào Phan Sinh về sau phổ biến rộng rãi và tồn tại đến hôm nay. Chúng ta không bận tâm đến tính xác thực của nhận định này, nhưng khi chúng ta chiêm ngắm cuộc đời của thánh Phanxicô, chúng ta dễ dàng nhận thấy rằng, mầu nhiệm thập giá đã gắn bó thân thiết với ngài trong suốt hành trình hoán cải và bước theo Chúa Kitô.

Thánh giá xuất hiện vào lúc khởi đầu cuộc đời hoán cải của thánh Phanxicô là giấc mơ về những vũ khí in hình thánh giá ở Spô-lê-tô, khi ngài đang trên hành trình tìm kiếm công danh như bao chàng trai khác, trong tư cách là một hiệp sĩ. Kể từ đó, ngài chọn con đường thập giá và nó đã theo ngài dọc suốt cuộc đời. Vào năm cuối đời, thánh Phanxicô được in năm dấu thánh trên thân ngài, ở đỉnh núi Alverna.

Chuyện “Những Bông Hoa Nhỏ” kể lại rằng: “Sáng tinh sương ngày 14 tháng 9 năm 1224, tức là ngày lễ Suy tôn Thánh giá, trên đỉnh Alverna đã xảy ra một phép lạ tân kỳ. Lúc mặt trời gần dãi lên nền trời những tia sáng vàng tươi, Phanxicô quì tựa lưng vào một tảng đá, hướng về phương đông, mắt tuôn đôi hàng lệ, ngài than thở: “Lạy Chúa, trước lúc qua khỏi đời này, con chỉ xin Chúa ban cho con hai ơn: một là, xin Chúa cho tâm hồn cũng như thể xác con cảm thông hết nỗi đau đến thâm Chúa chịu trong giờ tử nạn; hai là, xưa kia khi Chúa tử nạn, Chúa yêu loài người tội lỗi chúng con đến độ nào, thì xin cho lòng con cũng được yêu Chúa đến độ ấy”. Bỗng vụt như làn chớp, một thiên thần Chí ái tự trời bay xuống. Sáu cánh chói loà. Hai cánh phủ đầu, hai cánh dương bay và hai cánh khép che toàn thân. Thiên thần hiện

xuống đứng trên phiến đá, rõ hình một người chịu đóng đinh vào thánh giá. Thiên thần ấy chính là Chúa Giêsu tử nạn, mặc hình người hiện đến với Phanxicô. Ngài nhìn Phanxicô, đôi mắt như thiết tha, như thiêu cháy cả tâm hồn rồi vụt biến. Phanxicô quy xuống, ngất đi. Khi bừng tỉnh dậy, ngài thấy tay chân đã bị đinh đóng thấu qua. Đầu đinh tròn và đen nổi rõ giữa lòng bàn tay và trên mặt bàn chân. Đinh đóng thấu qua tay chân, mũi đinh quắp lại trên lưng bàn tay và giữa gan bàn chân. Ngực bên phải, cạnh trái tim, dẫu một lưỡi đòng đâm qua còn nguyên nét, máu chảy rịn rịt thấm ướt đến tận lớp áo ngoài”.

Có thể nói, cả cuộc đời thánh Phanxicô cô là một hành trình vác thập giá theo chân Chúa: “Ai muốn theo ta thì phải từ bỏ mình vác thập giá mình mà theo ta”. Và ngài đã được diễm phúc đón nhận năm dấu thánh như Chúa Giêsu năm xưa, nghĩa là được trở nên đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô chịu đóng đinh. Đó chính là đỉnh cao của tình yêu thập giá của thánh nhân với Đức Kitô chịu đóng đinh.

Một sử gia Phan Sinh đã nhận định rất hay về mối tình thập giá của ngài rằng: “Thánh Phanxicô ca ngợi không những cuộc khổ nạn của Chúa với tâm tình tri ân, nhưng là tất cả công trình cứu chuộc của Đức Kitô, trong đó tình yêu của Thiên Chúa đổ xuống trên chúng ta một cách thật rõ ràng. Đứng trước tình yêu bao la đó của Thiên Chúa, Phanxicô đã đáp trả bằng một tình yêu nóng bỏng và ngọt ngào trong trái tim người”.

Thật vậy, Thánh Giá mà chúng ta tưởng niệm trong phụng vụ, nhất là phụng vụ Mùa Chay như muốn minh chứng một chân lý cao cả: “Vì yêu thương chúng ta, Chúa Kitô đã không ngần ngại một hành vi nào, cho dù phải đổ máu và chết nhục nhã trên thập tự”. Chính vì thế, tình yêu của Thiên Chúa mới trở nên trọn vẹn đối với chúng ta. Một tình yêu mà chúng ta không thể hiểu thấu bằng lý trí, nhưng bằng cảm kích của con tim trong đời sống tâm linh. Điều này đã thể hiện trên cuộc đời và con người của thánh Phanxicô. Ngài đã hiểu, đã cảm nếm, và đã sống màu nhiệm Thánh Giá ấy bằng một tình yêu cháy bỏng và thắm sâu.

Hơn hai ngàn năm qua, người Kitô hữu, môn đệ của Chúa Kitô trong hành trình tiến về vĩnh cửu, không có con đường nào khác con đường thập giá. Nhưng con đường thập giá là con đường khó đi, gian khổ, khiến cho bao người phải ngập ngừng lui bước. Đúng vậy! nhưng qua cái chết của Chúa

Giêsu, một luồng ánh sáng đã chiếuọi vào từng nỗi khổ đau của con người và cho đau khổ một ý nghĩa mới: “Vì bản thân Người đã trải qua thử thách và đau khổ, nên Người có thể cứu giúp những ai bị thử thách” (Dt 2, 18). Thập Giá Chúa sẽ nâng đỡ chúng ta. Từ nay thập giá không còn là một chương ngại trong cuộc sống, nhưng là con đường tình yêu dẫn đến sự sống đích thực, nếu chúng ta dám hy sinh, chấp nhận mọi khổ đau trong cuộc sống với tâm tình yêu thương và vâng phục.

Trong hành trình đó, gương của thánh Phanxicô vẫn luôn soi đường chỉ lối cho chúng ta tiếp tục cuộc hành trình, với niềm tin yêu hy vọng được trở nên thủy chung với môi tình thập giá Chúa Kitô.

Lạy thánh Phanxicô, xin ngài ghi sâu trong lòng chúng con những nỗi thống khổ của Chúa Giê-su, đặt vào trong sâu thẳm con tim chúng con tình yêu nóng bỏng và ngọt ngào của Đức Kitô, để giúp chúng con yêu mến Ngài hơn, dâng hiến đời sống chúng con cho Ngài và để chúng con được cùng Ngài và anh chị em chúng con dự phần vào tình yêu thập giá của Ngài.

## **Phượng Hoàng Avila: Thánh Têrêsa Avila (15/10)**

Có tới mười một anh chị em ruột, nhưng xem chừng bé Têrêsa thân với Rodrigo nhất. Có thể vì Rodrigo xít xoát tuổi bé, nhưng nhất là vì cả hai cùng có một thích thú đọc truyện các thánh. Đối với hai trẻ tâm giao này, phúc Tử Đạo thật đáng thèm khát, chỉ bị hành hạ chốc lát, và rồi chắc chắn chiếm được nước thiên đàng. Lẹ làng biết bao! Lòng ước ao được tử đạo nung nấu hai tâm hồn thơ trẻ cách mãnh liệt, đến nỗi hai cô cậu bỏ nhà trốn đi, có ý sang xứ Moor để chịu tử đạo. Nhưng đi chẳng được bao xa, người nhà bắt gặp, đành phải trở về.

Sự ham ước làm thánh vẫn chưa nguôi, hai cô cậu cùng nhau quyết định sống "*ẩn tu*" trong khu vườn thuộc lâu đài của gia đình. Nhưng thật tiếc, hai "*vị ẩn tu*" này không tìm đủ đá để làm "*tu phòng*"! Cuối cùng cũng đành bỏ ý định "*tu rìng*".

Tuổi niên thiếu của Têrêsa đánh dấu nhiều đổi thay. Nàng ham thích đọc tiểu thuyết và các truyện tình. Làm quen với thế giới lãng mạn, nàng bắt đầu đua đòi ăn mặc và trang điểm, quên cả việc cầu nguyện một thời nàng đã say mê. Đúng trước sự thay đổi đường đột của cô con gái cung, cha nàng không khỏi băn khoăn, ông gửi nàng vào trường dòng các nữ tu Augustinô tại Avila. Ở đây, Têrêsa cảm thấy thích thú được sống dưới sự hướng dẫn của các chị dòng. Xem chừng nàng có thể vĩnh viễn sống tại đây. Nhưng sau hơn một năm học trường dòng, nàng trở nên yếu đau, cha nàng phải đưa về nhà chữa bệnh.

Sau khi bình phục, Têrêsa bất ngờ đọc quyển sách do thánh Giêrônimô viết. Những tư tưởng thực tế và nóng cháy chất chứa trong sách khiến nàng phải suy tư, và một lần nữa cuộc đời nàng lại thay đổi. Nàng quyết định đi tu dòng. Đưa câu truyện thân thưa với ba, nhưng cha nàng không bằng lòng, ông nói sau khi ông chết Têrêsa có thể đi tu như nàng muốn, nhưng lúc này thì không! Tuy nhiên, Têrêsa quả quyết Thiên Chúa đã gọi nàng. Đồng thời, sợ rằng không lập tức đáp lại tiếng Chúa, ơn Chúa ban cho nàng sẽ bị mai một. Bởi đó, nàng đành xé rách tình yêu ruột thịt gia đình, ban đêm bỏ nhà trốn đi tu Dòng Kín Avila.

Giờ đây Têrêsa đã trở thành một chị dòng kín. Tuy nhiên chị gặp nhiều ngãng

trở cầu nguyện, đôi khi còn bị bệnh tật giày vò! Thời đó, cuộc sống dòng kín đang trên đà lỏng lẻo sa sút. Khách vãng lai thường xuyên đến tu viện thăm hỏi và truyện trò với các nữ tu. Thói tục này khiến các nữ tu chia trí lo ra, khó bề kết hợp mật thiết với Chúa Kitô, người yêu duy nhất của họ. Như các bạn đồng tu, Têrêsa cũng đã phung phí thời giờ truyện vãn với thế gian! Nhưng một ngày kia, quì trước ảnh Giêsu Bạn Chí Thánh, chị vô cùng hối hận khi thấy mình chưa nhất tâm đi tìm "*Người Yêu*". Têrêsa quyết vùng lên để xây lại cuộc đời. Từ đó, chị chỉ sống cho một mình Chúa, bất chấp mọi thử thách đau khổ. Đáp lại, Đức Lang Quân Giêsu đã nhiều lần truyện vãn thân mật với Têrêsa. Những tư tưởng siêu nhiên do Thần Linh hướng dẫn, chị đã vâng lời cha giải tội ghi lại trên sách vở. Thiên Chúa dùng Têrêsa, nữ tiến sĩ nhỏ của Ngài để thực hiện chương trình cải tổ dòng kín.

Một lần, bằng con mắt thịt phàm trần, Têrêsa thấy một thiên thần mặt chiếu sáng rực rỡ, tay cầm ngọn giáo bằng lửa phóng vào tim chị. Lập tức một trận lửa tình yêu và thương đau thấm nhập từng thớ thịt, lan tỏa từng tế bào xác phàm của chị, Têrêsa ngất ngây trong tình yêu Thiên Chúa!

Têrêsa muốn giữ bí mật các cuộc tiếp xúc với siêu nhiên, nhưng người chung quanh đã nhận biết, họ đồn thổi khắp nơi. Nhiều người coi như "*con khùng*"! Số khác cho chị là giả hình! Tuy nhiên Têrêsa đã im lặng và khiêm nhường lãnh nhận thánh giá, quà do "*người Yêu*" trao tặng.

Têrêsa bắt đầu canh tân dòng kín. Chị lập hết tu viện này đến tu viện khác. Luật lệ khắt khe, cuộc sống nghèo lột xác, không khách vãng lai gây ngăn trở nội tâm. Tuy thế, các chí nguyện sinh xin gia nhập ngày một đông. Chính Têrêsa sống đời gương mẫu cho con cái, không những qua sự cầu nguyện mà cả công việc tay chân như thêu dệt, giặt dũ và thu dọn nhà cửa. Chị cũng đặt hết tin tưởng vào Thiên Chúa. Một lần đang lúc thành lập tu viện mới, nhưng Têrêsa chỉ còn vài đồng trong túi, chị nói:

– Têrêsa và mấy đồng này thì chẳng là gì; nhưng Chúa, Têrêsa và mấy đồng tiền này đã đủ!

Tâm hồn Têrêsa cũng tràn ngập chất "*tếu*". Nếu có ai nhạo cười không hài lòng về cuộc sống của một trong các tu viện chị lập, Têrêsa liền trả lời:

– Ôi giới! Quí vị thừa hiểu sự gì xảy ra khi một lũ đàn bà ở chung với nhau!



Họ chỉ như một đám khùng!

Chúa ban cho Têrêsa lòng can đảm của một nam nhân hòa trộn với sự hiền dịu, mềm mại đáng yêu của người thực nữ. Crashaw, một thi sĩ người Anh đã nói:

– Trong Têrêsa có sự nối kết đặc biệt của Phượng hoàng và chim bồ câu.

Têrêsa lúc này đã 65 tuổi. Chị lập được mười một tu viện và đã đương đầu với rất nhiều khó khăn. Tuy tuổi già sức yếu, nhưng thánh giá vẫn theo đuổi chị liên miên! Một trận cuồng phong chống đối nổi lên từ gia đình chị. Kết cục Têrêsa bị đưa ra tòa, tại đây các luật sư thi nhau chửi rửa chị cách thô bỉ! Chưa hết, người cháu ruột của chị hiện đang làm phó Bề Trên một nữ tu viện ở Valladolid nói chị hãy từ chức và đừng bao giờ vác mặt trở lại! Trước cảnh đau lòng đó, Têrêsa chỉ âm thầm ngậm đắng nuốt cay vì yêu Chúa.

Hai năm sau, mặc dầu đang yếu bệnh, Têrêsa vẫn gắng đi thăm một tu viện do chị thành lập. Vì quá yếu nhược, chị ngã gục khi vừa đến nơi, và chỉ sống thêm ba ngày nữa. Têrêsa trút hơi thở ngày 15 tháng 10 năm 1582, hưởng thọ 67 tuổi. Khi liệm xác, người ta khám phá một vết sẹo dài nơi lòng ngực do ngọn giáo lửa thiên thần đã phóng vào tim chị.

Têrêsa được phong thánh năm 1622, và được tôn làm Nữ Tiến Sĩ Hội Thánh năm 1970 do Đức Thánh Cha Phaolô Đệ Lục.

## **Chàng Linh Thương Người: Thánh Mạc-Tin Thành Turinô, GM (11/11)**

Bấy giờ là năm 325. Gia đình bé Mạc-Tin vừa rời nhà về Pivia nước Ý. Mạc-Tin đang say sưa chiêm ngắm khu vườn rộng thênh thang từ nay thuộc về gia đình mình. Đột nhiên bé nghe tiếng bọn con trai từ cuối vườn. Bé lần mò về phía có tiếng nói:

– Ê anh bạn! Ăn táo không? Chụp nè!

Mạc-Tin giật mình nhìn lên cành táo nặng trĩu những trái chín, một quả từ trên cây nhô đầu ra, nó ném một trái cho Mạc-Tin. . . . Rồi lại một cái đầu khác xuất hiện.

– Trèo lên đây anh bạn! Vườn này bỏ hoang, không ai rượt chúng mình đâu mà sợ!

Mạc-Tin ngập ngừng trong giây lát. . . . Bé muốn có bạn. . .

– Ba tôi bảo không được ăn cắp! Nhưng mấy anh cứ hái bao nhiêu cũng được, vì vườn này từ nay là của gia đình tôi.

Bọn trai từ trên cành tuột xuống đất. Chúng dương đôi mắt ngạc nhiên nhìn Mạc-Tin. Một quả ngòm ngoàm cắn táo mọng nước, vừa hỏi Mạc-Tin:

– Ba mày là ai?

– Ba tôi là Quân Đoàn Trưởng.

– Mày có đạo phải không? Mày có thuộc Giáo Lý không?

– Tôi không biết. Tôi mới ở Sabrara về đây.

Đột nhiên bọn con trai ù té chạy, bỏ mặc Mạc-Tin chậm rãi trở về nhà. Bé ngồi bên thềm nhà với dáng điệu suy tư. Mẹ bé chợt bắt gặp.

– Mày lại ngồi mơ mộng một mình đấy hả? Sao không đi tìm mấy quả bạn mà chơi?

– Thưa má, con sẽ tìm. Nhưng má ạ, "có đạo" nghĩa là gì?

– Mày quần trí rồi Mạc-Tin ạ! Đi tìm cái gì mà chơi! Câu hỏi khờ khếch của mày làm tao bực cả mình!

Mạc-Tin thờ dài. . . . Bé yêu má, nhưng má quá bận rộn. Ba bé thì cả ngày ở đồn lính. Không có ai khả dĩ trả lời hàng ngàn câu hỏi luẩn quẩn trong đầu bé.

Một ngày nắng ấm, Mạc-Tin lững thững bước vào ngôi nhà thờ? bé cảm thấy một luồng khí bình an tràn ngập nơi hồn bé. lát sau, một ông già đến nói với bé:

– Bây giờ chưa phải là giờ học Giáo Lý. Sáu giờ chiều cơ!

– Cám ơn ông, cháu sẽ trở lại lúc sáu giờ.

Mạc-Tin hồi hộp chờ đợi sáu giờ chiều. Bé không biết Giáo Lý là gì, nhưng bé biết nó liên quan với người có đạo.

Chẳng bao lâu Mạc-Tin đã chễm chệ ngồi giữa lớp Giáo Lý, toàn những đứa cùng tuổi với bé. Với trí thông minh, bé mau lẹ hiểu bài Giáo Lý đầu tiên. Vị Linh Mục rất hài lòng về những câu hỏi "*học búa*" của bé. Và từ đó ngày nào Mạc-Tin cũng đi học Giáo Lý. Bé học rất tiến tới.

Mẹ Mạc-Tin hài lòng khi thấy con mình chăm chỉ học bài, nhưng bà quá bận rộn nên không biết con học những thứ gì. Bà chỉ biết rằng Mạc-Tin mau mắn vâng lời hơn, vui vẻ hơn, chịu khó giúp mẹ hơn bao giờ hết. Bà rất thích những đứa bạn của Mạc-Tin thường hay đến nhà bà.

Khi Mạc-Tin lên 12 tuổi, một hôm cậu xin phép mẹ:

– Thưa má, xin má cho phép con nhập hội Giáo Lý.

– Mấy đứa bạn của con có ở trong hội đó không?

– Thưa má có.

– Vậy thì được!

Mạc-Tin rất vui mừng trước sự ưng thuận của mẹ. Từ đây cậu có thể đi dự Thánh Lễ như những trẻ có đạo.

Năm lên 15 tuổi, Mạc-Tin đã được nhuần thấm Đức Tin Công Giáo. Cậu quyết định sẽ hiến dâng đời mình để phụng sự Chúa. Nhưng Thánh Ý Chúa định khác. Ba Mạc-Tin một hôm nói với cậu:

– Hoàng đế Julianô mới ra lệnh: Con các sĩ quan có thể đi lính để được huấn luyện thành đoàn Bạch Quân của hoàng đế. Họ sẽ chiến đấu dưới quyền chỉ huy của hoàng đế. Họ được mặc áo khoác trắng bằng len quý giá. Vậy ngày hôm nay con nên tới phòng tuyển binh để ghi danh Mạc-Tin ạ!

– Con không đi lính đâu! Con là người có đạo, con muốn dâng mình cho Chúa.

– Có đạo!!! sao mày lắm cảm thế?

Tiếng ba Mạc-Tin vang động khắp gian phòng, ông vừa ngỡ ngàng lẫn bực tức về câu nói của Mạc-Tin. Nhưng Mạc-Tin im lặng.

– Được rồi, tao sẽ dạy mày biết cách phải vâng lời một vị sĩ quan như thế nào! Mày có tới phòng tuyển binh để ghi danh không?

– Không!

Không nói thêm một lời, ba Mạc-Tin lấy xích sắt xích cậu rồi lôi tới phòng tuyển binh bó buộc cậu phải ghi danh. Mạc-Tin được ghi danh như một sĩ quan tương lai khi cậu mới chỉ có 15 tuổi đời.

Sau đó ít hôm, Mạc-Tin nhận thức rằng phản ứng của cậu đối với ba không phải là phản ứng của người có đạo. Sau một phút phàn nàn cậu đến thưa với ba:

– Thưa ba, con đã ghi danh đi lính, con sẽ đi, và rồi ba sẽ hãnh diện về đứa con của ba.

Mạc-Tin có biệt tài gây tình bạn. Chàng rất vui vẻ. Tính "*tếu*" của chàng sẵn sàng chọc cười mọi người. Những anh lính trẻ gọi chàng là "*mát*". Họ không thể hiểu tại sao Mạc-Tin lại cho tiền những người ăn xin, tại sao anh ta lại từ

chối không đi nhậu trong các quán, hoặc đi chơi với bạn gái. Họ thường bắt gặp chàng ngồi đánh giấy cho anh em quân nhân, hoặc quì cầu nguyện ở một góc nhà.

Trong thời gian huấn luyện, Mạc-Tin được gửi sang Pháp. Một đêm, tại cổng thành Amiens, Mạc-Tin và các bạn gặp một người ăn xin thân mình trần trụi, run lập cập vì lạnh. Nhưng mọi người qua lại không thèm để ý tới tấm thân gầy guộc với hai cánh tay tím bầm vì lạnh đang giơ cao van nài của bố thí. Trong nháy mắt, Mạc-Tin tự nghĩ: "*Chúa Kitô đã sai người này đến với tôi, Ngài muốn tôi giúp ông ta*". Chàng xuống ngựa, cởi chiếc áo khoác ngoài bằng len, rồi dùng gươm rạch chiếc áo làm đôi. Một nửa Mạc-Tin khoác lên vai người ăn xin, còn một nửa chàng giữ lại cho mình.

Đêm đó, trong giấc mơ Mạc-Tin thấy Chúa Kitô mặc nửa chiếc áo khoác anh đã cho người ăn xin. Chàng cũng nghe thấy Chúa Phán:

– Tuy chưa có đạo, nhưng Mạc-Tin đã che thân Ta bằng nửa chiếc áo này!

*"Tuy chưa có đạo!"* Những lời này làm rối lòng Mạc-Tin. Chàng tự hỏi đây là những lời khen thưởng hay trách móc? Và ngày hôm đó chàng đã xin một Linh Mục rửa tội cho chàng. Mạc-Tin vừa được 22 tuổi.

Ngày sau lễ Rửa Tội, Mạc-Tin quì gối thề hứa với Chúa sẽ phụng sự Ngài như một lính chiến Chúa Kitô. Chàng tìm dịp để rời bỏ hàng ngũ quân đội Rôma. Chúa đã chấp nhận lời thề hứa của chàng.

Một hôm hoàng đế Julianô truyền lệnh:

– Để chấm dứt cuộc chiến lâu dài với tụi Pháp cứng cổ này, ngày mai chúng ta sẽ dàn trận. Trẫm sẽ thưởng tiền cho các khanh. Mỗi người phải trình diện theo hàng ngũ của mình.

Khi tới phiên trình diện, Mạc-Tin bước khỏi hàng rồi đồng dạc thưa:

– Tâu hoàng thượng, thần không muốn tiền thưởng. Từ trước tới giờ thần phục vụ hoàng thượng như một người lính, nhưng bây giờ thần xin hoàng thượng ban phép cho thần được rời bỏ hàng ngũ quân đội.

Hoàng đế Julianô trừng trừng nhìn Mạc-Tin.

– Tại sao?

– Tâu hoàng thượng, thần là người có đạo, thần không thích chiến tranh.

Hoàng đế Julianô đập bàn thịnh nộ:

– Đồ hèn nhát! Ngày mai ngươi phải ra chiến trường, nếu không ta sẽ dùng gươm cưỡi bách ngươi ra trận!

– Tâu hoàng thượng, điều đó không cần thiết. Thần đang chuẩn bị để đi tiên phong đạo quân không trang bị khí giới của thần. Thần sẽ ra trận nhân danh Chúa Kitô.

– Ta chấp nhận đề nghị của ngươi! Lính Nhót hấn vào tù đêm nay, để xem ngày mai hấn sẽ làm gì!

Đêm đó Mạc-Tin không ngủ, chàng cầu nguyện suốt đêm. Sáng hôm sau chàng được dẫn đến trước mặt hoàng đế. Tươi cười và bình thản chàng thưa:

– Tâu hoàng thượng, chúng ta không cần phải xuất trận nữa!

Cùng lúc đó, có sứ giả quân đội Pháp đến cầu hòa. Mạc-Tin thưa với hoàng đế Julianô:

– Chúa của người có đạo thật quyền năng, Ngài ban cho chúng ta chiến thắng mà không cần phải chiến đấu.

Hoàng đế Julianô vui mừng phán với Mạc-Tin:

– Ngươi được phép phụng sự Chúa của người. Ngươi có thể rời bỏ hàng ngũ quân đội trong danh dự.

Lòng Mạc-Tin tràn ngập vui mừng. Chàng cốt tìm một vị hướng dẫn tinh thần, và chàng đã gặp Đức Cha Hilariô, người đón nhận chàng trong tươi vui và dạy Thần Học cho chàng. Một hôm Đức Cha Hilariô nói với Mạc-Tin:

– Lúc này con đã đủ điều kiện để chịu chức Linh Mục.

– Thừa Đức Cha, con không xứng đáng!

– Vậy con có muốn phụng sự Chúa Kitô qua việc đặt tay trên bệnh nhân và những kẻ có tội không?

Mạc-Tin phải công nhận là chàng muốn, mặc dầu chàng cảm thấy mình bất xứng. Đức Cha Hilariô đã truyền chức Linh Mục cho Mạc-Tin.

Một đêm Mạc-Tin nằm mơ thấy ba má gọi cha. Cha liền xin phép vượt qua dãy núi Alps để đem Chúa Kitô đến với các Ngài. Mạc-Tin lưu lại gia đình tới khi thân mẫu của cha được chịu phép Rửa Tội.

Sau đó, Mạc-Tin đi giảng đạo khắp các vùng quê. Cha ăn mặc như một kẻ nghèo khó nhất. Cha đã làm nhiều phép lạ. Khoảng năm 371 dân chúng thành Tours nài xin Mạc-Tin lên làm Giám Mục. Mạc-Tin một mực từ chối, nhưng dân chúng đã lập mưu đưa cha đi thăm kẻ liệt, rồi thay vì đưa ngài tới nhà bệnh nhân, họ đưa cha vào nhà thờ, tại đó cha bó buộc phải nhận làm Giám Mục của họ.

Ngay sau khi làm giám Mục, Đức Cha Mạc-Tin đã hoạch định chương trình phá hủy các chùa miếu và các tượng thần ngoại đạo trong địa phận của ngài. Nhưng trước hết, ngài rao giảng Phúc Âm và làm nhiều phép lạ trước mặt dân ngoại.

Một lần Đức Cha Mạc-Tin tính hạ đổ một cây thông cổ thụ vẫn được dân chúng quanh vùng tin rằng có thần thiêng ngự trị. Một ông sãi ngoại đạo thách thức rằng: dân chúng sẽ tự tay chặt cây thông nếu ngài bằng lòng đứng bất cứ nơi nào họ muốn. Ngài đồng ý.

Những người thợ chuyên môn hạ cây đã biết rõ chiều cây đổ. Họ bắt Đức Cha Mạc-Tin đứng ngay chỗ mà họ tin rằng thân cây sẽ đè bẹp ngài. Rất đông người ngoại đạo tụ tập để quan sát.

Những nhát riềng chặt vào gốc cây ngày càng nhanh. Ngay sau tiếng "rắc" thứ nhất, cây thông khổng lồ từ từ ngã về phía Đức Cha Mạc-Tin. Hình như không gì có thể cứu ngài được nữa. Đức Cha lặng lẽ quay nhìn cây thông rồi làm dấu thánh giá. Đột nhiên thân cây cổ thụ tự chuyển hướng như có một sức mạnh vô hình đẩy ngược lại phía sau rồi ngã rầm xuống đất. Dân chúng

cùng với ông sãi ngoại đạo hết sức kinh ngạc, họ tin vào quyền năng của Thiên Chúa.

Lần khác Đức Cha Mạc-Tin ra lệnh phá đổ một ngôi đền. Một người đàn ông vô cùng căm phẫn xách gươm tấn công ngài. Mạc-Tin phanh ngực ra cho hắn đâm. Bất thành linh, hắn bị mất thăng bằng té ngửa ra đằng sau. Rất mực sợ hãi, hắn nài xin Đức Cha tha lỗi. Danh tiếng các phép lạ Đức Cha Mạc-Tin làm lan khắp nơi. Dân chúng theo ngài đông vô kể. Ngài thường phải ẩn mình một nơi kín đáo để cầu nguyện. Ngài đã trải qua những năm cuối đời tại một đan viện do chính ngài lập ở thành Tours, nước pháp. Ngài qua đời năm 397. Hàng năm Giáo Hội mừng kính ngài vào ngày 11 tháng 11.



## **Hoàng Hậu Tô Cách Lan: Thánh Margaret (16/11)**

Toàn lãnh thổ Anh Quốc xôn xao náo động khi hay tin nhà vua tử trận, ngai vàng rơi vào tay quân xâm lăng! Hoàng tử Edgar tuyên bố lên ngôi thế quyền vua cha chống giặc xâm lăng. Để tránh đổ máu, hoàng hậu Agatha và công chúa Margaret trốn sang Tô Cách Lan. Họ được vua Malcolm niềm nở tiếp đón. Sự đón nhận thân thiện và ấm cúng hơn khi vua Tô Cách Lan "phải lòng" Margaret, công chúa Anh Quốc.

Nàng công Chúa Margaret nhan sắc tuyệt vời; tính tình thùy my, đoan trang và trầm lặng. Chính những tư cách đó đã "thu hồn" nhà lãnh đạo Tô Cách Lan, vốn bản tính nóng nảy bùng bột. Tuy nhiên, Margaret đã khám phá nơi Malcolm sự chân thành đạo hạnh như những kho tàng quý giá ẩn sâu dưới bề mặt gập ghềnh như vùng đồi núi xứ Tô. Hai người yêu nhau. Lễ thành hôn cử hành năm 1070 vừa khi Margaret tròn 24 tuổi đời. Thật là ngày trọng đại cho toàn dân Tô Cách Lan nói chung và cho vua Malcolm nói riêng. Margaret trở thành Hoàng Hậu Tô Cách Lan.

Là người Công Giáo chân chính, ngay từ khởi đầu cuộc đời hôn nhân, Margaret đã hướng tâm trí chồng vào công cuộc từ thiện bác ái. Tay nàng luôn mở rộng, đón nghe lời van nài của người nghèo khổ. Chẳng bao lâu, Margaret nhận thấy "quê hương thứ hai" của nàng cần phải đổi thay. Vì trong nhiều trường hợp, Linh Mục cũng như giáo dân lơ là việc thực hành Đức Tin. Sự giáo dục trẻ em bị bỏ rơi. Việc giữ chay và mừng kính các ngày lễ đã dần rơi vào quên lãng.

Ngoài sắc đẹp duyên dáng và lòng đạo hạnh đáng yêu của vợ, vua Malcolm còn thấy Margaret có một trí thông minh xuất chúng, biết nhìn xa trông rộng. Bởi đó, nhiều lần Malcolm đã tham khảo ý kiến nàng về việc nước và trao đặt công cuộc ích quốc lợi dân nơi tay nàng.

Công việc đầu tiên nhân danh quyền bính của chồng, Margaret kêu gọi họp công đồng toàn quốc. Các vị Giám Mục và Linh Mục trong nước hội họp và bàn luận để chấn chỉnh cách sống đạo của Giáo Hội Tô Cách Lan. Kết quả trông thấy! Giáo Hội Tô Cách Lan ngày một cải tiến. Người ta xây nhà thờ mới, sửa chữa nhà thờ cũ. Các nhà truyền giáo ngoại quốc được mời đến truyền đạo. Nhiều tu viện được thành lập, trong đó có đan viện Dunfermline

do chính hoàng hậu Margaret và vua Malcolm thiết lập. Con em được giáo dục chu đáo.

Dù bận rộn với đại cuộc nhưng Margaret không hề bê trễ việc gia đình. Nàng luôn thiết tha sủng ái và phục vụ chồng. Thêm vào đó nàng phải nuôi nấng và giáo dục 8 người con: 6 hoàng tử và 2 công chúa. Ngày ngày cung điện hoàng gia vang dội lời cầu kinh hai buổi sáng chiều. Nàng dạy các con yêu thương người nghèo khổ, chăm lo việc học hành, dạy chúng học lịch sử hai nước tổ tiên.

Vừa bước ra khỏi lâu đài, hoàng hậu Margaret liền được bọn nghèo khổ, kẻ túng đói, người tật nguyền vây quanh. Họ biết rõ lòng từ ái của nàng. Ai ai cũng được nàng tận tình giúp đỡ. Nàng đến từng căn nhà tồi tàn săn sóc bệnh nhân, thăm nom người nghèo. Giữa những công việc bề bộn hầu như không ngừng đó, Margaret luôn xếp giờ dự lễ, cầu nguyện và đọc Thánh Kinh hằng ngày.

Lúc này hoàng hậu Margaret đã 47 tuổi. Công việc nàng làm đã bằng cả chục người đàn bà khác. Sức nàng yếu kém dần. Thánh giá lần lượt đè trên vai. Vua Malcolm, chồng nàng, và hai hoàng tử phải xuất chinh bảo vệ giang sơn, chống giặc ngoại xâm. Quân ngoại bang quá lớn mạnh, lại thêm giặc nội công, nhà vua và quân đội Tô Cách Lan thật vất vả để chống đỡ giang sơn.

Tại hoàng cung, hoàng hậu Margaret đang bệnh nặng. Nàng thiết tha cầu cho chồng và hai con. Nàng dâng mọi nỗi thương đau bệnh tật, nguyện cầu cho cuộc trở về an toàn của chồng con, cách riêng cho phúc lợi tinh thần của họ.

Một hôm, một thân hình xác xơ, thiếu não, mình đầy thương tích, xuất hiện trước cửa phòng hoàng hậu. Đó chính là hoàng tử Edgar, con nàng. Với bộ mặt rướm máu, phủ bụi đường, Edgar tiến đến bên giường mẹ, gồi quì trong trầm mặc thương đau! Margaret đã cảm biết sự thật phũ phàng, nhẹ nhàng hỏi con:

– Cha con thế nào?

– Mẹ ơi, cha và Edward đã tử trận!

Nói xong, hoàng tử Edgar vùi mặt khóc thảm thương. Hoàng hậu Margaret

thều thào trong hơi thở:

– Chúa ơi, còn đau thương nào lớn hơn đau thương này!? Cầu mong thánh giá này thanh tẩy con khỏi mọi tội nợ!

Sau khi an ủi Edgar và gọi đầy tớ băng bó vết thương cho chàng, Margaret cho mời cha tuyên úy đến.

– Hai điều tôi xin cha, bao lâu cha còn sống, xin vui lòng nhớ cầu cho linh hồn hai vợ chồng tôi qua Thánh Lễ và kinh nguyện hằng ngày; đồng thời trông nom các con tôi, dạy chúng biết Chúa và thực hiện Thánh Ý Ngài.

Sau khi cha tuyên úy hứa thi hành các điều hoàng hậu xin, Margaret xưng tội và rước Mình Thánh Chúa lần sau hết. Thế rồi linh hồn nàng an bình giã từ vương quốc bé nhỏ vừa bị xé rách nơi trần gian, để bay về vương quốc vĩnh cửu thần tiên trên trời. Hôm đó là ngày 16 tháng 11 năm 1093, bốn ngày sau khi vua Malcolm và hoàng tử Edward tử trận.

Hoàng hậu Margaret được chôn cất tại nguyện đường đan viện Dunfermline, và được phong thánh năm 1250.

## **Ông Già Noel: Thánh Nicholas (6/12)**

Thành Patara thơ mộng, một thành phố cổ thuộc miền Tiểu Á, ngày nay nằm ở vùng nam duyên hải Thổ Nhĩ Kỳ. Trên ngọn đồi, Nicholas ngồi bên tảng đá, chàng hết ngắm nhìn biển xanh rồi lại quay nhìn ngôi nhà xinh xắn của chàng. Rất nhiều lần chàng đã ngắm nhìn như thế, nhưng hôm nay chàng mới để ý nhà chàng đẹp và sang trọng nhất thành. Chàng liên tưởng tới song thân đạo hạnh mới lần lượt vĩnh biệt chàng đi vào thế giới vô hình, để lại cho chàng một gia tài kích xù. Chàng nhớ đến những chiếc rương nặng, đầy vàng bạc và châu báu đang khóa kỹ tại kho tàng nhà chàng....

Nicholas chậm rãi hướng cặp mắt lên bầu trời muôn màu sắc lúc hoàng hôn, chàng thầm thí cầu nguyện:

– Lay Chúa, Ngài biết rằng con không cần đến mọi của cải đó. Con ước ao phụng sự Ngài. Xin Ngài dạy con phải làm gì!

Nicholas hiểu rằng Chúa sẽ không trực tiếp trả lời chàng, nhưng chàng tin rằng Ngài sẽ đáp lại lời nguyện cầu của chàng bằng cách này hay cách khác. Vì thế, chàng chờ đợi...

Một hôm, Nicholas cỡi ngựa qua một xóm nghèo. Bọn trẻ quần áo xác xơ, cả lũ ngừng chơi nhìn chăm chú vào chàng thanh niên đẹp trai cỡi trên lưng con ngựa quý. Lập tức, Nicholas đọc được trong những đôi mắt và trên thân hình gầy gò của chúng sự nghèo túng, đói khát và đáng thương. Đột nhiên chàng nhớ lại lời Chúa Kitô: “Các con làm điều gì cho một kẻ bé mọn nhất trong anh em Ta đây, chính là các con làm cho Ta”. “Những kẻ bé Mọn! Các trẻ nhỏ!” Nicholas tự nghĩ, “Chúa muốn tôi giúp đỡ các trẻ nhỏ”. Lập tức chàng quay ngựa đi thẳng đến phố chợ. Tại đây, chàng mua sắm những quần áo sặc sỡ, những đôi giày đủ màu đủ cỡ, rồi chàng xin những người bán hàng chất các rổ, các thùng với mọi thứ thịt thà, bánh kẹo, hạt giẻ và trái cây. Đồng thời chàng nhờ họ giữ thứ đó cho tới khi chàng trở lại.

Đêm ấy, khi thành phố đã yên giấc, bọn trẻ đã ngủ say, Nicholas bí mật đi từ nhà này sang nhà khác, qua những cửa sổ mở trống, chàng đặt trên sàn nhà từng chiếc rổ, chiếc thùng đầy ắp những bánh quà, thịt thà và quần áo. Chàng không quên bóc những nắm kẹo và hạt giẻ bỏ vào những đôi giày mới để gây

ngạc nhiên cho bọn trẻ.

Cứ thế, từ hôm này qua hôm khác, ban ngày Nicholas đi tìm kiếm kẻ nghèo đói, đêm đến chàng rảo qua các nhà, bí mật bỏ lại những món quà.

Chẳng mấy chốc, người trong thành đã xôn xao bàn tán, họ hỏi nhau:

– Ai là người đã bí mật trao tặng chúng ta những món đồ cần thiết, mà chúng ta không hay biết?

Khi nghe được những lời bàn tán của dân chúng, Nicholas tạm ẩn mặt một thời gian. Chàng chỉ muốn một mình Chúa biết việc chàng làm. Chàng tự nghĩ: “Nếu mình nhận lời cảm ơn về việc mình làm, thì ra như đã nhận công thưởng đời này rồi!”

Ngày kia, Nicholas nghe kể về một người bạn của cha chàng, ông ta cũng là người thành Patara, nhưng làm ăn suy sụp. Do sự suy sụp này ông ta không đủ tiền để sắm sửa cho ba cô con gái đã đến tuổi thành hôn. Ông ta dự tính sẽ gửi cả ba đứa con vào làm cho một tửu quán gần nhà, để chúng có thể kiếm tiền lập gia đình. Khi nghe câu chuyện, Nicholas tỏ ra rất bức tức, vì cũng như mọi người trong thành, chàng biết rằng người chủ quán là một kẻ tội lỗi. Những nàng con gái làm trong tửu quán đó không khỏi đi theo đường tội!

Ngay đêm đó, Nicholas bỏ đây một túi nhỏ những đồng tiền vàng, đi thẳng tới nhà người bạn của cha chàng. Qua cánh cửa sổ đang mở, chàng thấy túi vàng trên bàn, nơi người con gái lớn đang ngồi. Khi nghe tiếng la sùng sốt của cô con gái vì túi vàng bỗng rụng từ đâu bay tới, Nicholas lạnh lẽo trốn mất! Không lâu sau đó, chàng nghe kể cô ta đã lập gia đình trong hạnh phúc. Nhưng hai cô em còn ở lại nhà vì chưa có tiền!

Rồi chẳng bao lâu, Nicholas lại lần mò đến, chàng thấy một túi vàng khác vào chỗ cô gái kế, và cũng nhờ túi vàng này, người con gái lập được tổ ấm hạnh phúc.

Thời gian kén rề cho cô con gái út đã đến, đêm nào cũng thế, người cha cẩn thận rình mò gần cửa sổ. Ông nói với cô con gái cung:

– Ba cần phải biết ai đã giúp đỡ chúng ta, để chúng ta còn nói với người một

lời cảm ơn.

Đêm đó, Nicholas lại bí mật ném túi vàng thứ ba qua cửa sổ. Nhưng bỗng nhiên tay chàng bị nắm lại. Chàng bị bắt quả tang!

– À thì ra anh Nicholas, chính anh là người đã cho chúng tôi những túi vàng! Chúng tôi cần phải biết vị ân nhân của chúng tôi. Xin mời anh vào trong nhà, để chúng tôi còn tỏ lòng biết ơn anh.

– Không! Không! Tôi không muốn việc tôi làm bị bại lộ. Cách tốt nhất ông tỏ lòng biết ơn tôi là xin hứa với tôi, sẽ không bao giờ nói cho ai biết việc tôi đã làm.

Sau đó, Nicholas chẳng những dâng hiến của cải và thời giờ cho Chúa, chàng còn dâng mình để trở thành một linh mục. Rồi một thời gian sau, ngài được chọn làm Giám Mục thành Myra, không xa Patara là bao. Lòng nhân ái và quảng đại đối với người nghèo của Ngài đồn ra khắp nơi.

Người ta kể rằng, một đêm bão tố khủng khiếp tại biển Aegean, Nicholas cứu nguy một chiếc tàu đã hầu chìm đắm nhờ kêu cầu sự trợ giúp của Thiên Chúa. Do câu chuyện này, các thủy thủ ở miền đó thường kêu tên Nicholas trước các chuyến hải hành. Họ chúc nhau một cuộc hành trình tốt đẹp khi nói:

– Xin thánh Nicholas cầm lái!

Nhiều huyền thoại xoay quanh cuộc đời Đức Giám Mục Nicholas, Đáng sau này đã được phong thánh. Cùng với thánh Anrê Tông Đồ, Ngài là Quan Thầy nước Nga. Tại Đức, Thụy Sĩ và Hòa Lan người ta tỏ lòng tôn kính thánh Nicholas bằng nhiều tục lệ tốt đẹp. Dần dà, Ngài đđ được coi như một vị thánh của trẻ nhỏ.

Trong đêm vọng lễ kính Ngài, ngày 6 tháng 12, trẻ em thuộc nhiều quốc gia đặt giày của chúng ra ngoài nhà để cho thánh Nicholas bỏ đầy kẹo bánh và đồ chơi. Nếu chúng vẫn tỏ ra ngoan ngoãn, chúng có quyền hy vọng như vậy.

Người Hòa Lan đã đem những tục lệ này vào Mỹ. Thánh Nicholas hay “Saint Klaus” của người Hòa Lan từ đó được biết như “ông già Noel” (Santa Claus). Rồi thay vì đặt giày ra ngoài nhà vào đêm vọng lễ thánh Nicholas, các trẻ em

Mỹ treo những đôi vớ của chúng vào đêm Sinh Nhật để được “ông già Noel” bỏ đầy kẹo bánh và đồ chơi.

Thánh Nicholas qua đời tại Myra vào thế kỷ thứ 4. Nhiều nhà thờ tại Á Châu và Âu Châu được xây dựng để kính nhớ Ngài. Thế kỷ 17, khi quân Thổ Nhĩ Kỳ tấn công Myra, nước Ý. Người ta đã di hài cốt Ngài về táng tại Pari, nước Ý và tại đó hài cốt Ngài vẫn còn tồn tại đến ngày nay.

## **Bước Qua Thân Con: Thánh Gioanna đệ Chantal (12/12)**

Gioanna sinh tại Dijon nước Pháp, là con nhà quý phái nhưng mồ côi mẹ từ lúc chưa đầy hai tuổi. Nhờ ơn dưỡng dục của cha, Gioanna có lòng mộ đạo từ tấm bé. Một hôm, người bạn của ba Gioanna nói với ông:

– Tôi không tin Chúa Giêsu ngự trong nhà tạm!

Gioanna mới 5 tuổi đời nhưng tỏ ra rất kinh ngạc trước lời đó. Bé phản đối:

– Nhưng thưa ông, ông phải tin Chúa Giêsu ngự thật trong Phép Thánh Thể, vì chính Chúa phán như vậy! Nếu ông không tin, ông cho Chúa là kẻ nói dối!

Ngỡ ngàng trước lý lẽ của Gioanna, ông khách bắt đầu chất vấn cô bé nhiều điều, nhưng Gioanna hiểu và thuộc giáo lý nên trả lời trôi chảy mọi điều ông hỏi. Cuối cùng, ông khách đành dỗi ngọt:

– Cháu có thích ăn kẹo không?

Gioanna nhận viên kẹo, lẳng lặng đi thẳng tới lò sưởi rồi ném viên kẹo vào đồng lửa cháy rực rỡ và nói:

– Đó, người nào không tin vào lời Chúa phán cũng sẽ bị thiêu đốt trong hỏa ngục như vậy!

Từ ngày rước lễ lần đầu, Gioanna mơ ước có một vài phương cách để phụng sự Chúa và tỏ lòng yêu Ngài cách riêng. Vào tuổi niên thiếu, Gioanna hăng say phục vụ Chúa qua sự giúp đỡ người nghèo khổ và các bệnh nhân cùng khốn.

Năm 20 tuổi, Gioanna kết duyên cùng bá tước Christopher đệ Chantal, một tín hữu nhiệt thành. Thiên Chúa chúc lành cho mối tình duyên Gioanna–Christopher. Họ sống thật hạnh phúc dưới mái ấm gia đình. Gioanna sinh được một ấm tử khôi ngô và ba cô con gái xinh như mộng! Nàng ân cần phụng sự Chúa qua việc hết dạ yêu chồng thương con.

Nhưng, có nhiều điều loài người không ngờ tới! Bá tước Christopher đột nhiên ngã gục trước viên đạn bắn lầm do người bạn cùng đi săn với chàng!



Gioanna dần vật thương đau! Còn nỗi khổ sầu nào lớn lao hơn nỗi đau thương phải vĩnh biệt người yêu? Bốn tấm con thơ nàng phải thay chồng dưỡng dục! Tuy nhiên, nàng sẵn lòng tha thứ cho kẻ gây nên cái chết của chồng, lại còn nhận làm mẹ đỡ đầu cho đứa con trai của ông!

Ít lâu sau, người thân và bạn hữu xa gần giục Gioanna tái hôn, vì đó là thói thường ở đời! Nhưng nàng làm họ ngạc nhiên không ít khi trả lời:

– Tôi đã khấn giữ đức Khiết Trinh.

Lúc này, Gioanna chuyên chăm cầu nguyện. Nàng xin Chúa sai một vị Linh Mục thánh thiện đến hướng dẫn đời nàng. Trong khi đó, nàng ân cần dạy dỗ các con nên người. Nàng thăm viếng người nghèo khổ tật nguyên, an ủi khuyên răn kẻ hấp hối. Nàng may mắn được gặp thánh Phanxicô đệ Salê, và tin chắc đây là người Thiên Chúa sai đến hướng dẫn đời nàng. Nương theo kế hoạch của Đức Cha Phanxicô đệ Salê, Gioanna và ba phụ nữ trẻ khác khởi sự cuộc thành lập Dòng Thăm Viếng.

Nhưng để thực hiện công cuộc trọng đại này, trước hết Gioanna phải vượt thắng mọi ngãng trở do người thân gây ra. Đau lòng xiết bao khi phải xa rời người thân! Đứa con gái lớn của nàng đã kết hôn với em trai của Đức Cha Phanxicô đệ Salê. Nhưng còn hai cô con gái nhỏ và cậu con trai 15 tuổi thì sao? Cô con gái út Chúa đã sớm đưa về trời. Cô còn lại, Gioanna quyết định đem theo với mình. Còn cậu con trai sẽ ở lại với ông ngoại. Nàng phải vận dụng mọi can đảm khi từ giã người thân, đặc biệt khi những người trong gia đình van xin nàng đừng lìa bỏ họ. Nước mắt giàn giụa khi nàng chuẩn bị bước ra khỏi nhà. Nhưng kìa, đứa con trai của nàng nắm chắn ngang cửa, cậu nói với mẹ:

– Nếu má đi, má phải bước qua thân con mà đi!

Gioanna lấy hết nghị lực bước qua thân con trai, rồi quỳ gối trước cha già xin chúc lành. Cụ già đành giơ cao đôi tay run lẩy bẩy chúc lành cho con. Thế rồi, Gioanna tiên bước lên đường. Bỏ lại một tiểu gia đình thương mến, nàng ra đi để tạo lập một đại gia đình thân yêu: gia đình các chị dòng Thăm Viếng.

Đức Khiêm Nhượng và sự Hiền Từ là nền tảng của hội dòng Thăm Viếng. Gioanna trở thành linh hồn và là cộng tác viên sáng lập hội dòng. Người ta

gọi nàng là Mẹ Gioanna đệ Chantal.

Mẹ Gioanna thiết lập rất nhiều tu viện khắp các thành phố thuộc nước Pháp. Va chạm với mọi thứ ngãng trở, nhưng mẹ luôn tỏ ra hiền từ kiên nhẫn như Đức Cha Phanxicô đệ Salê hằng khuyên nhủ các chị dòng Thăm Viếng. Mục đích nguyên thủy của hội dòng là chăm sóc những người đau khổ bệnh tật, đem niềm an ủi hạnh phúc và sự sạch sẽ đến các gia đình túng nghèo. Nhưng đột nhiên, Đức Giám Mục thành Lyon không cho phép các chị em thuộc tu hội Thăm Viếng trong địa phận ngài đi tới các căn nhà bản thiu thuộc những xóm bình khang, bùn lầy nước đọng. Tuy thành lập tu hội với chủ đích đặc biệt đó, nhưng mẹ Gioanna đã vâng lời Đức Cha cách khiêm nhường, và dần dần điều chỉnh lại luật lệ tu hội để rồi biến thành một hội dòng chuyên đi dạy học.

Các nữ tu Thăm Viếng mở trường tại nước Pháp và Thụy Sĩ. Để đi thăm các trường học do hội dòng thiết lập, mẹ Gioanna phải đi khắp nước trên một chiếc xe do lừa kéo. Mặc dù là vị sáng lập tu hội, nhưng mẹ Gioanna luôn sống khiêm nhường. Điều làm mẹ rất khó chịu là khi gần đến một thành phố nào người ta kéo chuông nhà thờ inh ỏi báo tin mẹ đến, người người đứng hai bên đường hô hoán:

– Vị thánh đến! Vị thánh đến!

Rồi các viên chức trong thành ra chào đón mẹ. Ngay cả Đức Giám Mục cũng quỳ gối xin mẹ chúc lành. Trước hoàn cảnh đó, mẹ Gioanna cảm thấy mình thật bất xứng và chỉ muốn được yên thân tu luyện nơi một tu viện hẻo lánh.

Nhiều thử thách lớn lao đang chờ mẹ Gioanna: Đức Cha Phanxicô đệ Salê chết; người thân chống đối công việc của mẹ; cộng thêm với sự khô khan tinh thần do Chúa an bài gửi đến. Những thử thách mà chỉ mình mẹ mới cảm nghiệm được nỗi khổ đau! Tuy đau khổ tột cùng, nhưng mẹ Gioanna luôn tỏ ra điềm tĩnh, tươi vui. Chính thánh Phanxicô đệ Salê có lần đã viết về mẹ như sau: “Đứng trước mọi nỗi thương đau, nét mặt mẹ không hề tỏ ra mất an bình. Mẹ luôn tin cậy hoàn toàn nơi Chúa. Bởi đó, tôi coi mẹ như một linh hồn thánh thiện nhất mà tôi đã gặp”.

Mẹ Gioanna hằng mong mỏi trao quyền hành cho người khác. Mùa xuân năm 1641 mẹ được toại nguyện. Các nữ tu dòng Thăm Viếng bằng lòng chọn một

Bề Trên khác. Bởi đó, mẹ Gioanna trở về địa vị một nữ tu tầm thường như mẹ hằng ước mong.

Lúc này Gioanna đã 70 tuổi, sức khỏe giảm sút nhưng tinh thần minh mẫn, khôn ngoan và từ tốn. Gioanna luôn trung kiên với lý tưởng phụng thờ Chúa, dù trải qua 20 năm tuổi đời mộng mơ, 9 năm sống đời đôi bạn, 10 năm ở vậy nuôi con tìm dò Thánh Ý Chúa, và 31 năm điều khiển hội dòng.

Gioanna tạ thế ngày 13 tháng 12 năm 1641 sau mấy ngày liệt giường. Các nữ tu Thăm Viếng thuộc 86 tu viện đồng loạt khóc thương Vị Sáng Lập hội dòng.

Gioanna đệ Chantal được phong thánh năm 1767 do Đức Thánh Cha Clémentê XIII. Hằng năm Giáo Hội mừng kính thánh nữ vào ngày 12 tháng 12.